

Số 294

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Để là người
tự do

Tr. 28

Sức mạnh
của niềm tin

Tr. 21

Đà Lạt
mộng mơ

Tr. 46

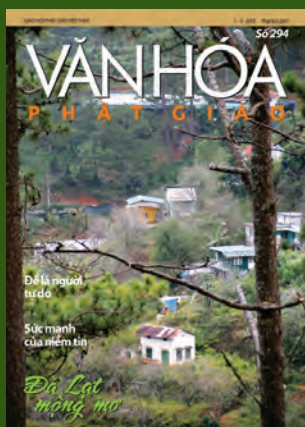


TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT PHẬT GIÁO - CÔNG TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG

ZEN ART

Địa chỉ : 126 Đường 11 Phường Tam Bình - Quận Thủ Đức - TP HCM

Điện Thoại : 0909319882 - Email : mythuatzen@gmail.com - Facebook: mythuatzen@facebook.com - website : www.zenart.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-28) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, DD: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-28) 35265 569
Email: toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Phản tưởng khổ là lạc (Nguyễn Hoàn)	4
Điều blues trong Bài ca Sư phạm (Nguyễn Cẩn)	8
Như huyền phá trừ nghiệp (Nguyễn Thế Đăng)	12
Phật giáo Nam tông Khmer kế thừa, thành tựu và phát triển (Thích Thiện Nhơn)	14
Công đức của việc trì kinh (Thích Như Điển)	18
Sức mạnh của niềm tin (Thích Trung Định)	21
Sai lầm trong văn hoá thụ hưởng (Lê Hải Đăng)	24
Chợ do Định Viễn công lập ở Huế xưa (Nguyễn Văn Toàn)	26
Đã là người tự do (Nguyễn Hữu Đức)	28
Ô nhiễm môi trường trên thế giới, một vấn nạn trầm trọng (Damian Carrington; Cao Huy Hóa dịch)	30
Giai thoại chung quanh cụ Phan Thanh Giản (Tôn Thất Thọ)	32
Vua Tự Đức trước sự bế tắc của mô hình Khổng giáo trong việc quản lý xã hội (Cao Văn Thức)	35
Nguyệt Xứng Nhập Trung Quán Luận (Vũ Thế Ngọc)	38
Tranh Van Gogh mua để đốt (Hồ Anh Thái)	41
Đà Lạt mộng mơ (Hoàng Khánh Duy)	46
Ký ức nhuộm màu ngói cũ... (Trần Văn Thiên)	48
Lồng lộng gió sông (Đặng Đức)	49
Thơ (Miên Đức Thắng, Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Từ, Đoàn Văn Sáng, Phạm Ánh, Hà Ngọc Hoàng, Tánh Thiện, Tịnh Bình)	50
Cuộc phiêu lưu của đôi vợ chồng (Italo Calvino; Trương Văn Dân dịch và giới thiệu)	52
Xin lỗi thầy (Đặng Trung Thành)	54
Mắt khóm trong lòng khóm (Trần Bảo Định)	55

Bìa 1: Đà Lạt sương mù . Ảnh: Nguyễn Đình Niêm.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trong vòng hai tuần qua, chúng tôi có một số niềm vui xin được chia sẻ cùng quý độc giả.

Chưa hết tháng Giêng âm lịch năm Mậu Tuất, một vị độc giả từ Cộng hòa Liên bang Đức về quê đã đến thăm tòa soạn Văn Hóa Phật Giáo, bày tỏ tình cảm, thể hiện sự đồng tình về nội dung và hình thức của báo, sau đó đề nghị mua tất cả những tập báo đóng tập theo thứ tự hiện còn và khá nhiều số báo lẻ. Mới đây, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bạc Liêu đã đặt mua vài trăm tờ VHPG số 293. Các sự kiện trên là những niềm vui lớn đối với chúng tôi; cho thấy hình thức và nội dung của báo đáp ứng được thẩm thức và nhu cầu của quý độc giả, nhất là đã nhận được sự quan tâm của quý vị lãnh đạo Giáo hội tỉnh Bạc Liêu. Mong sao lãnh đạo Giáo hội ở các tỉnh thành khác trên cả nước cũng sẽ lưu ý đến VHPG và đặt báo thường xuyên.

Nhân đây chúng tôi cũng xin trả lời chung một số tác giả gửi bài vở cộng tác với VHPG. Nhiều bài viết tuy nội dung đặc sắc và có giá trị nhưng chúng tôi không thể đăng tải vì không hợp với tôn chỉ và chủ trương của báo. Mặt khác, nhiều tác giả có lẽ chưa đọc tạp chí bao giờ, thường gửi đến những bài viết lẻ lẻ mà nội dung lại trùng lặp với nhiều vấn đề đã được bàn kỹ từ lâu. Chúng tôi mong sẽ nhận được sự cộng tác của các tác giả nhiều hơn và cũng mong quý tác giả cộng tác có theo dõi và quan tâm đến chủ trương của báo để gửi đến những bài viết thích hợp.

Nguyễn cầu Tam bảo gia hộ quý độc giả, cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn được thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Nếu có ai có thể nói một
cách chơn chánh là mình
đã chứng Vô thượng Chánh
đẳng Chánh giác, thời
người ấy phải chính là Ta.**

**(Kinh Tương ưng Kosala,
Tương ưng bộ kinh)**



Phản tưởng khổ² là lạc

NGUYỄN HOÀN

Trong bài kinh Màngandiya thuộc tuyển tập *Trung bộ*, sau khi giảng giải cho du sĩ Màngandiya về lợi ích của sự nhiếp phục lòng tham và phân tích về sự nguy hiểm của các dục, tức những tổn hại do lòng tham muốn các lạc thú thế gian (sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu) gây ra, Đức Phật xác nhận những ai chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với các dục, lại có phản tưởng là được hạnh phúc.

Bậc Giác ngộ dùng ví dụ minh họa:

“Ví như, này Màngandiya, một người bị bệnh cùi, với thân đầy những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loại trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng

tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc. Người ấy dùng thuốc được khỏi bệnh cùi, không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, có thể đi chỗ nào người ấy muốn. Rồi có hai lực sĩ, nắm chặt hai cánh tay người ấy và lôi kéo người ấy đến hố than hồng. Này Màngandiya, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có co rút thân, vật qua vật lại phía này phía kia không?

- Thưa Tôn giả Gotama, có. Vì sao vậy? Vì sự xúc chạm với lửa, là đau khổ, thưa Tôn giả Gotama, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não.

- Này Màngandiya, Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não, hay là trước đây, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não?

- Thưa Tôn giả Gotama, hiện tại sự xúc chạm với lửa ấy là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não, và xưa kia, sự xúc chạm với lửa ấy đã là đau khổ, rất là nóng cháy và rất là nhiệt não. Tuy vậy, thưa Tôn giả Gotama, kẻ bị bệnh cùi này, với thân đầy những lở loét, với thân hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với ngọn lửa, lại có phản tưởng là được lạc thọ.

- Cũng vậy, này Māgandiya, sự xúc chạm với các dục trong thời quá khứ cũng là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời vị lai cũng là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não, và sự xúc chạm với các dục trong thời hiện tại cũng là đau khổ, rất là nóng cháy, rất là nhiệt não. Và này Māgandiya, những chúng sanh này chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, với các căn bị hư hoại, do sự xúc chạm đau khổ với các dục, lại có phản tưởng là được lạc thọ.

Ví như, này Māgandiya, một người bị bệnh cùi thân đầy lở loét, thân bị hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, đang cào rách miệng các vết thương với móng tay, hơ đốt thân mình trên hố than hồng. Này Māgandiya, người bị bệnh cùi với thân đầy lở loét, thân bị hư thối, nứt chảy, bị các loài trùng đục khoét, càng cào rách miệng các vết thương với các móng tay, càng hơ đốt thân mình trên hố than hồng chừng nào thì miệng các vết thương ấy lại càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng thêm thối nát, và người ấy chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miệng các vết thương. Cũng vậy, này Māgandiya, các chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, chạy theo các dục. Này Māgandiya, các chúng sanh chưa đoạn trừ tham ái đối với các dục, đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, càng chạy theo dục chừng nào, thì dục ái các chúng sanh ấy càng tăng trưởng, càng bị dục nhiệt não thiêu đốt, và họ chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do duyên nắm dục trường dưỡng¹.

Thông thường, con người sống ở đời xem các lạc thú thế gian là hạnh phúc, đôi khi còn cho đó là hạnh phúc tối thượng², tức sự thỏa mãn lòng khao khát sắc đẹp, tiếng hay, hương thơm, vị ngon, cảm xúc êm dịu hay sự sở hữu và thụ hưởng đầy đủ các thứ khoái lạc như tiền tài vật chất (tài), danh vọng quyền lực (danh), sắc đẹp khác phái (sắc), ăn uống no say (thực), ngủ nghỉ êm ái (thù). Hẳn là quan niệm và kinh nghiệm thực dụng này có công năng kích thích đời sống con người, khuyến khích các hoạt động tạo tác của con người, thôi thúc con người nỗ lực tìm kiếm và sở hữu các khoái lạc trần thế, càng nhiều càng tốt, càng nhiều càng hạnh phúc! Đó không gì khác là chủ đích và xu thế vượt trội của nền văn minh vật chất đã và đang ngự trị mạnh mẽ trong đời sống nhân loại, một nền

văn minh được xây dựng trên lòng tham, cổ vũ lòng tham và làm tăng trưởng lòng tham dục ở bên trong con người. Chắc chắn không ai có thể phủ nhận và chối bỏ một đời sống gắn liền với sự sở hữu các tiện nghi khoái lạc vật chất. Tuy nhiên, chính do quan niệm và kinh nghiệm thực dụng này mà nhân loại thường xuyên phải đối mặt với các khủng hoảng và thách thức, không ngừng rơi vào tranh chấp, tranh đoạt, cướp bóc, xâm lăng và tàn hại lẫn nhau chỉ vì mục đích thỏa mãn lòng tham, khiến cho lịch sử loài người ngập tràn chiến tranh hơn hòa bình, đời sống nhân loại đổ đầy nước mắt hơn nụ cười; vì “dầu mua bằng tiền vàng, các dục khó thỏa mãn”³ và bởi “các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm càng nhiều hơn”⁴.

Đại kinh Khổ uẩn lưu nhắc như vậy:

“Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-lỵ tranh đoạt với Sát-đế-lỵ, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dẫn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt; họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ đè bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giết đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt



mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phật vạc đầu, họ dùng hình phật bối đôi hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phật la hầu khẩu hình... hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... chúc thủ hình (đốt tay)... khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt)... bì y hình (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương hình (hình phật con dê núi)... câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền)... khối trấp hình... chuyển hình... cao đập đài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm của dục... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, đây các Tỷ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Đây các Tỷ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, đưa đến đau khổ tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân⁵.

Sự phân tích của bậc Giác ngộ cho thấy dục lạc hay các lạc thú thế gian là nguyên nhân của mọi bất hạnh khổ đau xảy ra cho con người và cuộc đời. Chúng được xem là loại hạnh phúc có khổ đau, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não⁶, vì chúng đưa đến tranh chấp, tranh đoạt, chiến tranh, gây nên nhiều tai họa khổ đau cho

nhân thế⁷. Hẳn nhiên, bất hạnh khổ đau xảy ra không hoàn toàn do dục lạc mà do con người thiếu hiểu biết đầy đủ về dục lạc; con người chỉ thấy vị ngọt (*assāda*) của các dục mà không thấy sự nguy hiểm (*adinava*) của các dục, càng không biết cách chế ngự và thoát ly (*nissarana*) các dục; vì thế con người mới bị lòng tham trói buộc và chi phối, mới mê say khao khát dục lạc, mới đi đến tranh chấp, tranh đoạt, xâu xé và tàn hại lẫn nhau chỉ vì mục đích sở hữu và thỏa mãn các dục. Sự thiếu hiểu biết này thật tai hại vì nó khiến cho con người hoàn toàn mê mờ và mù lòa, nhắm mắt nhắm mũi, tiếp tục lôi kéo và giam hãm loài người trong thế giới tranh chấp khổ đau.

Đạo Phật không phủ nhận dục lạc hay các lạc thú thế gian. Đạo Phật chỉ nêu rõ dục lạc vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, sự nguy hiểm càng nhiều hơn và khuyến khích mọi người nỗ lực tu tập, nâng cao đời sống tâm thức để hạn chế và vượt qua các phiền toái khổ đau do lòng tham muốn dục lạc gây ra⁸. Với kinh nghiệm của bậc Giác ngộ, Đức Phật nói cho chúng ta biết con người không thể thoát khỏi phiền não khổ đau do lòng tham muốn dục lạc tạo nên, trừ phi người ấy có sự tu tập chuyển hóa đời sống nội tâm, thực nghiệm các cấp độ an lạc tự nội⁹. Nói cách khác, con người có thể khắc phục và đoạn trừ mọi bất hạnh khổ đau cơ bản do dục vọng gây ra, nếu con người có được sự hiểu biết đầy đủ về vị ngọt, sự nguy hiểm của các dục, cùng lúc có phương pháp tu tập thoát khỏi sự trói buộc và chi phối của các dục¹⁰. Bậc Giác ngộ tuyên bố:

"Đây Mahànāma, thuở xưa, khi Ta còn là Bồ-tát, chưa chứng được Bồ-đề, chưa thành Chánh đẳng Chánh giác, Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: "Các dục vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn", dầu Ta có thấy với như thật chánh trí tuệ như vậy, nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn. Và như vậy Ta biết rằng, Ta chưa khỏi bị các dục chi phối. Và này Mahànāma, khi nào Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: "Các dục, vui ít, khổ nhiều, náo nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn", và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy Ta khỏi bị các dục chi phối"¹¹.

"Đây Māgandīya, Ta thuở trước, khi còn là tại gia, Ta sống hưởng thụ một cách đầy đủ, một cách sung mãn, năm dục trường dưỡng, các sắc pháp do mắt nhận thức, các sắc pháp này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức, các xúc này là khả ái, khả hỷ, khả lạc, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Đây Māgandīya, Ta có ba tòa lầu đài, một cho mùa mưa, một cho mùa đông, một cho mùa hạ. Đây Māgandīya, trong bốn tháng mùa mưa, Ta sống hưởng thụ trong lầu đài mùa mưa, được những nữ nhạc công giúp vui và không bước xuống khỏi

lâu dài ấy. Rồi Ta sau một thời gian, sau khi như chơn biết được sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly của các dục vọng; sau khi đoạn tận dục ái, sau khi trừ diệt nhiệt não của các dục, Ta trú với khát ái được đoạn trừ, với nội tâm an tịnh. Rồi Ta thấy các chúng sanh khác, chưa xả ly tham ái đối với các dục đang bị các dục ái nhai nghiền, đang bị dục nhiệt não thiêu đốt, đang chạy theo các dục. Ta không ước vọng được như họ; ở đây, Ta không ham thích. Vì sao vậy? Vì rằng, này Mågandiya, có hỷ lạc này, ly dục, ly bất thiện pháp, sau khi chứng đạt Thiền lạc, được an trú, hoan hỷ trong hỷ lạc ấy. Ta không ao ước cái gì thấp kém; ở đây, Ta không ham thích¹².

Kinh nghiệm tu chứng của Đức Phật xác nhận rằng ngoài dục lạc hay các lạc thú thế gian dễ làm cho con người rơi vào mê say tham đắm, nhắm tưởng khổ là lạc, tự mình bị sủu lại tìm cầu cái bị sủu¹³, con người có khả năng sở hữu nhiều niềm vui hay nhiều loại hạnh phúc khác cao cả hơn, sâu lắng hơn, an ổn hơn dục lạc hay các khoái cảm trần thế¹⁴. Đó là sự thanh thân an lạc nội tâm, đạt được nhờ chuyển hóa và thanh lọc tâm thông qua hành Thiền. Đây chính là phương pháp chuyển hóa tâm thức rất quan trọng, làm phát sinh các cấp độ an lạc tinh tế sâu lắng thuộc nội tâm gọi là Thiền lạc (*jhanasukha*), có khả năng làm thay đổi cảm thức của con người về kinh nghiệm hạnh phúc.

Theo kinh nghiệm của Đức Phật thì Thiền lạc có khả năng đối trị và loại trừ lòng đam mê dục lạc¹⁵, vì Thiền lạc vi diệu, thù thắng¹⁶ và an ổn hơn dục lạc¹⁷. Bậc Giác ngộ đánh giá cao Thiền lạc¹⁸, gọi hành Thiền (*cittabhàvanà*) là Tăng thượng tâm (*adhicitta*) và hiện tại lạc trú (*ditthadhammasukhavihàra*), ví việc hành Thiền, chứng đạt Tăng thượng tâm, giống như người đứng trên núi cao, có thể hít thở không khí trong lành và thưởng thức vẻ đẹp kỳ diệu của một cảnh quan thiên nhiên rộng lớn, so với cảm thức giới hạn của người không hành Thiền, đứng dưới chân đồi, bị dục lạc chi phối¹⁹. Đây hẳn là kinh nghiệm và giải pháp thiết thực bổ ích cho đời sống của con người, giúp cho con người tìm thấy lối đi quân bình và hài hòa giữa đời sống vật chất và đời sống tâm thức, giải tỏa được các tâm lý ngọt ngào và tẻ nhạt của lối sống một chiều tìm kiếm và thụ hưởng dục lạc.

Nhìn chung, sự thiếu hiểu biết đầy đủ về các dục khiến cho con người bị trói buộc và chi phối bởi dục lạc, nhắm tưởng dục lạc là hạnh phúc, không thấy được sự nguy hại khổ não của các dục hay lòng khao khát thỏa mãn các lạc thú thế gian. Con người càng thích thú chạy theo dục lạc, càng khao khát thỏa mãn các dục, thì càng bị các dục trói buộc và chi phối đến độ trở thành nô lệ hoàn toàn cho các dục, thực thi lối sống bị trói buộc khổ đau giữa các dục mà không hay biết; giống như người bị bệnh cùi càng hơ đốt thân mình trên hố than hồng chừng nào thời miêng các vết thương lại càng thêm bất tịnh, càng thêm hôi thối và càng thêm thối nát, và người

ấy chỉ có cảm giác dễ chịu, thỏa thích do nhân duyên gãi ngứa miêng các vết thương.

Đáng chú ý rằng có sự khác biệt hoàn toàn về kinh nghiệm và khuynh hướng tìm cầu hạnh phúc giữa chúng sinh và các bậc giác ngộ. Những gì chúng sinh xem là hạnh phúc thì các bậc giác ngộ thấy là khổ đau²⁰. Những gì chúng sinh khao khát tìm cầu thì các bậc giác ngộ lặng lẽ rời bỏ²¹. Với các bậc giác ngộ thì các dục là phiền toái khổ đau, buông bỏ được lòng tham dục thì giải thoát an lạc. Nhưng đối với chúng sinh thì các dục là vui thích hạnh phúc, rời xa các dục là sầu muộn khổ đau. Vì sao như vậy? Vì chúng sinh không tìm thấy và chưa tìm thấy được loại hạnh phúc nào khác, ngoài dục lạc hay các lạc thú thế gian. Một người chỉ có một món ăn duy nhất là dục lạc thì không bao giờ rời bỏ được dục lạc, dù biết rằng đó là khổ đau. Nhưng một người sở hữu nhiều loại hạnh phúc khác vi diệu và thù thắng hơn dục lạc thì không có gì khó để buông bỏ dục lạc, cũng đồng nghĩa là buông bỏ trói buộc khổ đau²².

Đó là lý do vì sao Đức Phật khuyên các học trò mình cần phải nhận thức cho thật đầy đủ về các dục, về vị ngọt, sự nguy hiểm của các dục và trên hết, phải thực hành con đường chế ngự và xuất ly các dục (hành Thiền) để có được sự thăng tiến tâm thức (tăng thượng tâm), sự thăng hoa hạnh phúc (tăng thượng an lạc), từng bước nâng cao đời sống nhận thức, nâng cao đời sống tâm thức, nâng cao đời sống giải thoát trong đời sống hàng ngày, ngăn tránh sự quyến rũ và trói buộc của dục lạc vốn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tranh chấp đưa đến bất hạnh khổ đau của thế giới loài người. ■

Chú thích:

1. Kinh Mågandiya, *Trung bộ*.
2. Kinh Năm vua, *Tương ưng bộ*.
3. *Kinh Pháp cú*, kệ số 186.
4. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.
5. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.
6. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*.
7. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.
8. Đại kinh và Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.
9. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.
10. Đại kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.
11. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.
12. Kinh Mågandiya, *Trung bộ*.
13. Kinh Thánh cầu, *Trung bộ*.
14. Kinh Đa thọ, *Trung bộ*.
15. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.
16. Kinh Đa thọ, *Trung bộ*.
17. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*.
18. Kinh Vô tránh phân biệt, *Trung bộ*.
19. Kinh Điều ngự địa, *Trung bộ*.
20. Kinh Hoan hỷ, *Tương ưng bộ*.
21. Kinh Thánh cầu, *Trung bộ*.
22. Tiểu kinh Khổ uẩn, *Trung bộ*.

Điệu blues trong *Bài ca Sư phạm*

NGUYỄN CẦN

Một thời với *Bài ca Sư phạm*¹

Đã có một thời sau 1975, chúng ta thích thú đọc tác phẩm *Bài ca Sư phạm*, một cuốn tiểu thuyết quan trọng trong sự nghiệp của nhà giáo dục, nhà văn Anton Semyonovich Makarenko, trong đó ông viết về những kinh nghiệm quý báu, những suy tư trăn trở của một người thầy đảm trách công việc giáo dục trẻ phạm pháp, mà ông đã gắn bó trong suốt 20 năm ở trường giáo dưỡng. Để sang một bên quan điểm chính trị bây giờ có phần lỗi thời thì những phương pháp Makarenko áp dụng hết sức nhân văn. Những câu chuyện được thuật lại thấm đượm tình thương yêu con người, pha một chút hài hước hóm hỉnh, mô tả cuộc sống sinh động nhiều mặt của bầy trẻ vốn hư hỏng và thậm chí phạm pháp khi được gửi vào trường, và nhiệm vụ khó khăn vất vả nhưng cũng đầy lý thú của một nhà sư phạm - người thầy giáo - với công việc nặng nề của mình.

Những câu chuyện như Makarenko giao cho một em vốn có nhiều tiền sự về trộm cắp đi lấy tiền cho trường, chính em cũng ngạc nhiên hỏi ông rằng có biết em đã từng là người như thế nào không. Makarenko trả lời rằng ông chỉ biết hôm nay em là một con người khác, và ông đặt niềm tin nơi em. Và em đã khóc khi nhận được sự tin yêu vốn tưởng đã mất đi trong cuộc đời em trước khi vào trại. Một lần khác, ông cầm hồ sơ lý lịch của một nhóm trại sinh được đưa đến và ném vào lò sưởi, nói rằng: *"Tôi không biết các em trước đây như thế nào. Từ nay với tôi các em là những người khác". "Nhìn thấy cái tốt trong mỗi con người bao giờ cũng là một việc khó!"*, Makarenko viết.

Với những hoạt động hàng ngày của con người trong cuộc sống, hơn nữa lại là cuộc sống ở một tập thể không lành mạnh, quả là hầu như không thể tìm ra mặt tốt, bởi nó đã bị che lấp bởi cuộc giành giật hàng ngày, chìm ngấm giữa những va chạm mỗi ngày. Cần phải

biết khơi gợi cái tốt trong mỗi con người, nhà sư phạm chính là người mang trọng trách đó. *"Nhà sư phạm phải đến với con người bằng một giả thiết lạc quan, mặc dầu đó là giả thiết có nguy cơ bị lầm lẫn"*. Phải thiết kế cái tốt trong con người, trong việc giáo dục những em thiếu nhi hư hỏng, phạm pháp... tưởng chừng đã trở thành thứ rác rưởi vứt đi. Makarenko kiên trì phương châm đó. Không chỉ đưa các em trở thành những công dân bình thường, không gây tác hại nguy hiểm cho cuộc sống chung, mà phải giáo dục, biến đổi bầy trẻ bụi đời, hoang đường... thành những công dân tích cực. Bỏ lại sau lưng những lầm lạc trong quá khứ, ông gây dựng lại những mầm mống của nhân phẩm chân chính, tốt đẹp. Phải có phương thức, biện pháp cụ thể để "thiết kế cái tốt" trong bản thân mỗi con người. Quá trình xây dựng trại giáo dưỡng thành một tập thể đoàn kết, tổ chức cuộc sống lao động, sáng tạo - là nội dung tác phẩm *Bài ca Sư phạm*. *"Con người không thể sống trên đời nếu không có chút niềm vui nào ở phía trước. Động lực chân chính của cuộc sống con người là niềm hứng khởi của ngày mai!"*

Ngày đó, đất nước còn rất nghèo nhưng chúng ta có cảm giác việc giáo dục trẻ em xem chừng dễ dàng và đơn giản hơn bây giờ, kể cả miền Nam lẫn miền Bắc. Chúng tôi vẫn nhớ những ngày sinh nhật của mình, hay những dịp tết lễ, các em sinh viên chẳng có gì ngoài trái cây hái trong vườn nhà mang đến cho thầy cô, hết sức ấm cúng và đáng trân trọng thứ tình cảm thiêng liêng ấy! Và khi các em giáo sinh ra trường về những trường trung học cơ sở hay phổ thông cũng gặp những học sinh rất ngoan, luôn lắng nghe và vâng lời thầy cô. Phụ huynh thì lại hết sức dễ thương, rất kính trọng thầy cô, còn nhờ bảo ban con mình giùm, vì tiếng nói thầy cô xem ra có trọng lượng hơn! Những ngày 20 tháng 11, áo thầy cô đầy hoa do học trò cài lên... Vinh dự làm sao!

Và điệu blues² đang trở dậy

Nhưng Bài ca Sư phạm ấy đang trở những điệu buồn gần đây. Chỉ trong cuối tháng 2 đầu tháng 3 vừa qua lại xảy ra hàng loạt chuyện đáng buồn.

Theo tin tức trên các báo, hôm 28/2 xảy ra chuyện cô giáo Bùi Thị Cẩm Nhung bị một số phụ huynh học sinh Trường Tiểu học Bình Chánh (Bến Lức), bắt quỳ đúng 40 phút vì cô đã trừng phạt con họ như thế.

Rồi tiếp đó, ngày 2/3 cô C.T.N. (Trường THCS Tân Thạch, huyện Châu Thành, Bến Tre) đang dạy môn tiếng Anh thì phát hiện một nữ sinh lấy bài vở môn khác ra học. Cô N. đến nhắc nhở nhưng nữ sinh này vẫn cố chấp, không nghe nên bị cô giáo thu vở. Lúc này, nam sinh tên T. ngồi phía sau thấy thế liền đứng lên chửi cô N. và bóp cổ cô giáo ngay tại lớp. Sự việc chỉ dừng lại sau khi các giáo viên và nhiều học sinh khác vất vả can ngăn. Nguồn tin từ Trường THCS Tân Thạch (huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre) cho biết, Hội đồng kỷ luật của trường đã bỏ phiếu, thống nhất đình chỉ học tập một năm đối với nam sinh T.

Chưa hết, vào ngày 14/3, Nguyễn Văn Đoàn (trú tại xã Tân Thành, là anh trai của học sinh Nguyễn Văn P. học sinh lớp 9D, Trường THCS Tân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An) cùng Hoàng Văn Đế đến trường để gặp thầy giáo Đặng Minh Thủy (giáo viên chủ nhiệm lớp 9D). Trong lúc hai bên còn đang tranh luận về việc thầy giáo la mắng em P. do đốt giấy trong lớp học, đồng thời mời phụ huynh lên để làm việc, bất ngờ Đoàn đã dùng tay đấm, còn Đế dùng chiếc ghế gỗ bốn chân để ném thầy Thủy khiến thầy bị chảy máu mũi, gục xuống tại chỗ.

Hơn 500 giáo viên huyện Krông Pắc (Daklak) bị buộc nghỉ việc đồng loạt vì dư biên chế trong khi theo ghi nhận của các phóng viên, nhiều giáo viên tại huyện mạnh dạn đứng ra tố cáo với báo chí về việc để được đứng trên bục giảng, họ phải chi những khoản tiền lớn để làm luật với “cò” và một số hiệu trưởng. Không chỉ nhận tiền chạy hợp đồng, có hiệu trưởng, dù không có khả năng, nhưng vẫn nhận từ hàng chục đến hàng trăm triệu đồng, lo việc. Không chỉ ký bữa tuyển dụng vô tội vạ, có hiệu trưởng tại huyện Krông Pắc còn bớt xén tiền lương giáo viên trong thời gian dài. Tiếp nhận tố cáo của các giáo viên, Công an huyện đang tiến hành xác minh, làm rõ để có hướng xử lý.

Còn giữa học sinh với nhau đã có không biết bao nhiêu clip đưa lên mạng tình trạng sử dụng bạo lực giữa học sinh cả nữ và nam, thậm chí có trường hợp bị đâm tử vong trong tháng qua.

Chưa lúc nào, chuyện bê bối của ngành giáo dục bỗng dưng nở rộ, và có người nói cũng sẽ là chuyện “Ngàn lẻ một đêm”.

Vì đâu Bài ca Sư phạm tưởng sẽ vang lên như khúc tráng ca của thời kỳ đổi mới lại rạc rời những điệu nhạc buồn và u oán như vậy? Đó là hệ quả của một quá trình làm giáo dục “tự phát”, thiếu kế hoạch, kỷ cương và triết

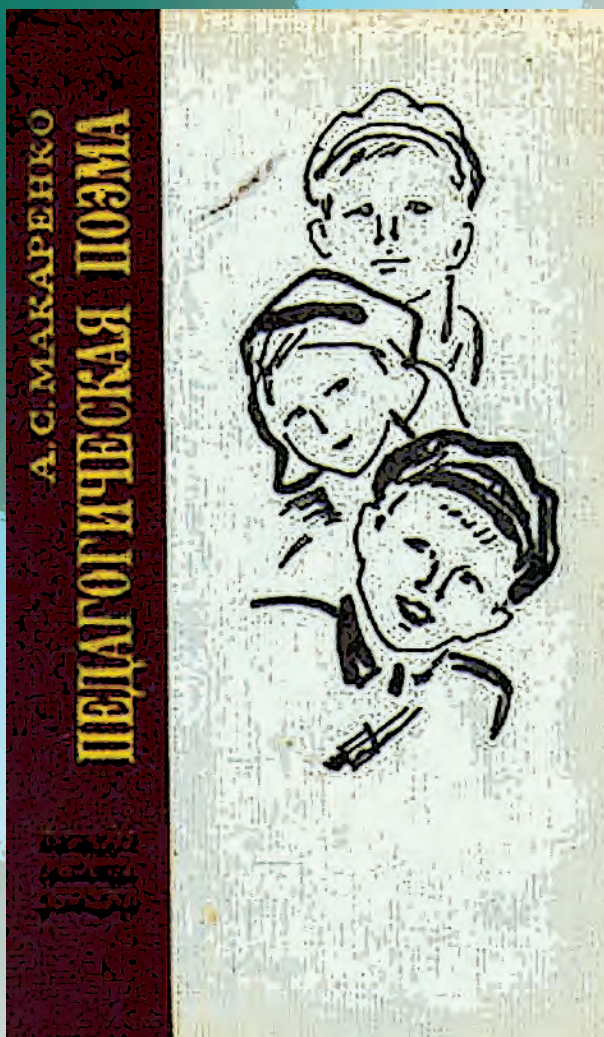


lý hay chỉ là khởi đầu cho một giai đoạn thoái trào của những “thử nghiệm” từ nội dung đến phương pháp?

Nhìn lại những hình thức kỷ luật

Để có cái nhìn công tâm, chúng ta cần nhìn lại những hình thức kỷ luật xem đã hợp lý chưa? Chúng ta có nên trách cô Nhung vì cô nghiêm khắc hay không? Hình thức phạt quỳ của cô xem chừng không còn thích hợp dù so với những hình phạt ngày xưa thì rất bình thường. Hẳn ở thế hệ 5X hay 6X ai cũng nhớ cây roi hay những hình thức như “cắm tước” (vào trường học ngày chủ nhật), có nơi còn phạt quỳ trên xơ mít (!). Ngày xưa, các vị thầy rất nghiêm khắc vì quan niệm “Giáo bất nghiêm sư chi đạo”, còn cha mẹ học sinh thì nghĩ rằng “Không thầy đố mày làm nên” hay “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. John Locke chủ trương “Đánh đập và làm tất cả những hình thức trừng phạt thể xác và làm mất nhân cách không phải là những biện pháp kỷ luật thích ứng trong việc giáo dục một đứa trẻ mà ta muốn đào tạo thành một con người khôn ngoan, lương thiện và thành thật; vậy ta nên hạn chế sử dụng chúng và chỉ dùng trong những trường hợp rất cần thiết và cùng cực”³. Có thể cô Nhung lạm dụng hình phạt, nhưng suy cho cùng chắc cô cũng vì muốn các em vâng lời.

Còn việc đuổi em T. bóp cổ cô giáo một năm thì sao? Chúng ta không thể “chữa bệnh” bằng cách đuổi



bệnh nhân ra đường, không cho uống thuốc!. Trừng phạt học sinh là nhằm giúp các em nhận ra cái sai để sửa chữa. Chúng ta đừng chỉ học tập một năm, ném trẻ ra đời thì ai dạy dỗ? Một đứa trẻ hư nghĩa là gia đình nó đã bỏ bê, thiếu trách nhiệm, nếu nhà trường phải tay thì số phận nó ra sao? Sau một năm trẻ còn đủ nhiệt tình trở lại học tập không? Hay gia nhập đội quân bụi đời mất rồi! Lúc này con trẻ cần cái nắm tay của cha mẹ, thầy cô để khỏi lún sâu xuống bờ vực của bất mãn, sai lầm.

Những hành xử của người lớn

Còn các bậc phụ huynh ép cô giáo quỳ hay thậm chí đánh thầy giáo? Vì họ nuông chiều con em hay chỉ muốn trả đũa cho bố con giận khi thấy con em mình bị phạt? Vì mục đích nào thì họ cũng sai, sai trầm trọng, bởi lẽ hành vi của họ là những cái tát vào truyền thống "tôn sư trọng đạo" ngàn đời của dân tộc, kể cả trong những thời kỳ mất nước! Họ đã làm hoen ố đạo đức của chính mình trước mặt con cái. Ai cho phép họ trả đũa đối với người đang có sứ mệnh dạy con họ làm Người.

Chúng ta ngán ngẩm tự hỏi ai sẽ bảo vệ thầy cô giáo trong những vụ việc trên, khi bản thân thầy hiệu trưởng bỏ ra ngoài để mặc cô Nhưng đối phó với cha mẹ học sinh, còn trường hợp sau không thấy nhân viên bảo vệ nhà trường can thiệp. Họ đã ở đâu? Rồi sau đó chỉ là những tiếng nói yếu ớt của ngành, của cục này vụ nọ nhưng cho đến nay, mới chỉ có một ông đảng viên bị hăm khai trừ ra khỏi Đảng, chưa thấy hệ thống luật pháp hay công an vào cuộc? Còn số phận 500 giáo viên "dôi dư" kia đi về đâu?

Cha mẹ các em đã làm gương phản diện cho thói "sân si" trong khi chúng ta đang dạy các em lòng nhân ái, sự tôn trọng.

Với Locke, điều quan trọng hơn cả trong giáo dục là việc hình thành thói quen. Cần nuôi dưỡng "thói quen" trong việc giáo dục đứa trẻ, là quan điểm mà từ đó John Locke đã chủ trương để triển khai lý thuyết giáo dục. "Có thể bạn ngạc nhiên rằng tôi để phần nói về học vấn vào đoạn cuối, nhất là nếu tôi nói rằng đối với tôi đó là phần ít quan trọng nhất của giáo dục. Theo luật tự nhiên, cha mẹ yêu thương con cái mình, và nếu lý trí không chế ngự được tình thương này thì có thể biến nó thành sự nuông chiều. Cha mẹ yêu thương con cái đó là bản phận của họ; nhưng rất nhiều khi, với con người của chúng, họ cũng yêu thương các tật xấu của chúng nữa... Với các bậc cha mẹ ưa nuông chiều con cái, không những không sửa chữa lỗi lầm của chúng mà còn cho lỗi đó không quan trọng"³.

Ta hiểu thói quen tạo nên tính cách con người. Vào thời đại của mình, Kant đã nhận xét "Chúng ta sống trong kỷ nguyên của nguyên tắc, văn hóa và sự tao nhã nhưng chúng ta phải vượt qua một chặng đường lớn nữa mới tới được kỷ nguyên của đạo tạo đạo đức"⁴, trong khi đó, "nỗ lực đầu tiên trong giáo dục đạo đức là hình thành tính cách". Tính cách, theo Kant, chính là sự kiên định mục tiêu và năng lực xác lập mục tiêu, kiên trì theo đuổi mục tiêu lựa chọn và vượt qua được thách thức. Tính cách chính là sẵn sàng hành động theo phương châm đặt ra, lúc đầu là những phương châm của nhà trường và sau này là phương châm của nhân loại. Thoạt đầu đứa trẻ tuân thủ các quy tắc. Phương châm cũng là quy tắc, nhưng là những quy tắc mang tính chủ quan. Kant cho rằng tính cách không phải là một món quà của tự nhiên mà được hình thành qua một quá trình thông qua giáo dục. "Con người chỉ có thể trở thành một hữu thể đạo đức khi lý trí của anh ta phát triển thành tư tưởng về trách nhiệm và luật pháp"⁴.

Xây dựng lại tam giác

Thầy cô - Gia đình - Học sinh

Nhà Phật chủ trương giáo dục phải khởi đi từ cha mẹ rồi đến thầy cô. Họ phải là tấm gương cho con trẻ soi chiếu. Đó chính là "thân giáo". Khi cha mẹ trả đũa thầy cô nghĩa là đã dạy cho con cách trả thù cho kẻ đã

trừng phạt mình, bất chấp “động cơ” hướng thiện của người để ra hình phạt ấy!

Còn nhớ ngày xưa trước 1975, chỉ cần một trường hợp học sinh hành hung thầy giáo khảo trong một kỳ thi Tú tài đã gây chấn động xã hội. Hay câu chuyện trong tiểu thuyết của nhà văn Duyên Anh “*Ngựa chứng trong sân trường*”, khi thầy giáo dù rất giỏi võ, vẫn để một đám học sinh cá biệt đánh mình vì thầy muốn dạy chúng bài học về tình thương yêu chứ không phải căm thù. Câu chuyện ấy đã gây nên bức xúc trong dư luận, dù đoạn kết truyện, các em đã biết thầy giỏi võ khi thầy ra tay trừng trị những tên du đãng khi chúng vào trường đánh học sinh của thầy, khiến các em cảm phục vì thầy đã “chịu đòn” trước đó.

Đã có những buổi hội thảo tranh luận công khai ở Đại học Sư phạm về tác phẩm này, dù hư cấu! Nhất là ngày đó, miền Nam đã phổ biến tác phẩm “*Tâm hồn cao thượng*” (nguyên tác của Edmondo De Amicis)⁵ với những lời cha dạy con “Con phải yêu mến thầy, bởi vì cha yêu mến thầy và kính trọng thầy; con phải yêu mến thầy vì thầy đã hiến dâng cả cuộc đời cho hạnh phúc của biết bao trẻ em mà họ thì sẽ quên thầy. Hãy yêu mến thầy vì thầy mở mang và soi sáng trí thông minh cho con, và nâng cao tâm hồn của con lên... Con hãy yêu mến thầy giáo như một người cha, yêu mến thầy khi thầy vuốt ve con, và cả những lúc thầy rầy la con; khi thầy công bằng và cả khi con cho rằng thầy không công bằng; hãy yêu mến thầy khi thầy vui, và càng yêu mến hơn khi thầy buồn; và con hãy nói đến tiếng “thầy” với tấm lòng luôn luôn tôn kính, bởi vì, sau tiếng “cha” thì đó là danh vị cao quý nhất, dịu dàng nhất mà một con người có thể tặng cho một con người khác”.

Hay những lời trần tình của một vị thầy nghiêm khắc, thầy Pecponi trong buổi học cuối cùng: “*Các con ạ! Hôm nay là buổi họp mặt cuối cùng của chúng ta. Chúng ta đã sống chung với nhau một năm trời và bây giờ chúng ta chia tay nhau như những người bạn tốt, có phải thế không? Thầy rất lấy làm tiếc là phải xa các con. Các con ạ, nếu đôi khi thầy không kiên nhẫn được mà nóng nảy, nếu đôi khi thầy nghiêm khắc quá, mà thầy không hay, thì các con tha lỗi cho thầy, và thương thầy*”.

Người thầy đó, không có gia đình, nên thầy treo những tấm ảnh học sinh của thầy ở đầu giường suốt 20 năm, để tin rằng khi sắp chết, cái nhìn cuối cùng của thầy sẽ quay về những đứa học trò.

Cũng trong tác phẩm ấy, rất nhiều lần học sinh xin lỗi thầy bởi những sai sót, ngỗ ngược. Và vì thầy cũng là một con người, nên có lúc nóng giận, có lúc sai lầm. Nhưng thầy đã xin lỗi. Lời xin lỗi làm thầy trở nên vĩ đại, bởi thầy đã dũng cảm như những gì thầy đã dạy cho các em. Còn nữa, hình ảnh một cô giáo dù bệnh tật không bỏ học trò, trước khi chết chỉ xin các em đừng đi đám tang vì sợ các em khóc. Hay một thầy hiệu trưởng già, sau khi vô tình để dây một giọt mực ra vở của học

sinh, quyết định xin nghỉ việc về với căn nhà tồi tàn mà thầy xem là phần thưởng suốt 60 năm đi dạy. Những câu chuyện cảm động làm sao!

Nói theo nhà Phật, chính giáo dục là từ bi. Từ bi không phải là thụ động yếm thế nhu nhược mà người ta vận dụng tâm tư hay phương tiện để làm cho mọi người được vui, và chia sẻ nỗi buồn của người khác. Thiếu vắng từ bi, con người sẽ bị chi phối bởi sân hận - nguyên nhân tai hại gây ra khổ đau cho người khác. Chúng ta thấy những kiểu hành xử bạo lực gây đổ vỡ mất hạnh phúc trong trường học giữa bạn bè, giữa phụ huynh với thầy cô hay xa hơn trong xã hội những người thân như vợ chồng anh em, họ hàng cho đến việc lớn như chém giết khủng bố chiến tranh giữa các phe nhóm, giữa các quốc gia... Tất cả đều do sân hận mà ra, nó nằm sẵn ở trong mỗi con người, có dịp là nó bùng nổ. Chúng ta hiểu như nhà thơ William Wordsworth: “*The child is father of the man*”, tính cách bắt đầu từ trẻ thơ, trước khi trở thành người lớn. Ban đầu là việc nhỏ, nhưng để tập thành thói quen là một chuyện lớn. Chúng ta sẽ ân hận khi sản phẩm của chúng ta là thứ phẩm, hay phế phẩm khi nền giáo dục không làm tròn trách nhiệm “trồng người”. Muốn vậy, xã hội phải dành sự tôn trọng cho thầy cô ở mức cao nhất để những lời tuyên dương về một nghề cao quý với mức đãi ngộ vật chất vốn không cao, sẽ không trở thành sáo rỗng và khẩu hiệu suông khi thầy cô vẫn bơ vơ tìm sự bảo vệ từ bên ngoài trong hy vọng nhặt nhòa.

Mong thay! ■

Chú thích:

1. *Педагогическая поэма*, Anton Semyonovich Makarenko. Bản dịch tiếng Việt của Hướng Minh (1962) dựa theo bản tiếng Pháp *Poème Pédagogique* của Jean Champenois (1953).

2. “Blues đơn giản là khi một người tốt đang cảm thấy thật tệ”. Thuật ngữ “blues” là cách viết ngắn gọn cho cụm “blue devils” (những tên quỷ buồn bã), mang nghĩa là u sầu và buồn bã, xuất hiện lần đầu trong tên tác phẩm *Blue Devils* (1798) của George Colman. Tên gọi blues có lẽ đã được người Mỹ gốc Phi sử dụng từ rất lâu trước đó. Thế nhưng, từ “blues” lại chính thức được biết đến trước trong tên và lời bài hát của những nghệ sĩ da trắng. Đầu tiên là vào năm 1908, trong ca khúc “*I Got the Blues*” của Antonio Maggio. Tiếp đó là vào năm 1912 trong ca khúc “*Dallas Blues*” của Hart Wand, đồng thời được ghi dấu bản quyền là sáng tác blues đầu tiên. Trong ca khúc này, Wand miêu tả “blues” là một tâm trạng chán chường và phiền muộn (theo <http://www.Tri thuc tre - Blues> - Giai điệu của những câu chuyện buồn).

3. *Vài suy nghĩ về giáo dục* - John Locke - bản dịch Dương Văn Hóa - Nxb Tri Thức - 2017.

4. Roseler R.O. *Principles of Kant's Educational Theory*. University of Wisconsin Press. Manatshefte. Vol 40, No 5.

5. *Tâm hồn cao thượng, Cuore*, Edmondo De Amicis, Bản dịch Hà Mai Anh từ bản tiếng Pháp *Grand Coeurs*.

Như huyền phá trừ nghiệp

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Nghiệp (karma) là một hành động. Hành động ấy phát xuất từ một chủ thể nhằm đến và tác động lên một đối tượng. Với người bình thường hành động ấy có động cơ là tham, sân, si, kiêu mạn, đố kỵ... là những “độc” từ lâu đã nhiễm vào thân tâm. Hành động ấy tác động lên đối tượng là một hay những người khác và gây ra tốt xấu cho người khác. Tốt thì gọi là nghiệp tốt, xấu gọi là nghiệp xấu. Những hành động này tạo thành những dấu vết, những tướng (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) in vào tâm thức, đúng hơn, in vào a-lại-da hay tạng thức của người hành động ở dạng những hạt giống. Những hạt giống xấu tốt này là nhân sẽ mọc lên, hiện thành hình tướng, khi có đủ điều kiện (duyên). Đây là quá trình tạo nhân và hưởng quả của nghiệp. Quả báo của nghiệp xấu là gặp các chuyện xấu và sanh trong các cõi thấp; quả báo của nghiệp tốt thì gặp các điều tốt và sanh trong các cõi cao, nhưng cũng không thoát khỏi ba cõi sanh tử.

Sở dĩ hành động tạo nghiệp vì chấp mọi sự là thật. Tôi là thật có, đối tượng để hành động và hành động của tôi là thật có. Càng chấp thật chừng nào, dấu vết in vào tâm thức càng sâu đậm, nghiệp càng nặng nề khó tẩy xóa. Trong khi đó một người tu Bồ-tát hạnh vẫn hoạt động, thậm chí hoạt động mạnh mẽ hơn người thường, nhưng ít tạo nghiệp vì không chấp là có thật. Kinh *Kim cương* nói: “Bồ-tát làm đủ các thứ bố thí, giữ giới, nhẫn nhục... mà không trụ sắc thanh hương vị xúc pháp”. Để hoạt động mà không tạo nghiệp, giải thoát cho mình và cho người, kinh *Lăng-già* nói: Bồ-tát nên khéo quán sát tướng nhân vô ngã và tướng pháp vô ngã, nghĩa là quán sát sự không thật của cái tôi và đối tượng cho hành động của cái tôi. Thấy sanh tử không có thật tức là giải thoát khỏi sanh tử.

“Đại Huệ! Bồ-tát nên khéo quán sát tướng nhân vô ngã và tướng pháp vô ngã.

Đại Huệ! Tướng nhân vô ngã là gì? Đó là uẩn, giới, xứ lia ngã, ngã sở. Vì vô trí và ái nghiệp mà sanh khởi các thức mắt, tai... rồi bám giữ sắc, thanh... mà sanh suy nghĩ chấp trước. Lại, thân, vật, thế giới mà tự tâm thấy đều là sự hiển hiện của tạng tâm, sát-na tương tục biến hoại không ngừng, như sông chảy, như hạt giống, như ánh đèn, như gió vụt qua, như mây nổi. Chúng chuyển động chẳng an như khi vượn, ưa chỗ dơ bẩn như ruồi nhặng, không biết chán đủ như ngọn lửa mạnh, lấy tập khí từ vô thủy làm nhân, trôi lăn không ngừng trong các nẻo như bánh xe

quay nước, đủ thứ cử động sắc thân quay cuồng, thí như tử thi do sức chú mà hoạt động, cũng như người gỗ do máy mà hoạt động.

Nếu có thể khéo biết tướng thân tâm như vậy, đó gọi là trí nhân vô ngã”.

Nhân vô ngã là người vô ngã, thân tâm là vô ngã, không có một chủ thể, một trung tâm. Uẩn, giới, xứ, tự thân mỗi cái là do nhiều duyên mà sanh, cho nên không có tự tánh. Sự hợp lại của ba cái đó để tạo thành thân tâm cũng là duyên sanh nên vô tự tánh, như huyền. Thân tâm từ uẩn giới xứ là duyên sanh, vô tự tánh, như huyền nên thực chất của thân tâm là vô sanh. Đó là trí nhân vô ngã.

Sự thật là “thân, vật, thế giới mà tự tâm thấy đều là sự hiển hiện của tạng tâm, sát-na tương tục biến hoại không ngừng, chuyển động như sông chảy, như gió vụt qua, không biết chán đủ như ngọn lửa mạnh, lấy tập khí từ vô thủy làm nhân, trôi lăn không ngừng trong các nẻo như bánh xe quay nước, đủ thứ cử động sắc thân quay cuồng, như người gỗ do máy mà vận động”. Sự thật chuyển động của thân tâm và sanh tử chỉ là sự chuyển động của tạng tâm khiến vọng thấy thân tâm và thế giới trước mắt. Thoát khỏi sự chuyển động của tâm, ý, ý thức thì tất cả vốn là vô sanh. Thế nên Địa thứ Tám chứng Vô sanh pháp nhãn gọi là Bất động địa.

“Khéo quán sát tướng nhân vô ngã như vậy, đó gọi là trí nhân vô ngã”. Trí ấy thấy như thật thân tâm, chúng sanh, cảnh giới ngoài kia là không có thật, như huyền và do đó giải thoát khỏi mê lầm cho mọi sự là có thật. Với một người quen thuộc với thiền định và thiền quán, quán sát lúc nào thì sanh tử vô minh bị chặn đứng lúc đó, không cho những hạt giống tập khí trôi chảy và dần dần tiêu diệt hết các tập khí chấp ngã chấp pháp vô minh.

Nhưng trong quá trình mê lầm tích tập sự “suy nghĩ chấp trước” cái tôi thì đồng thời cũng “suy nghĩ chấp trước” người khác và thế giới bên ngoài tôi. Có nhân thì có pháp, có tâm thì có cảnh, tâm hư vọng thì cảnh hư vọng. Thế nên phải quán pháp vô ngã.

“Đại Huệ! Thế nào là trí pháp vô ngã? Đó là biết uẩn giới xứ là tính vọng kế. Uẩn giới xứ vốn lia ngã và ngã sở, chỉ là ái nghiệp trói buộc cùng tích tụ làm duyên cho nhau mà khởi, không làm gì có tác giả. Uẩn giới xứ cũng thế, lia tự tướng cộng tướng, chỉ do hư vọng phân biệt mà có đủ thứ tướng hiện. Phàm phu thì phân biệt, bậc thánh thì không.

Quán sát tất cả pháp như vậy, lìa tâm, ý, ý thức, năm pháp, các tự tánh, đó gọi là trí pháp vô ngã của Đại Bồ-tát. Được trí ấy rồi thì biết không có cảnh giới, liền vào Sơ địa, tâm sanh hoan hỷ. Biết tướng các địa, thứ lớp dần dần tiến đến Thiện huệ địa và Pháp vân địa, các việc cần làm đều hoàn thành. Trụ địa ấy rồi, có hoa sen báu lớn nhất với các báu trang nghiêm, trên hoa có cung điện báu dạng như hoa sen, do Bồ-tát đã tu pháp môn tánh huyễn mà thành tựu, rồi ngồi trên đó, được các Phật tử (Bồ-tát) đồng hàng vây quanh trước sau, tất cả Như Lai ở các cõi Phật đều dùng tay quán đánh như con của Chuyển luân vương được quán đánh, vượt khỏi hàng Thập địa được pháp tự chứng, thành tựu Pháp thân tự tại của Như Lai.

Đại Huệ! Đó là thấy tướng pháp vô ngã. Ông và các Đại Bồ-tát nên chuyên cần tu học”.

Uẩn, giới, xứ, chúng sanh, thế giới là tính vọng kế, so tính hư vọng phân biệt mà có. Tất cả “chỉ do phân biệt hư vọng mà có đủ thứ tướng hiện” chứ thật ra trí pháp vô ngã thì “biết không có cảnh giới”. Nói thế nghĩa là cảnh giới sanh tử thật ra là không có, do vọng thấy mà có nên như huyễn như mộng.

Vọng kế và phân biệt là công việc chính yếu của ý thức. Ý thức phân biệt làm cái không có sanh tử trở thành sanh tử, nhưng cũng chính ý thức là tác nhân chính yếu để chuyển sanh tử phân biệt trở lại Niết-bàn không phân biệt. Cũng ngay nơi ý thức mà “phân biệt là thức, không phân biệt là trí”.

Tất cả các pháp chỉ do phân biệt hư vọng mà có. Tất cả các pháp không có tự tánh, chỉ vì phân biệt vọng kế và chấp trước vào sự phân biệt ấy mà thấy là có tự tánh. Cho nên thấy như thật các pháp là không tự tánh, như huyễn, “như hoa giữa hư không, như đợt sóng mà cho là nước, như thành Càn-thát-bà, như trăng trong nước”, đó là trí pháp vô ngã.

Nghiệp phát sanh từ sự chấp là có thật nhân và pháp, và đi dần từ tế đến thô. Nghiệp che chướng tâm, dù tế hay thô, nên gọi là nghiệp chướng. Trí nhân vô ngã và pháp vô ngã phá trừ chấp nhân và chấp pháp, tức là phá trừ nghiệp chướng. Hai che chướng này được diệt trừ đến mức độ nào đó thì Pháp thân, tức là thực tại không sanh không diệt hiển lộ, Bồ-tát nhập vào các địa của Pháp thân. Ngộ và nhập Pháp thân đều do “pháp môn tánh huyễn mà thành tựu”.

Nhân và pháp là hai cái ngăn che, giới hạn đời sống vào trong những bức tường do mình tự tạo, đó là hoàn cảnh sanh tử của mỗi người. Phiền não khổ đau đều đến từ sự bức ép của những bức tường chấp nhân và chấp pháp này. Phá trừ được chúng bằng quán vô tự tánh, như huyễn, con người sẽ được giải thoát, tự do.

Quán nhân vô ngã và pháp vô ngã còn làm cho Bồ-tát thoát khỏi nghiệp của chúng sanh bằng trí huệ thấy không thật có, như huyễn. Trong khi chúng sanh thấy thật có nhân và pháp nên cũng thấy nghiệp là có thật và do đó tạo nghiệp và chịu nghiệp quả. Bồ-tát do có trí nhân



và pháp vô ngã cho nên không thấy nghiệp của chúng sanh là thật, không cùng một bệnh chấp thật với chúng sanh, thấy “không làm gì có tác giả, thân, vật, thế giới”.

Nhờ thấy chúng sanh và nghiệp của họ là như huyễn, nghĩa là thấy tánh Không, nên tuy cùng ở với chúng sanh và nghiệp của họ mà không bị chúng sanh và nghiệp của họ chi phối. Như đại dương chứa tất cả mọi làn sóng (nghiệp) nhưng đại dương vẫn là đại dương, không vì thế mà chuyển thành sóng. Do không cùng một bệnh chấp thật với chúng sanh, không khổ như chúng sanh, không lưu chuyển như chúng sanh thì mới “hưng tâm đại bi” đối với chúng sanh được. Nhờ trí vượt khỏi, giải thoát khỏi cái nghiệp của chúng sanh thì lòng bi mới có đủ sự không nhiễm ô bởi nghiệp của chúng sanh để giải thoát chúng sanh ra khỏi nghiệp của họ được.

Biết nhân, pháp vô ngã

Phiền não và sở tri

Thường thanh tịnh vô tướng

Mà hưng tâm đại bi.

Các thứ che chướng chấp nhân chấp pháp ấy đều là do tích tập hợp lại mà thành. Chúng là duyên sanh, nên có sanh có diệt, vô tự tánh, như huyễn. Khi phá trừ được chúng, cả thô lẫn tế, thì như kinh *Lăng Nghiêm* nói: “Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền”.

Trừ diệt được các thứ che chướng ngoại sanh giả hợp ấy là con đường đưa đến Phật quả:

Khéo biết hai vô ngã

Trừ hai chướng, hai não

Và lìa hai thứ tử

Nên gọi là Như Lai. ■



Nguồn: nongnghiep.vn

Phật giáo Nam tông Khmer kế thừa, thành tựu và phát triển

THÍCH THIỆN NHƠN

Theo truyền sử, đồng bào dân tộc Khmer Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long) đã định cư lâu đời trên phần đất cổ này, trước nhất là tập hợp quần cư ở những gò đất cao, giống cát nổi, cuối cùng là vùng đất trũng. Trong đó những thế kỷ đầu, đồng bào sống theo tín ngưỡng dân gian, thờ ông Tà - Arach, bình vôi, ông Táo. Những thế kỷ tiếp theo là đạo Bà-la-môn do các thương nhân người Ấn mang đến, xâm nhập vào các tỉnh ven biển như Hà Tiên, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh, Mỹ Tho, Gia Định, Thuận Thành (Ninh Thuận, Bình Thuận)... theo tín ngưỡng Linga thờ thần Shivar (Thần hủy diệt), thần Vishnu (Thần ban phúc lành). Những thế kỷ kế là đạo Phật Thượng tọa bộ xuất phát từ Nam Ấn theo cửa sông Naramada dọc ven biển đến Việt Nam. Những ngôi

chùa được xây dựng sớm nhất là chùa Tropengveng (313 TL) và chùa Sambuarangsay (373 TL) tại Trà Vinh.

Đạo Phật phái Thượng tọa bộ (về sau gọi chung là phái Mahanikaya) truyền vào Campuchia từ Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan vào thế kỷ thứ XIV (1307) dưới thời vua Thất-lị-nhân Đà-la-bạt-ma. Tuy nhiên, tại Thái Lan, vào năm 1829 có vị Sãi cả tên Preah Saukon từ bỏ phái Đại chúng (Mahanikaya), tiến hành thành lập phái Thommayutt, được sự ủng hộ của Hoàng gia Mongkut Ramma IV và tiếp tục truyền sang Campuchia vào năm 1864. Đến năm 1890, Hoàng tộc Campuchia phái một số Sư sãi phái Thommayutt sang truyền đạo ở Việt Nam, chủ yếu là tỉnh An Giang, Kiên Giang, hình thành một ngôi chùa tiêu biểu là Prey Veng ở huyện Tri Tôn - Châu Đốc và một số chùa khác. Mở đầu cho Phật

giáo Nam tông Khmer có hai phái: Phái Maha Nikaya và ThommayuTT. Nhưng phái Maha Nikaya (phái Đại chúng) chiếm đa số tại Việt Nam.

Năm 1957, Cư sĩ Sơn Thái Nguyên, một Sãi cả tu xuất năm 1954 làm công chức cho chính phủ, đã đứng ra xin phép Bộ Nội vụ Chính phủ Việt Nam Cộng hòa thành lập phái Phật giáo Theravada (Phật giáo Nguyên thủy). Như vậy, các Sư sãi người Việt gốc Khmer và cả Khmer nguyên thủy đều nằm trong tổ chức giáo phái này. Tuy nhiên, chư vị vẫn quy hướng về Vua Sãi từ Campuchia ở Phnom Penh vẫn là chính, cụ thể là thời Vua Sãi Huôn Tat và Chuôn Natt (1920-1950). Nói khác đi, là tùy thuộc hoàn toàn vào Vua Sãi Phật giáo Campuchia và Chính phủ Hoàng gia Campuchia. Do đó, để tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa Phật giáo Nam tông Nguyên thủy Việt Nam với Phật giáo Vương quốc Campuchia, được sự đỡ đầu của Vua Sãi và sự hỗ trợ hoàn toàn của Chính phủ Hoàng gia, nên tại Việt Nam các tỉnh đều thành lập Hội đồng Kỷ luật (Mekon), gồm sáu chức sắc:

1. Mekon: Sãi cả quản lý một tỉnh, thành phố, có nhiệm vụ phổ biến giáo lý, quyết định các công việc của chư Tăng, của các chùa trong tỉnh, thành phố hoặc với chính quyền địa phương của tỉnh, thành phố và cả Vua sãi, Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

2. Một hay hai Balakon: Phó sãi, phụ tá với Sãi cả, có nhiệm vụ xây dựng giáo lý, giảng dạy cho các Tỷ-kheo, Sa-di, học sinh Phật tử, sắp xếp tổ chức các lễ hội của chùa và của đồng bào dân tộc, kiến thiết chùa chiền...

3. Vineythakon: Vị Sãi cả phụ trách về Luật (Giám luật).

4. Samouhakon: Vị Sãi cả phụ trách về văn khố.

5. Lekhathika: Thư ký.

6. Một hay hai Anonkon: Vị Sãi cả phụ trách một quận hay một huyện.

Những tỉnh, thành, quận, huyện có nhiều chùa, thì mỗi chùa thành lập một Ban Quản trị, giúp việc cho chư Tăng, hộ trì Tam bảo.

Ban Quản trị có từ năm vị hay nhiều hơn, gồm: Trưởng ban (Chủ tịch), hai Phó ban (hai Phó Chủ tịch), Tổng Thư ký, hai Phó Tổng Thư ký, Thủ quỹ, Phó Thủ quỹ, hai Kiểm soát, một phụ trách Nghi lễ, một phụ trách Hoằng pháp, một Tổ chức và nhiều cố vấn. Do đó, chư Tăng khi thụ giới, tu học đều phải sang Phnom Penh tu học. Sau khi hoàn tất chương trình thì trở về Việt Nam hành đạo. Khi xây dựng chùa chiền, đều phải trình Vua Sãi Campuchia cho phép và thỉnh Vua Sãi hoặc Phó Vua Sãi sang Việt Nam làm lễ Sima và đặt tên chùa mới hợp pháp.

Đến năm 1960, khi quan hệ giữa Việt Nam Cộng hòa và Vương quốc Campuchia bị cắt đứt thì sự trợ giúp trực tiếp giữa Vua Sãi và Chính phủ Hoàng gia không còn. Tuy nhiên, các tổ chức Mekon tại một số tỉnh, thành phố Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì để sinh hoạt Tăng sự được hanh thông và có hiệu quả cho

đến năm 1975. Để bù đắp lại khoảng trống này, đồng thời giảm bớt ảnh hưởng quan hệ quá tùy thuộc vào Vương quốc Campuchia trước đây, Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã giúp đỡ Hội Phật giáo Theravada (Mekon Nam Bộ) thành lập Trường Cao đẳng Pali, gồm hai cấp: Trung đẳng và Cao đẳng tại chùa Ông Mệt (Meas) (Wattkompong) tỉnh lỵ Phú Vinh - Vĩnh Bình, nay là thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Trường hoạt động đến năm 1975 thì ngưng hoạt động. Đến năm 2013, Phật giáo Nam tông Khmer kết hợp cùng Trường Đại học Trà Vinh thành lập Trường Trung cấp Pali tỉnh Trà Vinh.

Một điều đáng nói là ngày 22/12/1960 tại khu căn cứ Dương Minh Châu biên giới tỉnh Tây Ninh, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập, do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, thì Hòa thượng Sơn Vọng người Trà Vinh là hàng giáo phẩm cấp cao của Phật giáo Nam tông Khmer tham gia Mặt trận, với chức vụ là Phó Chủ tịch. Sau khi Hòa thượng viên tịch thì Hòa thượng Hữu Nhem người xứ Cà Mau thay thế.

Như vậy vào thời điểm này, Phật giáo Nam tông Khmer hoạt động trong hai giới tuyến vùng địch tạm chiếm và vùng giải phóng cũng như vùng xói đầu cho đến ngày 30/4/1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc, thành lập nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1976).

Trong phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam năm 1963, Phật giáo Nam tông Khmer đã tích cực tham gia Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, bao gồm các giáo phái Phật giáo tại miền Nam, do Hòa thượng Thích Tâm Châu - Phó Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam làm Chủ tịch. Hòa thượng Lâm Em, Tăng trưởng Phật giáo Nam tông Khmer, trú xứ chùa Chatarangsay, quận 3, Sài Gòn tham gia cố vấn cho Ủy ban. Cư sĩ Sơn Thái Nguyên đại diện Phật tử Nam tông Khmer tham gia làm Ủy viên Thường trực của Ủy ban.

Tại các tỉnh, thông qua sự lãnh đạo của các Mekon, hưởng ứng phong trào theo sự chỉ đạo của Trung ương. Một điểm thuận lợi khác, bên trong và phía sau còn được sự ủng hộ và chỉ đạo của Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước, do Hòa thượng Thạch Xom trú xứ tỉnh Trà Vinh làm Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam khu Tây Nam Bộ làm Chủ tịch, Hòa thượng Sơn Vọng, Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam làm Chủ tịch danh dự, góp phần thành công cho phong trào đấu tranh của Phật giáo miền Nam, đưa đến chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm bị sụp đổ, tự do tín ngưỡng tôn giáo được tôn trọng và phát triển trong tinh thần bình đẳng các tôn giáo tại miền Nam Việt Nam.

Tiến thêm một bước, để tạo thành một khối Phật giáo thống nhất hai Hệ phái Nam Bắc tông và các đoàn thể Phật giáo khác tại miền Nam, Đại hội thống nhất

Phật giáo Việt Nam ngày 01/01/1964 tại chùa Xá Lợi, quận 3, Sài Gòn do Hòa thượng Thích Tâm Châu, Chủ tịch Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo làm Trưởng ban Tổ chức. Đại hội thành lập GHPGVNTN, thông qua Hiến chương và suy cử hai Viện Tăng thống và Viện Hóa đạo cùng các Tổng vụ.

Tham dự Đại hội, phái đoàn Phật giáo Nam tông Khmer gồm có: Hoà thượng Lâm Em, Đại đức Thạch Gồng, ĐĐ.Thạch Reach, ĐĐ.Kim Sang, ĐĐ.Kien Phum, ĐĐ.Danh Bao, ĐĐ.Danh Srum, ĐĐ.Thạch Pêch, ĐĐ.Thạch Suông, ĐĐ.Sơn Sương, ĐĐ.Châu Lun, ĐĐ.Tăng Kim... ĐĐ.Sơn Sun, Cư sĩ Sơn Thái Nguyên là thành viên của đoàn. HT.Lâm Em được Đại hội suy tôn làm Trưởng lão Viện Tăng thống, ĐĐ.Thạch Gồng được suy cử làm Phó Thư ký Viện Tăng thống, ĐĐ.Kim Sang làm Vụ trưởng Tăng bộ Nam tông vụ thuộc Tổng vụ Tăng sự, Cư sĩ Sơn Thái Nguyên làm Vụ trưởng Thiện tín Nam tông vụ thuộc Tổng vụ Cư sĩ.

Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, Bắc Nam sum họp một nhà, các tổ chức chính trị xã hội đều thống nhất thành một mối. Đây là cơ duyên để Phật giáo cả nước thống nhất thành một tổ chức duy nhất. Năm 1980, sau nhiều phiên họp hiệp thương tại TP.Hồ Chí Minh, kết quả một Ban Vận động do HT.Thích Trí Thủ - Viện trưởng Viện Hóa đạo GHPGVNTN làm Trưởng ban Vận động, HT.Châu Mum - Hội trưởng Hội Sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ làm Phó ban Vận động.

Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 07/11/1981, tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, Đại hội Thống nhất Phật giáo cả nước thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đại hội suy tôn Hòa thượng Thích Đức Nhuận làm Pháp chủ, Phật giáo Nam tông Khmer có Hòa thượng Ma Ha Sa Rây, Hòa thượng Thạch Xom làm Phó Pháp chủ. Suy cử Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Phật giáo Nam tông Khmer có Hòa thượng Châu Mum làm Phó Chủ tịch. Tại Đại hội, HT.Dương Nhơn đại diện Hội Sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ đã đọc tham luận, có đoạn: “Vô cùng phấn khởi đến dự Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam, thay mặt Hội Sư sãi Yêu nước miền Tây Nam Bộ, trên mười ngàn Đại đức, chư Tăng và hơn một triệu tín đồ Phật tử, xin kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp. Hội nghị của chúng ta hôm nay là một sự kiện lịch sử có ý nghĩa vô cùng trọng đại đối với Phật giáo Việt Nam và cũng là lần đầu tiên đại diện các Hệ phái Phật giáo chúng ta ngồi lại cùng nhau bàn bạc để đi đến thống nhất giềng mối Phật giáo nước nhà, được thể hiện qua bản Hiến chương và Thông bạch của Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam... Do đó, Phật giáo Nam tông Khmer chúng tôi xin giới thiệu các vị đại diện vào trong GHPGVN, để tăng thêm sức mạnh tổng hợp của Phật giáo cả nước. Phật giáo Việt Nam nói chung đã có truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc, chắc chắn khi được thống nhất về một tổ chức, về ý chí và hành động sẽ có nhiều

điều kiện góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa...”

Với tư cách là thành viên sáng lập GHPGVN qua hơn 35 năm kế thừa, thành tựu và phát triển, Phật giáo Nam tông Khmer tham gia đầy đủ trên các cơ quan như Hội đồng Chứng minh có HT.Thạch Xom, HT.Mahasaray, HT.Danh Nhuông, HT.Dương Nhơn - Phó Pháp chủ; HT.Cả Bi, HT.Chau Ty, Chau Tinh, HT.Thạch Hạnh, HT.Kim Sa Rinh, HT.Lý Liêu, HT.Diệp Thương, HT.Sơn Khune, HT.Thạch Hu, HT.Danh Pol, HT.Lý Sần, HT.Thạc Chương, HT.Sơn Pen, HT.Trần Phiên - Thành viên HĐCM; Hội đồng Trị sự có: HT.Châu Mum, HT.Dương Nhơn, HT.Thạch Sok Xane - Phó Chủ tịch; HT.Đào Như - UV. Thư ký; HT.Thạch Huôn, HT.Danh Đồng, HT.Danh Lung - UV. Thường trực; HT.Lý Xa Muoth, HT.Thạch On, HT.Tăng Nô, HT.Lâm Pâu, HT.Thạch Sên, HT.Danh Lân, HT.Thạch Oai, HT.Danh Thiệp, HT.Diệp Tươi, HT.Chau Sơn Hy, HT.Thạch Hà, HT.Trần Kiến Quốc TT.Sơn Ngọc Huynh, TT.Lý Hùng, TT.Lý Vệ, TT.Quách Thành Sattha, TT.Trần Văn Tha, ĐĐ.Danh Phán, ĐĐ.Trần Phương, ĐĐ.Châu Hoài Thái, ĐĐ.Thạch Nê, ĐĐ.Danh Nâng. Trong 13 ban, viện Trung ương Giáo hội, phân ban, phân viện đều có sự tham gia của chư Tôn đức Phật giáo Nam tông Khmer. Tại 34 tỉnh thành Phật giáo phía Nam, nhất là 13 tỉnh, thành đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, chư tôn đức giáo phẩm Phật giáo Nam tông Khmer đều có tham gia Ban Thường trực Ban Trị sự với chức vụ Trưởng ban, Phó ban, Ủy viên Thường trực, và Ủy viên Ban Trị sự phụ trách Phật giáo Nam tông Khmer tại địa phương. Đồng thời, có sự kết hợp với Hội Đoàn kết Sư sãi Yêu nước các tỉnh, thành, là thành viên trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, góp phần đẩy mạnh các công tác Phật sự của Hệ phái nói riêng, các tỉnh, thành Phật giáo nói chung đạt kết quả tốt đẹp hữu hiệu, thực hiện phương châm hoạt động của Giáo hội: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”.

Trên lĩnh vực văn hóa giáo dục, hiện nay Phật giáo Nam tông Khmer có một Học viện (Đại học Phật giáo Nam tông Khmer đặt tạm tại chùa Pothisomrom, quận Ô Môn, TP.Cần Thơ), đã và đang đào tạo ba khóa. Có trên 65 Tăng sinh tốt nghiệp cử nhân Phật học, 36 Tăng sinh đang theo học cấp cử nhân Phật học. Học viện liên kết với Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Khoa Tôn giáo học - Hà Nội mở lớp đại học hệ vừa làm vừa học cho Tăng sinh - sinh viên, có 65 học viên theo học tại Học viện; đồng thời nhiều Tăng sinh được cử đi du học tại Thái Lan, Campuchia, Myanmar, Sri Lanka, Ấn Độ...

Với hệ thống sáu trường trung cấp Phật học, trong đó có Trường Trung cấp Pali Nam Bộ đặt tại chùa KhLeang, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và 73 lớp sơ cấp Pali, Vini đã giúp cho hơn 2.700 Tăng sĩ có trình độ trung cấp Phật học và hơn 2.750 Tăng sĩ đang theo học các chương trình. Nhất là chương trình đại học quốc



Nguồn: phatgiao.org.vn

dân tại Đại học Cần Thơ, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bạc Liêu, TP.Hồ Chí Minh...

Với sự giúp đỡ của Chính phủ, đã in 35 đầu sách bằng chữ Khmer, hơn 1.150.000 bản, cùng 350 bộ Đại tạng kinh chữ Khmer để phân bố cho các chùa Phật giáo Nam tông Khmer trong khu vực có tài liệu nghiên cứu, đọc tụng và học tập.

Để giúp cho Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer hoạt động có hiệu quả đồng bộ trong ngôi nhà chung GHPGVN, được chủ trương của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Ủy ban Trung ương MTTQVN, Ủy ban Dân tộc và Miền núi và Ban Tôn giáo Chính phủ, Trung ương GHPGVN cứ hai năm một lần tổ chức Hội nghị Chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer để đánh giá công tác hoạt động trong thời gian qua, thảo luận thông qua chương trình hoạt động trong thời gian tới. Lần thứ I (2004) tổ chức tại Sóc Trăng, lần thứ II (2006) tổ chức tại TP.Cần Thơ, lần thứ III (2008) tổ chức tại Bạc Liêu, lần thứ IV (2010) tổ chức tại Kiên Giang, lần thứ V (2012) tổ chức tại Trà Vinh, lần thứ VI (2014) tại An Giang, lần thứ VII (2016) tổ chức tại Hậu Giang và lần thứ VIII (2018) tổ chức tại Cà Mau.

Đặc biệt, trong thời kỳ hội nhập và phát triển của thế giới ngày nay, GHPGVN cần có sự đối tác ngoại giao với các nước trong khu vực, nhất là Thái Lan, Campuchia, Lào, Myanmar, Sri Lanka, Ấn Độ... hình thức Phật giáo Nguyên thủy còn tồn tại đậm nét ban sơ. Do đó, Phật giáo Nam tông Khmer trong lòng GHPGVN sẽ là một nổi kết quan trọng trên trường quốc tế. Qua đó cũng cho thế giới thấy được tính đặc thù của GHPGVN là một tổ chức Giáo hội bao gồm các truyền thống Hệ phái Phật giáo Bắc tông, Nam tông Khmer, Nam tông Kinh, Phật giáo Khất sĩ, Phật giáo người Hoa đoàn kết

hòa hợp trong ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam. Các pháp môn truyền thống tu học biệt truyền đúng Chánh pháp của các Hệ phái Phật giáo được duy trì và phát triển ổn định như Hiến chương GHPGVN đã qui định, góp phần phát triển cộng đồng dân tộc Việt Nam, văn hóa dân tộc Khmer tại Việt Nam và cộng đồng quốc tế trong tinh thần Phật giáo, xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh tiến bộ trong thời kỳ hội nhập thế giới ở thế kỷ XXI và những thế kỷ tiếp theo của Phật giáo Việt Nam trong đó có Phật giáo Nam tông Khmer - thành viên sáng lập, hoạt động hài hòa đoàn kết thống nhất trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở hiện tại và tương lai. ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Kỷ yếu Đại hội GHPGVNTN (1964).*
2. *Kỷ yếu Đại hội GHPGVN (1981).*
3. *Kỷ yếu Hội thảo 30 năm thành lập GHPGVN (1981 - 2011).*
3. *Tài liệu Hội nghị Chuyên đề PGNT Khmer lần thứ 1 - 5 (2004-2012).*
5. *Phật giáo Khmer Nam Bộ - Những vấn đề cần nhìn lại* (Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Nguyễn Mạnh Cường, 2008).
6. *Người Khmer Nam Bộ - Tạp chí Xưa và Nay* (2003).
7. *Người Việt gốc Khmer - Lê Hương* (1969).
8. *Hành hương đất phương Nam* (Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam - Phân viện tại TP.Hồ Chí Minh, 2003).
9. *Địa chí Văn hóa - Lịch sử TP.Hồ Chí Minh* (tập 1).
10. *Tài liệu Hội thảo "Mối quan hệ Phật giáo 3 nước Việt Nam - Campuchia - Lào, quá khứ và hiện tại"* (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2013).



Công đức của việc trì kinh

THÍCH NHƯ ĐIỀN

Luận giải đoạn thứ 15 trong kinh Kim cang

“Nầy Tu-bồ-đề! Nếu có người con trai lành, người con gái tốt vào buổi sáng dùng thân nầy nhiều như số cát sông Hằng để bố thí; ở vào giữa ngày lại cũng dùng thân nầy nhiều như cát sông Hằng để bố thí và ở cuối ngày lại cũng dùng thân nầy nhiều như cát sông Hằng để bố thí, như vậy cả hằng trăm ngàn vạn ức kiếp đều dùng thân nầy để bố thí. Nếu có người nghe được kinh nầy tín tâm không nghịch thì phước nầy hơn kia, đó là chưa nói việc viết kinh, thọ trì hay đọc tụng và vì người khác giải thích, chỉ bày”.

Luận giải:

Ngài Tu-bồ-đề là bậc tu về giải không đê nhứt mà chúng ta vẫn thường thấy ngài hay xuất hiện trong kinh

Kim cang. Đức Phật hay gọi ngài để hỏi hay giảng nghĩa chỗ sâu xa nhất về ý nghĩa Không của kinh nầy. Như đoạn kinh thứ 15 trong 32 đoạn kinh của kinh Kim cang mà chúng ta được biết như trên, dấu cho một người dùng thân nầy tượng trưng cho hình tướng từ sáng đến trưa, từ trưa đến chiều cho đến vô lượng vô biên kiếp và nhiều như cát sông Hằng ở Ấn Độ đi nữa thì không bằng một người khi nghe được kinh Kim cang nầy mà có tín tâm không chống đối lại, thì phước của người có lòng tin vẫn hơn là phước của người dùng thân mình để bố thí.

Ở đây chúng ta thấy niềm tin là quan trọng, mà tin như thế nào khi nghe kinh? Làm sao để đừng nghịch lại lời dạy của Đức Phật? Đây không phải là việc đơn giản. Vì lẽ khi tin Phật hay tin kinh thì phải hiểu Phật và hiểu



biết đọc tụng mà chỉ cung kính giữ gìn thờ tự kinh điển thì công đức của người này cũng hơn người cúng dường thân kia. Vì sao vậy? Vì kinh điển còn tồn tại ở thế gian tức việc xấu ít dám hiển bày, khiến cho thế gian được an ổn vậy. Có nhiều người sau khi đọc tụng kinh này rồi, hiểu rõ nghĩa lý sâu xa huyền nhiệm của kinh, đem ra diễn nói giải thích cho người khác được nghe, hiểu và hành trì thì công đức của người này cũng lại hơn kia.

“Tu-bồ-đề! Dùng lời chính để nói thì kinh này thật bất tư nghì khó thể xưng đếm, công đức vô cùng. Như Lai vì kẻ phát tâm Đại thừa mà nói. Như Lai vì kẻ phát tâm tối thượng thừa mà nói. Nếu có người hay thọ trì, đọc tụng, rộng vì người khác nói, Như Lai tất rõ biết người này, tất thấy người này sẽ được thành tựu, chẳng thể lường, chẳng thể xưng, không có ngần mé, công đức bất khả tư nghì như thế”.

Lược giải:

Chữ bất khả tư nghì chúng ta thường thấy nơi kinh Phật. Ý chính dùng để diễn tả những việc gì không thể nói hết được ý và được lời; nên Phật đã dùng chữ này để biểu hiện đồng với chữ “hàng hà sa số” cũng như thế. Cái gì mà nhiều không tính được, không đếm được Đức Phật hay dùng cát của sông Hằng để ví dụ. Kinh Kim cang này là một loại kinh tạo ra rất nhiều công đức. Vì vậy Đức Như Lai đã vì những kẻ phát tâm đại thừa mà nói ra. Thế nào là tâm Đại thừa? Tâm ấy như đại địa, rộng rãi như hư không, không có biên giới giới hạn; nên Phật gọi đây là một công đức lớn, không có gì sánh bằng là vậy. Đức Phật cũng đã vì những kẻ tu học tối thượng thừa mà nói kinh này. Vì lẽ kinh này sẽ dẫn hành giả đến chỗ bến bờ tuyệt đối, không còn phân biệt bỉ thử, nhân ngã nữa.

Nếu có người nào đó hay thọ trì đọc tụng kinh này, lại vì người khác mà nói cho họ rõ biết về tánh không được trình bày trong kinh, phải đứng trên lập luận vô tướng pháp môn để thành tựu và không trụ vào đâu cả để sinh tâm... thì những người như vậy Đức Như Lai đã rõ biết và chứng nhận cho người này đã thành tựu các pháp tu, mà pháp tu ấy có một công đức vô lượng vô biên, không có gì có thể sánh được.

“Những người như thế, tức hay gánh vác việc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Như Lai. Vì sao vậy? Này Tu-bồ-đề! Nếu kể vui với pháp nhỏ thì chấp vào cái thấy của ta, cái thấy của người, cái thấy của chúng sanh, cái thấy của thọ giả. Những kẻ như thế không thể nghe được kinh này và đọc tụng và vì người khác mà giải thích”.

Lược giải:

Những người như thế tức là những người có công đức mới có thể gánh vác được việc của Như Lai. Việc ấy rất cao cả. Đó chính là chỗ đến của các bậc Như Lai. Còn nếu kẻ nào chỉ chấp trước vào việc của mình làm, việc thấy nghe kẻ khác và chấp vào việc của chúng sanh, mà cho rằng

kinh. Vì khi hiểu kinh và hiểu Phật tức là hiểu pháp; hoặc ngược lại khi hiểu pháp rồi thì sẽ hiểu Phật và hiểu kinh. Niềm tin ấy bất hoại và chính từ niềm tin sâu xa ấy sẽ tạo ra công đức không thể nghĩ bàn được. Chúng ta tin vào Phật phải tin vào Pháp và phải tin vào Tăng, tin vào kinh, tin vào nhân quả. Tất cả những việc này đều tạo chúng ta có một sức mạnh tự thân khi muốn diễn đạt tư tưởng của mình trong sự có không của cuộc đời vốn đầy mộng ảo này. Có như vậy mới gọi là bất nghịch. Bất nghịch ở đây có nghĩa là không nghi ngờ. Một niềm tin nhân quả mà còn nghi ngờ thì không gọi là một niềm tin trọn vẹn được. Chỉ chừng ấy việc thôi mà phước này có được nhiều hơn phước đức của người đem thân cúng dường suốt ngày và trong nhiều kiếp như thế.

Đó là chưa kể đến những người chép kinh, in kinh ấn tống, những người giữ gìn, đọc tụng và vì người khác mà diễn nói cho họ nghe nghĩa lý của kinh này thì phước của những người sau này nhiều hơn phước của những người cúng dường thân mình nhiều lắm. Những ai chép kinh hay những ai vì kẻ khác mà phát tâm ấn tống kinh, làm được điều này đã là một công đức làm lợi lạc cho mọi người và sự lợi lạc ấy càng ngày càng nhiều thêm lên, nên công đức này không nhỏ. Ngoài ra những kẻ không



mình đứng, thì kẻ ấy chỉ vui với những pháp nhỏ, làm sao có thể gánh vác được việc của Như Lai. Việc của Như Lai là việc không từ đâu đến và cũng chẳng đi về đâu. Nên không phải là ai cũng có thể gánh vác được. Những kẻ có tâm vui với pháp nhỏ thì không thể nghe hiểu cũng như trì tụng và vì người khác mà giải nói kinh này được.

“Nầy Tu-bồ-đề! Ở tại khắp nơi, nếu có kinh này, tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la đều nên cúng dường; hãy biết rằng ở nơi đó, chính là những ngôi tháp, đều nên cung kính, làm lễ đi nhiễu chung quanh và dùng hoa hương tán thán nơi ấy”.

Luận giải:

Như vậy nơi đâu có kinh Kim cang Bát-nhã mà có người trì tụng, giải nói cho người khác nghe, thì cả những chư Thiên, chư Tiên, các vị vua cõi trời Đế-thích trong lục dục Thiên; hay ở cõi sắc giới và vô sắc giới cùng với A-tu-la đều đến cúng dường người đó, nơi đó. Vì lẽ chính nơi truyền bá tư tưởng không ấy, chính là những ngôi tháp thờ xá-lợi của Đức Phật. Mặc dầu ngày nay Đức Phật không còn hiện hữu trong nhân gian nữa, nhưng những lời dạy của Ngài cũng giống như những bảo tháp thờ xá-lợi vậy. Do những điểm quan trọng này mà chúng ta nên cung kính cúng dường, làm lễ đi nhiễu quanh tháp nhiều lần và dùng hoa hương thanh tịnh để tán thán nơi có kinh Kim cang Bát-nhã này.

oOo

Những lời dạy của Đức Phật rất đơn giản nhưng rất sâu sắc ấy mãi cho đến những ngày sau cả mấy ngàn năm chúng ta vẫn thấy có nhiều người hành trì như việc in kinh ấn tống cúng dường; thờ kinh nơi chỗ trang nghiêm rồi các vị pháp sư liên tục diễn giải ý nghĩa thâm thâm của những kinh điển đại thừa; trong đó có kinh *Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật* này. Ngoài ra để thể hiện sự cung kính ấy, người Phật tử thường hay tham gia những pháp hội, những khóa huân tu niệm Phật hay thiền tọa; hoặc hành hương xứ Phật chốn Tổ để đi nhiễu tháp, mua hương thơm, đèn, nến để cúng

dường. Vì những người Phật tử khi lễ bái cầu nguyện như vậy, họ xem Phật như còn tại thế.

Hương giới, hương định, hương huệ, hương giải thoát và hương tri kiến là năm phần hương thanh cao ngào ngạt mà cư sĩ cũng như tu sĩ khi hành trì, quyết giữ phẩm hạnh và giới đức của mình cho thanh tịnh trong sạch để dâng lên Đức Như Lai. Đây chính là một hành động thiết thực mà người tu Phật không được phép lơ là. Đôi khi chúng ta muốn tạo phước chớ ít muốn tạo đức. Nhưng như trước chúng ta đã thấy ở đoạn kinh này, người lấy thân cúng dường là có phước; nhưng phước này không thể sánh được với người trì tụng kinh này cũng như in kinh cúng dường và vì người khác giải nói. Chính những việc này mới sinh ra đức.

Phước giống như cây đèn cây. Còn đức giống như ngọn đèn sáng. Cây đèn cây dù lớn đến đâu đi chẳng nữa, nếu chúng ta đốt liên tục trong nhiều ngày, cây đèn cây ấy sẽ hết. Còn cái đức ấy vốn vô hình; giống như ngọn đèn sáng, có đó rồi mất đó. Nhưng nếu ta đem cái sáng ấy giống như sự trì tụng và hiểu biết kinh điển kia đem truyền lại cho người khác thì cái sáng này sẽ miên viễn không dứt tuyệt mà cái đức lại sanh ra càng ngày càng nhiều hơn nữa.

Chư Thiên là những bậc cao cả hay phát nguyện hộ trì cho những ai giữ gìn Chánh pháp và làm cho cái đức ấy được lâu bền. Cho nên những người cư sĩ tại gia hay những người xuất gia; nơi nào có tụng kinh thường xuyên; nơi nào có in kinh ấn tống; nơi nào có người diễn nói pháp mầu của chư Phật... những nơi như thế luôn luôn được thịnh hành. Vì các vị hộ pháp và chư Thiên che chở, phát nguyện hộ trì. Ngược lại những nơi nào không làm những việc như thế thì thiếu sự cúng dường của loài người, chứ đừng nói đến chư Thiên hoặc các vị Thiên thần. Vì lẽ các Ngài chỉ hộ trì người nào và nơi nào có mục đích làm cho Chánh pháp được cứu trụ nơi cõi ta-bà này.

Như vậy việc tụng kinh, niệm Phật, hành thiền, lễ bái, cầu nguyện, nhiễu tháp, hành hương chiêm bái Phật tích, góp tịnh tài in kinh ấn tống cúng dường, khuyên người khác đi chùa lễ Phật và giảng nói cho họ nghe về những tinh túy của Phật pháp ... chính đây là những người làm việc lớn, có thể gánh vác được việc trọng đại của chư Phật trong ba đời để thành được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong thời mạt pháp, mọi vật có hình tướng đều khó thể tồn tại ở thế gian này; ngoại trừ giáo pháp là những lời dạy của Đức Phật sẽ còn tồn tại. Thật đúng như thế, khi mà Phật không còn tại thế nữa, Tăng không còn hành đạo nữa. Lúc ấy kinh điển là điều quan trọng. Cho nên kể từ ngay bây giờ sau khi đọc đến công đức của việc trì kinh trong kinh *Kim cang* này, chúng ta nên tùy thuận mọi Phật sự như Đức Thế Tôn đã dạy bên trên để giáo pháp của Ngài vẫn luôn tồn tại nơi cõi ta-bà này. ■



Sức mạnh của niềm tin

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Có nhiều thứ trên cuộc đời này nếu chỉ xem xét một vài khía cạnh đơn thuần thì khó để hiểu biết trọn vẹn. Tại sao một số người có thể đạt được rất nhiều thành công vượt bậc trong cuộc sống? Tại sao một số người có thể đạt được những thành quả phi thường... vượt xa những gì được mong đợi? Có phải đó là vì họ tài năng, nhạy bén và có năng lực hơn người? Có phải họ có nhiều điều kiện tốt hơn so với người khác? Sau khi xem xét và chiêm nghiệm kỹ chúng ta đều biết rằng, rõ ràng không phải vậy. Điểm khác biệt của những người thành công hơn so với người bình thường là họ có niềm tin mãnh liệt vào việc mình làm. Niềm tin này đã mang lại sức mạnh giúp họ “chiến đấu” kiên cường, và cuối cùng “chiến thắng” mọi gian lao thử thách.

Steve Jobs là một doanh nhân, nhà sáng chế người Mỹ, người đã thổi hồn vào những chiếc điện thoại iPhone, máy nghe nhạc iPod, máy tính bảng iPad và

máy tính Macbook, đưa chúng trở thành những món hàng công nghệ được săn đón nhất thế giới. Ông có một câu nói được nhiều người tâm đắc: “Đôi khi cuộc đời sẽ ném gạch vào đầu bạn. Đừng đánh mất niềm tin”. Sức mạnh của niềm tin đã được rất nhiều người cũng như nhiều thế hệ khẳng định. Niềm tin sẽ đưa con người ta từ vực thẳm tối tăm tiến lên phía trước, có thể cứu họ từ gục ngã mà vươn lên đỉnh điểm của vinh quang. Niềm tin mang một sức mạnh siêu nhiên mà con người luôn cần tới nó.

Trong Phật giáo, niềm tin vô cùng quan trọng. Vì “*Tín là căn nguyên của đạo, là mẹ của công đức, nuôi lớn hết thầy thiện pháp, đoạn trừ lưới nghi, đưa vượt qua dòng nước ái dục, khai thị con đường tối thượng dẫn đến Niết-bàn*”. Niềm tin có một sức mạnh tiềm tàng vô tận, thôi thúc con người vươn tới mục đích cao xa để thực hiện hoài bão cao đẹp của mình. Tín là chi đầu tiên trong Ngũ căn (*pañcīndriya*) và Ngũ lực (*pañcabala*). Tín căn là gốc của niềm tin; tức niềm

tin được xác lập một cách kiên định. Tín lực là sức mạnh của niềm tin. Khi niềm tin được xác lập thì có sức mạnh vượt trội. Sức mạnh của niềm tin có thể công phá được tất cả mọi thành trì chướng duyên, phiền não. Và khi mà tin cần được tu tập, làm cho sung mãn thì sẽ biến thành tín lực; tức là tạo nên sức mạnh, hỗ trợ hữu hiệu cho hành giả thực hành thiền định và thiền tuệ.

Trong Ngũ thường của Nho giáo (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín), tín có một vai trò quan trọng. Đây là lòng tin tưởng giữa người và người, là giữ trọn lời hứa để tạo lòng tin với nhau; không được bội ước, thất tín. Người mà không có chữ tín sẽ đánh mất nhân phẩm, tư cách của đạo làm người. Khổng Nho nói: *"Nhân vô tín, bất lập"*; có nghĩa là người không giữ chữ tín thì không đặt để vào đâu được cả; ý nói là không thể đứng được trong thế gian, không thể làm người được nữa. Tín trong ngũ thường, như vậy, là một trong năm yếu tố, điều kiện để hoàn thiện nhân văn, nhân bản theo quan niệm chung của nền minh triết Đông phương.

Người con Phật luôn thiết lập niềm tin trên nền tảng của Tứ bất hoại tín hay còn gọi là Tứ chứng tín. Ấy là tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và tin vào Thánh giới. Đó là bốn niềm tin trong sáng, thuần tịnh và không bị hủy hoại đối với người đệ tử Phật trong bất cứ trường hợp nào. Với bốn niềm tin này, người đệ tử Phật có thể đi vào dòng dõi của bậc Thánh, sống an vui trong từng giây phút hiện tại, do sự thấy pháp và chứng nghiệm pháp đem lại.

Tuy nhiên, bên cạnh niềm tin cần phải có trí tuệ. Nếu chỉ tin mà không có trí tuệ soi xét thì đó là niềm tin mù quáng. Do vậy, cần phải có đủ niềm tin và sự hiểu biết (tín và giải) để từ đó chúng ta đi trên lộ trình tu tập luôn được tự tại và ít có sự chướng ngại. Thành ra, tín và giải luôn song hành, hỗ trợ nhau để đi đến sự thành tựu hạnh và chứng. Đây là nấc thang đầu tiên để hướng đến Chánh đạo giải thoát. Nếu không thì chúng ta sẽ rất mù mờ, dẫn đến sai đường lạc lối. Do vậy, Đức Phật phân định rõ ràng qua bốn hạng căn cơ như sau:

1. Có tín mà không có giải đó là hạng người độn căn mà lại chánh kiến. 2. Có giải mà không có tín là hạng lợi căn mà lại tà kiến. 3. Vừa có tín mà vừa có giải là hạng người vừa lợi căn mà vừa chánh kiến. 4. Không tín không giải đó là hạng vừa độn căn vừa tà kiến².

Niềm tin và trí tuệ luôn đi đôi với nhau, hỗ trợ nhau trên con đường tu tập. Do đó, ngài Long Thọ khẳng định: *"Niềm tin là lối vào biển thánh pháp của Đức Phật, và trí tuệ là con thuyền mà người ta dùng nó để vượt qua biển ấy"*³. Sức mạnh của niềm tin sẽ thúc giục trí tuệ đi vào khám phá diệu nghĩa và nếm trải hương vị của Phật pháp. Như vậy, niềm tin là căn bản để phát sanh thiện pháp, và niềm tin là chánh nhân để hành giả có thể nhập vào biển cả Phật pháp. Cho nên, đối với người tu học không thể không có niềm tin. Mất niềm tin là mất phương hướng tu học và chắc chắn là sẽ thoái đạo. Khi đã kiên định trên tứ bất hoại tín, tức

là tin Phật - bậc giác ngộ vẹn toàn; tin Pháp - đạo thoát ly tham dục, đưa đến giải thoát; tin Tăng - đoàn thể xuất gia tu hành cao cả, thay mặt Đức Phật truyền trao Chánh pháp; tin vào thánh giới - nguyên tắc phòng hộ đưa đến biệt giải thoát, và xử xử giải thoát; còn có một yếu tố hết sức quan trọng, đó là tin vào chính mình. Tin vào chính mình là tin vào khả năng, năng lực sức mạnh tiềm tàng trong con người chính mình. Ai cũng có khả năng, năng lực, và sức mạnh tự nội. Nhưng do thiếu niềm tin nên có khi chúng ta để thui chột các năng lực và sức mạnh tự nội đó. *"Lạc quan là niềm tin dẫn tới thành tựu. Bạn chẳng thể làm được điều gì mà thiếu đi hy vọng và sự tự tin"* (Helen Keller).

Thật vậy, niềm tin có sức mạnh vô cùng kỳ diệu. Nó là một cảm xúc trong ý chí của con người. Nó đi liền với sự hy vọng bùng cháy trong tâm hồn. Niềm tin được ví như một động lực để giúp con người vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc sống. Và để vượt qua chúng thì niềm tin vào bản thân luôn là điều không thể thiếu. Niềm tin vào bản thân là sự ý thức về năng lực, phẩm chất, giá trị của bản thân, đánh giá được vị trí vai trò của mình trong cuộc sống. Niềm tin vào bản thân thực sự rất quan trọng. Bởi nó không đơn thuần là một cảm xúc thông thường. Nó còn là một động lực lớn của con người. Chắc hẳn chúng ta đã từng nghe câu "mất niềm tin là mất tất cả". Tại sao lại như vậy? Bởi thứ nhất bạn sẽ là người hiểu rõ bạn nhất. Bạn sẽ biết được toàn bộ suy nghĩ, thể mạnh, điểm yếu của chính bản thân bạn. Bạn sẽ là người duy nhất biết rõ bạn cần gì, ước mơ những gì, hy vọng điều gì cho cuộc sống. Nếu bạn mất niềm tin, bạn sẽ chẳng còn quan tâm đến những điều này nữa. Bạn sẽ chẳng còn ý chí, nghị lực để bước tiếp trên con đường mình đã chọn. Mất niềm tin, bạn sẽ chẳng còn biết mục đích sống của mình là gì, vì thế mà trở thành buông thả bất cần, lúc đó hậu quả sẽ thật khó lường. Không có niềm tin, sống buông thả, bất cứ lúc nào bạn cũng có thể sa ngã rồi đánh mất bản thân mình.

Trên con đường tu tập, niềm tin sẽ định hướng, vạch lối đưa đường cho mình bước tiếp một cách vững chãi. Đức Phật dạy, mỗi người hãy là một hòn đảo cho chính mình, Đức Như Lai chỉ là bậc Đạo sư. *"Khả năng tu tập của mình là nhân tố quyết định thành công. Đừng hy vọng trông chờ ở tha nhân nào khác. Phải phát triển nghị lực sẵn có của chính mình, và sự thật mỗi người đều có khả năng nghị lực đó"*⁴.

Theo tinh thần của kinh *Pháp hoa*, mỗi người đều có Phật tánh và có khả năng thành Phật, là một vị Phật tương lai. Sự xác tín này đã mở ra cơ hội và hy vọng lớn cho tất cả mọi người. Họ tin rằng mình có khả năng làm Phật, nên họ luôn hành động, suy nghĩ và nói năng đúng đắn, chánh đáng. Nên tất cả mọi việc làm đều là Phật sự, đều mang sự lợi ích cho tất cả mọi người.

Theo *Đại thừa Khởi tín luận*, niềm tin chân chính phải được xác lập từ nơi tâm thức của chính mình, vì chỉ tâm



ấy mới có khả năng làm Phật, chứ không phải tìm vào một tâm nào khác. *“Phát khởi lòng tin vào chính cái tâm bình thường ở ngay nơi mình. Từ cái tâm bình thường đó, chúng ta sẽ đi đến đất Phật, như chư Bồ-tát đang đi và sẽ đến như chư Phật đã đến”*⁵. Bộ luận này cũng khẳng định rằng tín căn của Đại thừa là chỉ cho Phật tánh đầy đủ trong mỗi chúng sanh. Phật tánh là nhân thì Phật quả mới là Niết-bàn thực sự.

Niềm tin tương lai mình sẽ làm Phật đã thực sự thổi một luồng sinh khí mới mẻ vào tâm thức của tất cả mọi người. Vì rằng mai này mình là người hoàn thiện về phước đức và trí tuệ (phước trí nhị nghiêm), nên trong mọi lúc, mọi nơi, sẽ cố nỗ lực để kiện toàn về nhân cách đạo đức, xa lìa ác pháp, viễn ly các tư tưởng chấp thủ cố hữu để đi đến chân trời giải thoát đích thực. Chân trời ấy là chân trời của vô tham, vô sân, vô si, an lạc tự tại, vô ngã, Niết-bàn. Chính niềm tin này là nhân tố căn bản để thiết lập bất thối chuyển tâm, dù có trải qua vô lượng kiếp thì tâm này cũng không bao giờ thối đoạ.

Niềm tin làm Phật ở tương lai không những giúp mọi người ý thức đến giá trị bản chất của sự sống, sự lợi lạc của cộng đồng; trái lại, nhờ niềm tin của ta đã được kiên định, nên nó có hiệu năng tiêu diệt và chuyển hóa những ác nghiệp của ta từ bao đời kiếp. Nhờ có niềm tin, nên ta tinh tấn nỗ lực hành trì theo pháp Phật một cách chí thành, không nghi ngờ, do dự, nên nghiệp nặng chuyển thành nhẹ, quả báo nặng chuyển thành quả báo không đáng kể, không những vậy mà còn có cơ hội hóa giải tam độc tham sân si nơi tự tâm của mình. Do vậy, với niềm tin kiên định, bất hoại, thì không những chuyển hóa được những nghiệp chướng của tâm thức bằng công năng của giới - định - tuệ; chuyển từ nhiễm sang tịnh, từ những nhận thức sai lầm về một bản ngã cố hữu, về con người, về chúng sanh, mà còn chuyển hóa được tất cả dư báo xấu trong quá khứ cũng như hiện tại đều theo hướng Vô thượng Bồ-đề. *“Người ta không thể giữ giới nếu không có niềm tin. Do giữ giới, người ta sẽ nhập vào trạng thái tâm thức của thiện định và cũng có thể đạt đến trí tuệ”*⁶.

Bằng đức tin này, ta sẽ tinh cần thực hành lục độ một cách vô trú và vô tướng, chuyển hóa những vọng tưởng sai lầm đối với tự thân, đối với con người, đối với chúng sanh, đối với thọ mạng thành chánh trí và có khả năng chuyển hóa Khổ để thành Diệt đế, hay sinh tử thành Niết-bàn, chứng nhập vô vi pháp thân, có khả năng sinh khởi tuệ giác, biến tri một cách như thực đối với mọi sự hiện hữu và không hiện hữu, rồi hưng khởi lòng từ vô biên, sử dụng vô số phương tiện thiện xảo, đạo khắp mười phương, rưới nước cam lồ, dập tắt mọi ưu não và khơi mở tuệ giác cho hết thảy muôn loài.

Thành ra, niềm tin có một sức mạnh kỳ diệu, có một năng lực mầu nhiệm. Năng lực mầu nhiệm này có thể chuyển hóa, làm thay đổi cuộc đời của bạn. Sức mạnh của niềm tin luôn thúc giục ta tiến tới, vượt qua mọi gian lao trắc trở. Sức mạnh của niềm tin sẽ là sợi chỉ hồng gắn kết con người lại với nhau trong sự thương yêu, tin tưởng. Niềm tin là chất liệu mầu nhiệm để đưa đến diệu quả thù thắng. Nhờ đó, cuộc đời sẽ trở nên ý vị hơn, với nhiều niềm tin hy vọng tràn trề. Để con người vươn tới xây dựng một tương lai tươi sáng, đẹp đẽ hơn. ■

Chú thích:

1. Tuệ Sĩ, *Thắng Man giảng luận*, Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang, Ban Tu thư Phật học ấn hành, Pl. 2545, tr.142.
2. Thích Thiện Siêu, *Lược giải Kinh Pháp hoa*, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2003, tr.365.
3. Thích Thanh Từ, *Kinh Diệu pháp Liên hoa (giảng giải)*, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2003, tr.42.
4. Thích Từ Thông, *Pháp hoa kinh thâm nghĩa để cương*, Thao Hối Am (lưu hành nội bộ), 1995, tr.234.
5. Cao Hữu Đính, *Đại thừa Khởi tín luận*, Nxb Thừa Thiên Huế, 1996, tr.18.
6. Nikkyo Niwano, *Phật giáo ngày nay - một diễn dịch mới về kinh Pháp hoa*, [Trần Tuấn Mẫn dịch], Viện Nghiên cứu Phật học ấn hành, 1997, tr.176.



Nguồn: baobacninh.vn

Sai lầm trong hưởng thụ văn hóa

LÊ HẢI ĐĂNG

Nói đến hưởng thụ văn hóa, trong đa số trường hợp, chúng ta đề cập tới lĩnh vực văn hóa tinh thần, như thưởng thức âm nhạc, hội họa, múa, thi ca... Vào thời kỳ phong kiến, trong bốn tiêu chuẩn của giới nữ quý tộc là cầm, kỳ, thi, họa thì có đến ba bộ môn thuộc lĩnh vực nghệ thuật (âm nhạc, thi ca, hội họa). Trong Lục nghệ, sáu môn học bắt buộc thời phong kiến (bao gồm: lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), âm nhạc xếp ở vị trí thứ hai, có liên quan mật thiết với lễ và là một trong những biện pháp để tu thân. Sau này, các bộ môn nghệ thuật ngày càng có xu hướng xa dần trung tâm của ngành giáo dục. Mặc dù, theo phương châm giáo dục toàn diện, âm nhạc, hội họa vẫn nằm trong tổ hợp các bộ môn thuộc lĩnh vực trí, đức, thể, mỹ; nhưng xét từ nội dung đến hình thức, các môn học về đức, thể, mỹ chủ yếu dạy cho có, chứ không dạy cho tới. Kết quả đó gây ảnh hưởng trực tiếp đến trình độ

thường thức nghệ thuật của học sinh, cũng như tầng lớp đại chúng, đồng thời gián tiếp tác động tới nhu cầu hưởng thụ văn hóa.

Như đã đề cập, hưởng thụ văn hóa trong đa số trường hợp nhằm chỉ những giá trị tinh thần. Giá trị tinh thần này không thể thụ hưởng giống như văn hóa vật chất mà người tiêu dùng có thể huy động sức mạnh đồng tiền để chiếm hữu hay tiêu dùng thuần túy. Hưởng thụ văn hóa phải thông qua năng lực hấp thụ hay nói cách khác, tiếp xúc, tiêu dùng bằng trình độ thẩm mỹ, qua đó nhằm tận hưởng giá trị nội tại ẩn chứa bên trong lẫn bên ngoài sản phẩm văn hóa. Hưởng thụ văn hóa vật chất, như ẩm thực chẳng hạn, người thưởng thức có thể bị giới hạn về điều kiện sinh lý, thể chất, vật chất, kinh tế... còn hưởng thụ văn hóa tinh thần có khả năng vươn tới cảnh giới phi hạn độ, cũng như đạt được tinh thần bình đẳng. Vậy, năng lực hay trình độ “thường” và “thức” đối với văn hóa tinh

thần không chịu lệ thuộc bởi thân phận, địa vị xã hội, bằng cấp, giàu, nghèo... mà hình thành từ phẩm chất, tổ chất tự nhiên lẫn xã hội, cùng quá trình rèn luyện, tu tập với những trải nghiệm về thẩm mỹ.

Sáng tạo - biểu diễn - thưởng thức là chuỗi mắt xích liên kết chặt chẽ với nhau. Trong xu hướng thay đổi hình hệ, phương pháp nghiên cứu văn học cận đại đã không ngừng mở rộng phạm vi đối tượng, trong đó đặc biệt có sự tham gia của người thưởng thức. Đây là bước chuyển biến quan trọng trong khoa học nghệ thuật. Bên cạnh nhóm đối tượng truyền thống là tác giả, tác phẩm, khán giả đã chính thức bước vào lãnh địa phê bình văn học cận đại. Vì, tựu trung, một tác phẩm nghệ thuật thực sự tạo nên giá trị khi có sự tham gia của người thưởng thức. Nói cách khác, người thưởng thức ảnh hưởng một cách trực tiếp đến văn hóa tiếp nhận trong lĩnh vực nghệ thuật. Khán thính giả có trình độ thưởng thức tốt, đời sống văn hóa, văn nghệ sẽ được thanh lọc và phát huy cao giá trị tinh thần, đồng thời giúp cho đời sống con người hướng thượng, hướng thiện, hướng mỹ, coi trọng cái đẹp, xây dựng cuộc sống theo quy luật của cái đẹp. Còn nếu đại bộ phận công chúng có trình độ thẩm mỹ kém, coi văn hóa tinh thần là thứ hàng hóa thuần túy, có thể tiêu dùng một cách tùy tiện, thậm chí lấy việc hưởng thụ văn hóa ra để chứng minh đẳng cấp, địa vị xã hội, khi đó giá trị tinh thần có khuynh hướng bị tha hóa, suy đồi, dẫn đến kết quả thụ hưởng văn hóa tinh thần ngày càng đi xuống.

Nói chung, cả hoạt động sáng tạo, biểu diễn và thưởng thức đều cần được huấn luyện, bồi dưỡng, giáo dục. Ở nước ta, hai lĩnh vực sáng tạo và biểu diễn được truyền dạy trong cơ sở giáo dục nghệ thuật chuyên nghiệp. Nó thuộc về thiểu số. Còn thưởng thức nghệ thuật thuộc về đa số lại phó thác hoàn toàn cho xã hội, không được bồi dưỡng trong cơ sở giáo dục. Trong cơ sở giáo dục, học sinh không học môn “cảm thụ nghệ thuật”, “thưởng thức nghệ thuật”...

Lấy ví dụ đối với bộ môn âm nhạc, học sinh từ lớp 1 đến lớp 9 chỉ học hát, lý thuyết âm nhạc, tiểu sử tác giả. Nhà trường không dạy cho các em kỹ năng liên quan đến âm nhạc, như sử dụng nhạc cụ, hoạt động tương tác với âm thanh đa dạng. Các bộ môn nghệ thuật không tách rời giữa lý thuyết và thực hành. Trong khi ở trường phổ thông, học sinh hoàn toàn học lý thuyết suông. Mớ lý thuyết đó không vận dụng vào thực tiễn sẽ rơi rớt dần, đồng thời không thể biến thành trải nghiệm nghệ thuật nhằm nâng cao khả năng hưởng thụ văn hóa.

Trước bối cảnh thẩm mỹ đại chúng sa sút, nhiều người đã đổ lỗi cho thị trường. Trên thực tế, lỗi này thuộc về giáo dục, chứ không phải của thị trường. Rất nhiều sai lầm tai hại bị đùn đẩy cho thị trường. Theo một số chuyên gia kinh tế, thị trường có ký ức của nó.



Nguồn: baobacninh.vn

Nếu nhà nước sử dụng bàn tay vô hình can thiệp vào quy trình vận hành nhằm làm mờ, thậm chí xóa đi ký ức của thị trường, những dự báo, phán đoán sẽ trở nên méo mó, thậm chí đưa ra kết quả sai lệch.

Khán thính giả xét cho cùng là nhóm đối tượng đã được điều kiện hóa. Sở dĩ di sản âm nhạc cổ điển phương Tây được lưu truyền, phổ biến rộng rãi là nhờ thành quả của giáo dục. Học sinh, sinh viên các quốc gia phương Tây đều có chung nền tảng giáo dục thẩm mỹ tốt. Nhờ vậy, văn hóa thẩm mỹ đại chúng được thừa hưởng và phát huy tác dụng trong điều kiện thể chế và thiết chế văn hóa kiện toàn.

Ngay tại châu Á, nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Singapore, Hong Kong... cũng đạt tới những thành tựu đáng kể về giáo dục thẩm mỹ trong nhà trường. Ngoài xã hội, họ dành nhiều không gian, thời gian cho nghệ thuật lên tiếng, hiện hữu. Bên cạnh đó, học sinh, sinh viên cũng có nhiều thời gian tiếp xúc, trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng nghệ thuật. Ngoài ra, đầu tư cho văn hóa quan tâm đúng mức sẽ góp phần nâng cao trình độ thưởng thức nghệ thuật và hưởng thụ văn hóa của đại bộ phận công chúng. Các bộ công cụ phục vụ công tác tâm hồn như bảo tàng nghệ thuật, trung tâm lưu trữ âm thanh, hình ảnh, sách công cụ, tư liệu động, tĩnh, các hoạt động tương tác... và đặc biệt, chúng được thiết kế hệ thống sẽ phát huy tác dụng, ảnh hưởng trực tiếp tới văn hóa đại chúng. Tính liên kết giữa các cấp học là điều đáng lưu ý trong hệ thống giáo dục. Học sinh phổ thông ở nhiều nước có thể thi trực tiếp vào khối trường nghệ thuật chuyên nghiệp.

Đây là điều mà nước ta còn phải phấn đấu, nhất là thay đổi chương trình, nội dung giáo dục thẩm mỹ như hiện nay. Vì, ngoài chất lượng có vấn đề ra, ở cấp III, các môn nghệ thuật đã bị rút khỏi bộ khung chương trình. Học sinh cấp I, II càng không thể có năng lực thi vào khối trường chuyên nghiệp. Trên danh nghĩa giáo dục toàn diện, nhưng học sinh Việt Nam không có năng lực tương ứng. Nhiều môn học dư thừa đã tước mất thời gian, công sức, cơ hội của học sinh để đầu tư cho tương lai. Đứng ở góc độ xã hội, đó là sự lãng phí ghê gớm.

Hưởng thụ văn hóa tinh thần chính là thước đo tiến bộ xã hội. “Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế”. Trên thực tế, còn khoảng cách khá dài để mục tiêu trên thực sự trở thành hiện thực. ■



Chợ do Định Viễn công lập ở Huế xưa

NGUYỄN VĂN TOÀN

Ở Huế xưa có phiên chợ Gia Lạc rất độc đáo. Chợ thành lập vào Tết Nguyên đán Bính Tuất (1826) dưới thời vua Minh Mạng và tồn tại đến tận năm 1945.

Về người “sáng lập” chợ

Phiên chợ Gia Lạc do Định Viễn công Nguyễn Phúc Bính (1797-1863) lập nên.

Nguyễn Phúc Bính là hoàng tử thứ sáu của vua Gia Long, mẹ ông là Tiệp dư Dương Thị Sự.

Năm Gia Long thứ 16 (1817), hoàng tử Nguyễn Phúc Bính được vua Gia Long phong làm Định Viễn công. Cũng trong năm đó, ông lập phủ đệ tại thôn Tây Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế hiện nay.

Đi ngược lại với tư tưởng “trọng nông ức thương” thời bấy giờ, Định Viễn công đặc biệt say mê kinh doanh. Huế là kinh đô của nhà Nguyễn nên sản vật khắp nơi phải cung ứng đầy đủ cho vùng đất này. Bởi vậy nơi đây không có tình trạng thiếu thốn hàng hóa mà còn rất dư thừa. Do đó, hàng hoá ở khu vực gần với phủ Định Viễn công có rất nhiều chủng loại, vừa được sản xuất trong nước vừa là hàng hóa từ ngoài nước như gốm sứ, vải lụa, giấy bút, dược liệu, lương thực thực phẩm và nhiều đặc sản như: gạo nếp, trầm hương, quế, thịt rừng phơi sấy khô, cau khô... Từ đây

hàng hóa được vận chuyển từ thuyền lên xe ngựa để cung ứng cho kinh thành Huế.

Vì phủ đối diện bến đò chợ Dinh, nơi thuyền bè buôn bán tấp nập nên Định Viễn công đã cho dựng dãy nhà kho gần bến đò này. Ông mua hết hàng hóa của các tàu thuyền rồi bán lại kiếm lời. Nguyên nhân là tàu thuyền phải chờ khá dài ngày vì các thương lái phải chờ bán hết hàng rồi lại đợi mua đủ hàng mới rời bến. Việc làm của Định Viễn công khiến các thương lái bán được ngay số hàng của mình và mua về được ngay số hàng mình cần mà không cần phải đợi dài ngày. Tuy các thương lái lời lãi ít hơn lúc trước vì phải bán sỉ cho Định Viễn công nhưng họ có thể bán mua số lượng lớn cùng lúc, quay vòng được nhiều chuyến trong năm và được ông thanh toán sòng phẳng đúng hạn nên thành ra các thương lái cũng thu được lợi nhuận cao trong một năm. Ngoài ra, Định Viễn công còn đích thân sang Nhật Bản nhằm tìm hiểu thị trường để xuất nhập khẩu hàng hóa.

Do đó, ở Huế ngày xưa có câu:

“Phú bất như Định Viễn”.

Nghĩa là:

Không ai giàu bằng quận công Định Viễn.

Nhận xét này khá đặc biệt vì là do vua Minh Mạng đích thân nhận xét và dân gian lưu truyền.

“Phú quý sinh lễ nghi”, là người khoái nghệ thuật hát bội, Định Viễn công không những lập đoàn hát phục vụ phủ mà còn xây dựng các rạp tuồng tại chợ Dinh và chợ Nam Phổ.

Định Viễn công còn lập ra phiên chợ Tết Gia Lạc nằm ngay trên đường về thôn Vỹ Dạ, nơi ngã ba làng Nam Phổ. Cái tên Gia Lạc có nghĩa là “Tăng thêm niềm vui”. Chợ diễn ra suốt những ngày Tết, ban đầu chỉ dành cho hoàng thân quốc thích và quan lại nhưng về sau mở rộng cho cả dân thường đến tham gia vui chơi. Như vậy có thể thấy Định Viễn công là người có công làm cho ngày Tết ở Huế vui hơn vì đã “sáng lập” nên một cái chợ mang tính chất “vui chơi” mở trong ngày Tết. Bởi thường vào ngày Tết thì chợ búa đều đóng cửa vì người dân ai cũng phải lo thăm hỏi, chúc Tết lẫn nhau.

Phiên chợ Gia Lạc được duy trì đến năm 1945, tức là gần cả trăm năm sau khi Định Viễn công mất.

Chợ Gia Lạc có gì?

Trong lịch sử, chợ ở Việt Nam nói chung rất đa dạng về loại hình. Theo quy mô thì có chợ làng, chợ hàng huyện, chợ tỉnh... Theo vị trí thì có chợ bến sông, bên đường bộ, trên đê... Theo kiến trúc, sở hữu thì có chợ Đình, chợ Chùa (chợ Tam Bảo), chợ cầu, chợ quán...; theo chuyên doanh thì có chợ làng nghề, chợ gia súc. Nhiều nơi có chợ âm dương - nơi gặp gỡ giữa người sống và người chết. Vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng với các chợ nổi. Ở một số vùng cao phía Bắc lại có chợ tình như Bắc Hà (Lào Cai), Khâu Vai (Mèo Vạc, Hà Giang).

Vậy chợ Gia Lạc có gì thú vị?

Theo tài liệu cũ cho biết, người ở vùng chợ Dinh, phố cổ Gia Hội hiện nay, đi chợ Gia Lạc là để có dịp bói đồ nhân năm mới vì phải qua sông. Nếu khi đến bến mà đồ đang neo đợi, nghĩa là sẽ được thông dong trong năm mới. Ngược lại khi đến bến mà đồ sang sông, ấy là điềm báo sẽ lận đận trong năm ấy.

Và lệ thường người đi phiên chợ Gia Lạc mồng 1 Tết luôn mua một trái cau, một ngọn trầu với mong muốn sẽ an bình trong năm mới. Trầu ở chợ Gia Lạc là trầu hương rất thơm, lá lục. Cau ở chợ là cau làng Nam Phổ, nổi tiếng ngon ngọt ở xứ Huế. Cau trầu ở đây được người Huế đặc biệt chuộng dù giá cao hơn cau trầu vùng khác. Vì thế, người Huế có câu “Cau Nam Phổ mỗi trái mỗi giá. Trầu chợ Dinh mỗi lá mỗi tiền”. “Giá” được người Bắc gọi hào, người Nam gọi cắc, giá trị bằng 1/10 đồng bạc.

Sau đó người đi chợ Gia Lạc mới mua hàng hóa của chợ theo sở thích. Hàng hóa mua bán trong chợ khá phong phú như chén bát, ly cốc, áo quần, trang sức, hoa tươi, rau củ quả... Đặc biệt là các đặc sản của Huế như phần nự, hoa giấy, bánh canh Nam Phổ;

bánh bèo, nậm, lọc, ít, ram, ướn, khoái... Trẻ con thì mua tượng bà Trưng cưỡi voi, ông Trạng cầm quạt, gà đất, lung tung ngũ sắc, tò he, kẹo cau, kẹo gừng...

Chợ Gia Lạc còn thu hút đông đảo người đi chơi Tết nhờ hàng loạt trò chơi thú vị như hò giã gạo, bài chòi, bài vự, bầu cua, ném vòng vịt, leo cột mỡ, đu tiên, kéo co, vật võ...

Định Viễn công lại phát động thi nấu bún bò giò chả ngay tại chợ Gia Lạc, đầu bếp nào giành giải nhất thì nhận được bốn chữ: “thập toàn, ngũ đắc”. Thập toàn là điểm hoàn thiện hoàn mỹ của món đặc sản chốn kinh kỳ: ngon lành, thơm tho, ngọt ngào, đậm đà, tinh khiết, bổ dưỡng, bắt mắt, giòn chọn, rành nấu, khéo bày. Ngũ đắc là năm yếu tố: ai cũng biết được, mua được, ăn được, chế biến được, tìm được nguyên vật liệu ngay tại địa phương mình.

Do đó, người ta đến chợ Gia Lạc không phải vì nhu cầu mua bán mà vì đây là thói quen đẹp đã có từ lâu đời. Họ lấy sự vui vẻ, lấy việc cầu may làm chính nên ai nấy đều ăn mặc chỉnh tề, sang trọng, đặc biệt là việc đi lại, nói năng trao đổi với nhau đều ý tứ, lịch thiệp. Họ không tranh luận, không to tiếng như các phiên chợ trong năm. Bởi tại nơi đây dân nông thôn giao lưu với dân thành thị, giới quý tộc gặp gỡ giới bình dân. Hai bên đều có chung niềm vui là du xuân đón Tết.

Năm 2002, nghệ nhân Hồ Thị Hoàng Anh đã tái hiện chợ Gia Lạc tại khuôn viên Trường Đại học Munchen (CHLB Đức), sau đó chợ được tái hiện trong dạ tiệc cuối năm tại Le Lieu Unique (Pháp). Và ngày 15-2-2012, lần đầu tiên kể từ năm 1945, phiên chợ Gia Lạc Tết Huế xưa được phục dựng trên tầng thượng tòa nhà Sailing (TP.Hồ Chí Minh) do bà Hồ Thị Hoàng Anh thực hiện. ■ *Ảnh tác giả





Đề là người tự do

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Vào ngày 14/3/2018, Stephen Hawking, nhà vật lý lý thuyết, nhà vũ trụ học nổi tiếng người Anh, đã từ giã cõi đời để hòa vào vũ trụ. Được xem là một trong những nhà khoa học xuất sắc nhất mọi thời đại, sự ra đi của ông thật sự là mất mát lớn của nhân loại. Hàng triệu triệu người sẽ mãi nhớ về Stephen Hawking, nhà khoa học phấn đấu hết mình vì sự tiến bộ của thế giới dù mang trong mình căn bệnh hiểm nghèo suốt 55 năm.

Stephen Hawking nguyên là Giám đốc nghiên cứu tại Trung tâm Vũ trụ học lý thuyết thuộc Đại học Cambridge. Trong số những công trình khoa học quan trọng của ông, nổi bật nhất là lý thuyết kỳ dị hấp dẫn trong khuôn khổ thuyết tương đối tổng quát, và tiên đoán lý thuyết hố đen phát ra bức xạ (tức bức xạ Hawking). Hawking cũng là một trong những người đầu tiên xây dựng một nền vũ trụ học dựa trên sự thống nhất giữa thuyết tương đối tổng quát và cơ học lượng tử.

Tôi biết đến Stephen Hawking nhờ đọc những bài báo rải rác về ông, đặc biệt xem phim *"Thuyết vạn vật"* (tựa gốc tiếng Anh: *The Theory of Everything*) là bộ phim tiểu sử chính kịch lãng mạn của Anh quốc phát hành năm 2014. Nhưng ấn tượng sâu sắc của tôi về ông lại bắt nguồn từ các câu nói mà Stephen Hawking phát biểu được sưu tầm trích dẫn trên mạng. Riêng có hai câu nói của ông cứ làm tôi suy nghĩ mãi và nói thắm: *"Stephen Hawking sâu sắc lắm đây!"*.

Tâm trí con người cứ luôn ồn ào

Stephen Hawking có nói: *"Những người trầm lặng nhất là những người có tâm trí ồn ào nhất"*. Có đúng thế không?

Trong triết lý Phật giáo, có khái niệm và phương pháp tu tập gọi là chánh niệm. Chánh niệm là sự tỉnh giác, là sự chú tâm, biết rõ những gì đang xảy ra nơi ta trong giây phút hiện tại, bây giờ và ở đây một cách vô tư không phê phán hoặc so sánh. Trong đạo Phật, chánh niệm còn được gọi là trái tim của thiền quán, là chìa khóa giúp tâm bình an thật sự. Nếu tu tập tốt, chánh niệm là một kỹ năng nhuần nhuyễn, dần biến thành nếp sống, phản xạ vô điều kiện, tự nhiên như hơi thở của mình. Đức Phật đã từng nói rằng chánh niệm là con đường thẳng dẫn đến giác ngộ: *"Đây là con đường thẳng đến tịnh hóa thân tâm, để vượt thắng u sầu và khổ não, để chấm dứt khổ đau, để đạt đạo, và thực chứng Niết-bàn"*.

Nếu không có chánh niệm, chúng ta không thể nào nhìn thấy thế giới một cách rõ ràng, đơn giản là chúng ta sẽ lạc bước theo sự nghĩ ngợi lao xao, quanh quẩn của tâm trí. Cách hay nhất để hiểu chánh niệm là nhận ra những gì không phải là chánh niệm. Phải chăng *"những người có tâm trí ồn ào"* mà Stephen Hawking đề cập chính là những người không có chánh niệm, còn gọi thất niệm? Tư thế thông thường của người trầm lặng là ngồi hoặc hay đứng yên, không nói năng, có vẻ trầm tĩnh an nhiên, mặc dù xung quanh xảy ra những biến cố, xao động. Tư thế của Hawking từ khi bị bệnh thành người trầm lặng suốt ngày.

Năm 1963, khi mới 21 tuổi và đang theo học cao học tại Đại học Cambridge, Hawking được chẩn đoán mắc bệnh xơ cứng teo cơ một bên (bệnh ALS hay Lou Gehrig) - căn bệnh phá hủy hệ thống neuron thần kinh khiến cơ thể bị liệt, không vận động được - và ông được dự đoán chỉ sống thêm không quá hai năm. Giọng nói của Hawking ngày càng khó khăn hơn, và đến cuối những năm 1970 chỉ còn gia đình và những người bạn thân nhất hiểu được ông. Để giao tiếp với những người khác, ai đó hiểu rõ sẽ dịch lời ông cho người kia. Trong một chuyến đi thăm CERN ở Genève mùa hè năm 1985, Hawking mắc viêm phổi nặng. Ông đã sống sót, nhưng phải trải qua một ca phẫu thuật mở khí quản đòi hỏi chăm sóc điều dưỡng suốt ngày đêm và loại bỏ năng lực phát âm ít ỏi còn lại của ông. Từ đây, ông chỉ im lặng, và người ta chỉ hiểu ông nhờ máy tính chế tạo dành cho riêng ông phát biểu.

Câu nói *"Những người trầm lặng nhất là những người có tâm trí ồn ào nhất"* trước hết có thể xem là lời của Hawking nói về thân phận của ông. Thân phận của ông là người trầm lặng nhất vì suốt ngày phải ngồi bất động trên xe lăn, không nói năng được một lời nào nhưng tâm trí ông không yên ả chút nào. Có thể nói tâm trí của Hawking rất ồn ào, bởi vì bên trong thân thể gần như vô dụng của ông là một bộ não sắc bén và tò mò trước bản chất của vũ trụ. Bộ não thiên tài ấy phải ồn ào một cách đúng phương pháp mà ta gọi là chánh niệm, nó không ngừng tìm kiếm những lời giải bí ẩn của vũ trụ, nó trải rộng nhiều lĩnh vực, từ khám phá về nguồn gốc vũ trụ, thăm dò tiềm năng của việc du hành vũ trụ cho tới bí ẩn đằng sau hố đen...

Tuy nhiên, câu nói *"Những người trầm lặng nhất là những người có tâm trí ồn ào nhất"* của Hawking, theo tôi cũng là lời cảnh tỉnh. Trong cuộc sống, ta rất thường gặp những người có vẻ trầm lặng nhưng đầu óc họ có nghĩ ngợi đâu. Đầu óc họ rất ồn ào vì nỗi sợ hãi bất tận và lòng tham muốn vô cùng của "cái tôi". Trong quá trình tồn tại và phát triển, con người gây ra biết bao đau khổ bởi vì cái tôi phóng đại quá lớn của mình. Trong cuộc sống của mỗi con người, hẳn ta có thể làm hại người và cả hại mình chỉ vì cái tôi không có thật do hấn dưng nên thông qua sự ồn ào suy nghĩ bất tận trong đầu hấn. Nếu ta chấp ngã tức tin cái tôi là có thật, đồng hóa cái tôi ấy với danh vọng, tiền bạc, tài sản, các mối quan hệ thân thuộc và xã hội... ta rất dễ để tham sân si nổi lên. Khi ấy, ta không thể từ bỏ mọi thủ đoạn để đạt những điều mà cái tôi gian xảo phóng chiếu thông qua sự ồn ào suy nghĩ trong đầu hấn.

Krishnamurti, nhà hiền triết thế kỷ XX, đã đặt câu hỏi cho mọi người: "Tôi thấy 'cái tôi' luôn luôn đang vận hành mang lại lo âu, sợ hãi, thất vọng, tức giận, đau khổ, không chỉ cho chính tôi mà còn cho tất cả những người quanh tôi, liệu cái tôi đó có thể được xóa sạch, không phải từng phần nhưng toàn bộ hay không? Liệu

tôi có thể thấu hiểu tận cội rễ của cái tôi, thấy năng lực phá hoại của nó để hủy diệt nó hay không?"

Theo tôi, thông qua câu nói *"Những người trầm lặng nhất là những người có tâm trí ồn ào nhất"* của mình, Hawking cảnh tỉnh những người không trầm lặng hoặc thuộc loại trầm lặng nhất cũng cần có khoảng thời gian tâm trí tĩnh lặng. Người ta có thể xóa sạch "cái tôi" của mình khi tâm thức tĩnh lặng hoàn toàn. Tâm thức tĩnh lặng hoàn toàn ở đây là trạng thái không còn là kinh nghiệm phóng chiếu của cái ngã, không mong cầu kéo dài sự tồn tại hay giải trừ cái ngã, không đánh giá phê phán cái ngã thông qua sự ồn ào suy nghĩ trong đầu.

Để là người tự do

Câu nói thứ hai của Stephen Hawking: *"Tôi không thể di chuyển và phải nói bằng máy tính nhưng trong tâm trí, tôi là người tự do"* cũng làm tôi rất tâm đắc.

Đúng là Stephen Hawking đã được thế giới biết đến là anh hùng không chỉ trên phương diện chuyên môn là khoa học vũ trụ, mà còn là người vượt lên chính mình một cách hoàn hảo, như biểu tượng về việc không đầu hàng "số phận".

Hình ảnh của ông đã truyền một thông điệp rằng bạn có thể thành công ngay cả khi bạn có nhiều điều kiện để đi đến... thất bại. Bạn có thể có thật nhiều hạnh phúc ngay cả khi sinh ra bạn đã bị hạn chế khá nhiều điều kiện để hạnh phúc và dư thừa điều kiện để chịu đựng khổ đau.

Nhiều bức ảnh chụp Stephen Hawking đang ngồi trên xe lăn, thân hình co quắp bất động nhưng nụ cười lại nở rộ trên môi ông và chỉ có thể nói, đó chính là nụ cười hạnh phúc.

Dựa trên tinh thần "ít muốn, biết đủ", có người cho rằng ai cũng muốn hạnh phúc bởi khi được hỏi đều trả lời rằng *"Tôi muốn hạnh phúc"*.

Có người cho rằng: "Vậy hãy bỏ TÔI (cái tôi, ngã mạn, chấp giữ...) và MUỐN (dục: tham, ham thích đủ thứ không dừng nghỉ) sẽ còn lại HẠNH PHÚC (cái mình muốn có)".

Theo tôi, câu nói của Stephen Hawking *"Tôi không thể di chuyển và phải nói bằng máy tính nhưng trong tâm trí, tôi là người tự do"* hàm hai ý.

Thứ nhất, trong tâm trí Hawking cảm thấy tự do vì đầu óc ông "ồn ào" nghĩ ngợi về giải thích vũ trụ chứ không lệ thuộc vào sự vận hành mang lại lo âu, sợ hãi, thất vọng, tức giận, đau khổ vì "cái tôi" của ông. Thứ hai, trong tâm trí Hawking cảm thấy tự do vì ông cảm nhận hạnh phúc chính là không nhiều mong cầu để sống "biết đủ", an nhiên chấp nhận số phận. Hawking cảm thấy tự do vì ông thổ lộ: "Lời khuyên của tôi cho những người tàn tật là *hãy tập trung làm thật tốt những thứ mà bản thân khuyết tật không ngăn được bạn*. Đừng hối tiếc những điều mình không thể. Đừng để bị khuyết tật cả cả tinh thần và thể xác". ■

Ô nhiễm môi trường trên thế giới, một vấn nạn trầm trọng



DAMIAN CARRINGTON
CAO HUY HÓA dịch

Một nghiên cứu vô cùng quan trọng của *Hội đồng nghiên cứu về ô nhiễm và sức khỏe* được đăng trên tạp chí *Lancet* trong năm 2017, đã chứng minh: không khí ô nhiễm, nước, đất và nơi làm việc đã giết ít nhất 9 triệu người và tổn kém hàng ngàn tỉ đô-la mỗi năm, đồng thời đã cảnh báo khủng hoảng “đe dọa sự sống liên tục của những xã hội loài người”.

Nghiên cứu đó đã phân tích một cách toàn diện nhất cho đến bây giờ, trên phạm vi toàn thế giới, đã phát hiện: không khí độc, nước, đất và nơi làm việc là nguyên nhân gây ra những bệnh giết người trên thế giới, theo tỉ lệ, cứ sáu người chết thì có một người chết vì nhiễm độc, nhưng tổng số thực sự có thể cao hơn vài triệu người bởi vì tác động của nhiều chất gây ô nhiễm được mọi người hiểu rất nghèo nàn. Số người chết do ô nhiễm cao gấp ba lần số người chết do AIDS, bệnh sốt rét và lao gộp lại.

Phần rất đông những người chết do ô nhiễm ở những nước nghèo và trong một vài nước, chẳng hạn Ấn Độ, Chad và Madagascar, đã lên đến 1/4 của tổng số người chết. Những nghiên cứu quốc tế cảnh báo gánh nặng đó là chi phí khổng lồ, gây trở ngại cho phát triển kinh tế.

Những nước giàu vẫn phải làm công việc xử lý ô nhiễm: Mỹ và Nhật là ở top 10 về số người chết do các dạng hiện đại của ô nhiễm, nghĩa là dầu mỏ - liên quan ô nhiễm không khí và ô nhiễm hóa chất. Nhưng các nhà khoa học cho rằng những cải thiện lớn lao được thực hiện trong những nước phát triển những thập niên gần đây chứng tỏ rằng đẩy lùi được ô nhiễm chỉ thắng lợi nếu đó phải là quyết tâm chính trị của quốc gia.

“Ô nhiễm là một trong những thách thức sống còn lớn lao của thời đại mà cứ cho con người là trung tâm” đó là kết luận của những tác giả của *Hội đồng nghiên cứu về ô nhiễm và sức khỏe*. “Ô nhiễm gây nguy hại cho tính bền vững của những hệ thống hỗ trợ trái đất và đe dọa sự sống còn liên tục của các xã hội loài người.”

Giáo sư Philip Landrigan, thuộc Icahn School of Medicine tại Mount Sinai, Mỹ, người cùng lãnh đạo *Hội đồng*, nói: “Chúng ta sợ rằng với 9 triệu người chết mỗi năm, chúng ta đã chất thêm hòm và bao bì vào gánh nặng ô nhiễm của trái đất”. Ví dụ, như ông nói, những người chết do ô nhiễm không khí ở Đông Nam Á sẽ trên đà tăng gấp đôi vào năm 2050.

Sau đây là vài con số thống kê về số người chết năm 2015, do:

Ô nhiễm không khí, nước, đất, nơi làm việc: 9,0 triệu

Hút thuốc: 7,2 triệu

AIDS, sốt rét và lao: 3,0 triệu

Trẻ em và bà mẹ suy dinh dưỡng: 1,3 triệu

Tai nạn giao thông: 1,2 triệu

Chiến tranh và án mạng: 0,3 triệu

Giáo sư Landrigan bảo tỉ lệ người chết do ô nhiễm gây ngạc nhiên những nhà nghiên cứu, và rằng hai tác nhân gây sốc khác đối chọi nhau. Tác nhân đầu là số người chết do ô nhiễm hiện đại tăng lên nhanh chóng, trong khi những người chết do ô nhiễm “cổ truyền” - từ nhiễm độc nước và lửa nấu bếp củi - giảm xuống. Thế thì sự phát triển phải chịu hậu quả.

“Thứ đến, chúng ta thực sự không chú tâm chung quanh vấn đề có bao nhiêu loại ô nhiễm không được

tính trong kiểm điểm hiện tại”, ông nói. “Con số 9 triệu hiện tại chắc là ước lượng thấp hơn, thực tế có thể kể thêm đến vài ba triệu”.

Đây là vì các nhà khoa học vẫn còn đang phát hiện những liên kết giữa ô nhiễm và sức khỏe kém, chẳng hạn sự kết nối giữa không khí ô nhiễm và chứng mất trí, tiểu đường và bệnh suy thận. Đi xa hơn, việc thiếu dữ liệu về nhiều kim loại và hóa chất độc không được bao gồm trong những phân tích mới.

Những nhà nghiên cứu ước chừng phúc lợi bị mất do ô nhiễm lên đến 4,6 ngàn tỉ mỗi năm, tương đương hơn 6% GDP toàn cầu. “Chi phí đó là quá lớn, nó kéo xuống nền kinh tế của nhiều nước đang vất vả đi lên”, Landrigan nói. “Chúng ta thường nghe nói ‘chúng ta không có đủ khả năng dọn dẹp ô nhiễm’, thế nhưng tôi cho rằng chúng ta không tạo điều kiện cho dọn dẹp ô nhiễm”.

Phức trình của Hội đồng đã tổ hợp dữ liệu từ Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và những nơi khác, và tìm thấy ô nhiễm không khí là kẻ giết người lớn nhất, dẫn đến bệnh tim mạch, đột quỵ, ung thư phổi và nhiều bệnh khác. Ô nhiễm không khí ngoài trời, phần lớn do xe cộ và kỹ nghệ, gây ra 4,5 triệu người chết mỗi năm, và ô nhiễm không khí trong nhà, từ củi và bếp phân, gây ra 2,9 triệu người chết.

Kẻ giết người lớn tiếp theo là ô nhiễm nước, thường là nước thải, liên quan đến 1,8 triệu người chết như là hậu quả của bệnh đường ruột và bệnh nhiễm ký sinh trùng. Ô nhiễm nơi làm việc - bao gồm tiếp xúc với độc tố, chất gây ung thư và hít gián tiếp khói thuốc - dẫn đến 800.000 người chết từ những bệnh như bệnh phổi do bụi than của những công nhân ngành than, bệnh ung thư bàng quang nơi những công nhân ngành nhuộm. Nhiễm độc chì, một kim loại độc đã giết 500.000 người một năm.

Những đất nước thu nhập thấp và đang công nghiệp hóa nhanh là chịu tác động tệ hại nhất, đến 92% số người chết liên quan đến ô nhiễm (trên tổng số người chết), với Somalia chịu tỉ lệ cao nhất. Ấn Độ, nước bị ô nhiễm trầm trọng - ô nhiễm hiện đại lẫn ô nhiễm cổ truyền - có số người chết lớn nhất, với 2,5 triệu. Trung Quốc đứng thứ hai với 1,8 triệu, nước Nga và nước Mỹ cũng được xếp vào top 10.

Trong giới hạn của ô nhiễm nơi làm việc đáng kể đến người chết, các nước Anh, Nhật và Đức cũng xuất hiện ở top 10. Phức trình được thực hiện bởi hơn 40 nhà nghiên cứu từ các chính phủ và đại học khắp toàn cầu và được tài trợ bởi Liên Hợp Quốc, Cộng đồng châu Âu (EU) và Mỹ đã thông tin như thế. “Đây là công trình có tầm quan trọng rộng rãi, nêu bật ô nhiễm môi trường tác động trên cái chết và bệnh tật”, TS.Maria Neira, Giám đốc WHO về sức khỏe công và môi trường, đã nói: “Đây là một mất mát của sự sống và tiềm năng phát triển của con người, một mất mát không thể chấp nhận được”.

Tổng Biên tập của tạp chí *Lancet*, TS.Richard Horton, và Phó Tổng Biên tập TS.Pamela Das, cho rằng: “Không nước nào vô cảm với ô nhiễm. Hoạt động của con người,

bao gồm công nghiệp hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa, tất cả đều phải chủ động chống ô nhiễm. Chúng ta hy vọng Hội đồng tìm cách thuyết phục những nhà lãnh đạo tầm quốc gia, bang, thành phố, đặt ưu tiên giải quyết ô nhiễm lên hàng đầu. Những thể hệ hiện tại và tương lai xứng đáng được sống trong thế giới thoát ô nhiễm”.

Ông Richard Fuller trong Pure Earth (Đất Lành), một tổ chức từ thiện thu dọn ô nhiễm quốc tế và là người đồng lãnh đạo Hội đồng, nói: “Ô nhiễm có thể bị loại trừ và việc phòng ngừa ô nhiễm có thể đem lại lợi lạc cao, giúp bảo đảm sức khỏe và gia tăng tuổi thọ, trong khi nền kinh tế được nâng lên”. Từ khi đạo luật về thanh lọc không khí của Mỹ được thực hiện năm 1970, mức độ của 6 chất gây ô nhiễm chính đã giảm đến 70% trong khi GDP tăng lên 250%, theo lời Landrigan: “Điều này chứng tỏ một sự nói dối, cho rằng sự kiểm soát ô nhiễm giết công ăn việc làm và kìm hãm nền kinh tế”.

Bà Gina McCarthy, nguyên Giám đốc US Environmental Protection Agency (Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ) chỉ trích việc xem nhẹ kiểm soát ô nhiễm dưới chính quyền Trump: “Bây giờ không phải là lúc để quay trở lại tại Mỹ”, bà nói. “Việc bảo vệ môi trường và một nền kinh tế mạnh phải cùng nắm tay nhau. Chúng ta cũng cần giúp đỡ những nước khác, không chỉ vì lợi ích mang đến cho họ, mà cũng vì ô nhiễm là không biên giới”.

Việc đưa ra những quy định mới, chấm dứt trợ cấp cho các ngành công nghiệp gây ô nhiễm và triển khai công nghệ như các bộ lọc khói thuốc có thể giải quyết vấn đề ô nhiễm, các nhà nghiên cứu cho biết. Nhưng cần phải có nhiều nghiên cứu hơn nữa về tác động của ô nhiễm, như lời ông Fuller: “Những dữ liệu có giá trị không bao gồm tác động của chì từ những địa điểm bị nhiễm độc, như ở Flint (Michigan, Mỹ) hay Kabwe (Zambia). Lại thêm cư dân những vùng này kinh nghiệm những tác động đối với sức khỏe vô cùng tệ hại”.

Theo giáo sư Landrigan, mối lo âu lớn nhất của ông là tác động không rõ của hàng trăm hóa chất công nghiệp và thuốc trừ sâu được phát tán rộng rãi trên thế giới: “Tôi lo ngại chúng ta đã tạo dựng một hoàn cảnh, ở đó con người bị phơi mình chịu những hóa chất đang làm hủy diệt trí thông minh và làm suy yếu sự tái tạo hay đánh thức hệ miễn dịch, nhưng đến bây giờ chúng ta vẫn không đủ khôn ngoan để làm một sự kết nối giữa sự quảng bá và hậu quả, bởi vì vấn đề khó phát hiện”. Mới đây, có một phức trình về hiện tượng những con sâu bọ xuất hiện vô cùng đông đảo, mà nguyên do có thể là từ thuốc trừ sâu”.

“Vấn đề ô nhiễm hầu như không được chú ý nhiều như biến đổi khí hậu, hay AIDS, hay sốt rét; nó là vấn đề về sức khỏe bị xem nhẹ nhất trên thế giới”, ông nói. ■

Nguồn: *Global pollution kills 9m a year and threatens 'survival of human societies*, The Guardian.

Tác giả: *Damian Carrington*, biên tập viên về môi trường, báo *The Guardian* (Anh).

Giai thoại chung quanh cụ *Phan Thanh Giản*

TÔN THẤT THỌ

Chân dung cụ Phan Thanh Giản (1796-1867)

Cách đây 90 năm, một cuốn sách biên khảo về danh nhân Phan Thanh Giản được xuất bản. Sách có tựa *Phan Thanh Giản truyện* và được xuất bản năm 1927, tác giả là Thái Hữu Võ. Trong sách có thuật lại câu chuyện Phan Thanh Giản lấy thân mình cản bánh xe vua. Năm 2015, Nhà xuất bản Hồng Đức phát hành cuốn *Nam Bộ với triều Nguyễn và Huế xưa* của tác giả Nguyễn Đắc Xuân. Nội dung của cuốn sách này có trích lại câu chuyện nói trên với tựa là *Phan Thanh Giản lấy thân mình cản bánh xe vua*. Xin được ghi lại nguyên văn câu chuyện ở trang 28:

“Tháng Giêng năm Bính Thân (1836), vua Minh Mạng thấy đất nước thái bình, triều đình yên ổn bèn xuống chiếu phán rằng: *‘Tháng Năm vua sẽ vào ngự tỉnh Quảng Nam, và sau đó sẽ tiếp tục vô Nam Kỳ để tận mắt xem xét cách làm ăn sinh sống của dân chúng, thăm viếng phong cảnh núi sông các xứ miền Nam’*.

Lúc ấy Phan Thanh Giản, vị Tiến sĩ đầu tiên của vùng đất Nam bộ, đang giữ chức Tổng đốc Quảng Nam; nhận được chiếu Nam du của vua Minh Mạng, Phan Thanh Giản cảm thấy không yên trong lòng. Nhưng làm sao ông có thể đệ đạt điều ông suy nghĩ đến được bề rồng? Hồi ấy có lệ cứ đến mùa xuân các quan lớn đứng đầu các tỉnh phải dâng sớ thỉnh an (tức là thư chúc sức khỏe nhà vua), và đằng sau sớ thỉnh an các quan được phép đáp từ câu chuyện lợi hại của dân tình trong tỉnh mình, hay kêu ca xin xét việc gì với vua. Trong sớ thỉnh an năm ấy, Phan Thanh Giản đáp từ rằng:

‘Thần đọc chiếu biết vua sắp đi tuần thú các tỉnh Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên và các tỉnh phía Nam. Thần xin kính tâu cho vua biết bốn tỉnh ấy trời đang nắng hạn, đồng khô lúa chết, gạo đắt, dân giàu thì túng, dân nghèo thì đói, lại thêm lâu ngày không mưa, khí đất thấp, nhiệt nổi lên hay sinh tật bệnh. Đã biết vua ngự thì ngàn xe muôn ngựa, quan quân hầu hạ, nhứt thiết tiêu dụng của vua, không tốn chút chi của dân cả, nhưng mà việc sửa đắp đường sá, dọn dẹp hành cung, sắm củi đun cho quan quân đun nấu, cắt cỏ lác cho ngựa voi ăn lính đầu cho đủ, tất nhiên phải bắt dân làm. Nếu như vậy thì dân phải lo việc công mà bỏ việc tư, không còn sức chăm sóc ruộng nương, lấy gì đủ ăn mặc cho cả năm! Thần là người được vua giao nhiệm vụ giữ đất chặn dân, không làm cho dân oán ơn nước, gọi đức vua, để cho dân tình khó khăn đến thế quả là tội của thần, không còn chỗ tránh. Nhưng mà thần thấy từ khi vua lên ngôi đến nay, mỗi việc đều lấy đức vỗ muôn dân,

cho nên thần mới cạy lời bày tỏ, xin vua đình giá khoan đi, chờ lúc trời đất khí hòa, mùa được dân no, thì sẽ xa giá ngự đến. Chừng ấy trong thành thị, ngoài hương thôn thấy bóng cờ nghe tiếng nhạc, ắt quan dân lòng mừng hớn hở, miệng chúc muôn năm, như vậy mới thực lễ thứ vui lòng. Cúi xin thượng hoàng thăm xét’.

Công việc chuẩn bị Nam du đã xong, chỉ còn chờ ngày khởi hành, vì thế vua Minh Mạng không nghe sớ can ngăn của Thanh Giản. Đến khi xa giá vào đến Quảng Nam, Thanh Giản lại tiếp tục can ngăn, nhà vua vẫn phớt lờ không nghe (!). Nhà vua cho xe lăn bánh tiếp tục vào phía trong. Biết không thể dùng lời can ngăn vua được nữa, Thanh Giản liền liều mình quỳ trước bánh xe, cản không cho xe vua đi. Các đại thần theo xa giá hết sức quả trách:

‘Phan Thanh Giản điên sao dám cản đường vua tuần thú, làm mất lòng dân trông tưởng. Như thế là phạm tấ, đáng tội chết!’

Không ngờ, trong giờ phút đó vua Minh Mạng lại hiểu được lòng thương dân của Thanh Giản. Nhà vua nói với các quan Cơ mật rằng:

‘Thanh Giản thăm lấy lời ông Mạnh Kha can vua Tể Vương để can gián ta! Thôi các khanh hãy đình chỉ việc tuần thú, cho xa giá quay về triều!’

Các quan không dám trái lệnh, phải cho xe quay về. Sau đó vua Minh Mạng cho người đi điều tra về tình hình đói kém của dân bốn tỉnh và thấy đúng như lời sớ. Nhờ thế mà Phan Thanh Giản đã cản xe vua mà không bị tội”.

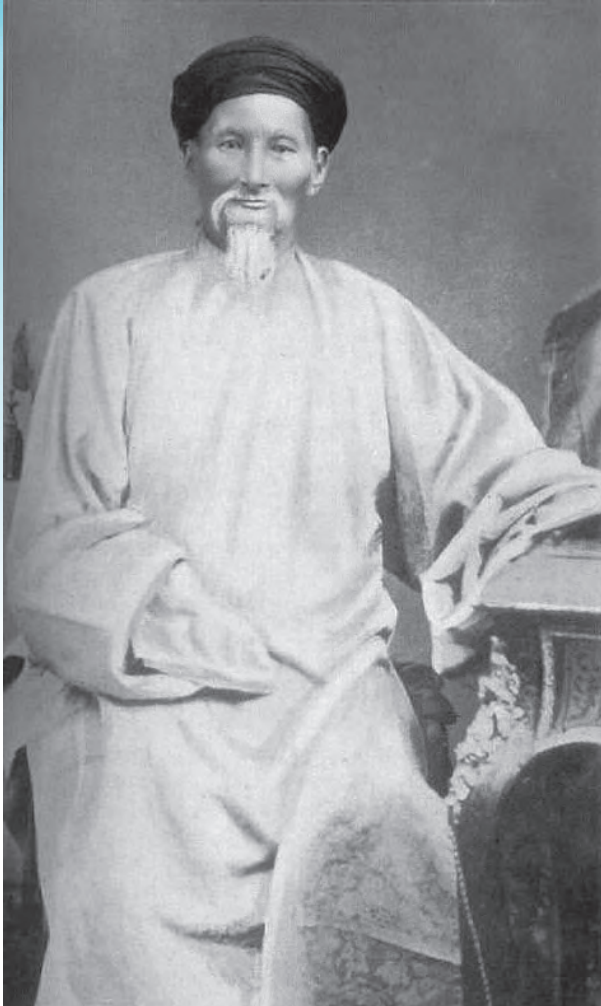
(*Nam Bộ với triều Nguyễn...*, sđd, tr.28)

Sự thật câu chuyện trên là như thế nào? Sách *Đại Nam thực lục chính biên* chép:

“Ất Mùi, Minh Mệnh năm thứ 16 (1835) tháng 6: Tuần phủ Nam Ngãi Đỗ Khắc Thư dung túng cho thuộc lại ở tỉnh tạ sự lấy quà cáp của dân. Việc phát giác, bị tội cách chức. Dùng Đại Lý Tự khanh Phan Thanh Giản làm *Bổ chính Quảng Nam*, Hộ lý ấn quan phòng Tuần phủ Nam Ngãi”.

(*ĐNTL*, tr.689)

“Bính Thân, Minh Mệnh năm thứ 17 (1836), mùa xuân, tháng 3: “*Bổ chính Quảng Nam*, Hộ lý Tuần phủ Nam - Ngãi là Phan Thanh Giản *bị giáng chức*. Dùng: Kinh doãn Hồ Hữu Hộ lý ấn quan phòng Tuần phủ Nam - Ngãi, kiêm lĩnh ấn triện *Bổ chính*; Tả Thị lang bộ Lễ



Vương Hữu Quang kiêm giữ thay công việc Phủ doãn Thừa Thiên.

Trước kia, vua thấy Nam, Bắc yên lặng, triều đình nhàn rỗi, bèn dụ đến trung tuần tháng 5, sẽ đi tuần Quảng Nam, trung tuần tháng 6 sẽ đi tuần Quảng Trị; chuẩn cho quan phần việc và địa phương sở tại chuẩn y trước. Thanh Giản nhân đó, trong tập thỉnh an, có nói: *‘Vua đi tuần du, dân các hạt nghe tin không ai không hớn hờ, muốn tai được nghe tiếng ngựa xe vua đi, mắt được thấy cờ vũ mao tươi đẹp. Nhưng lúa chiêm năm nay kém, trong khoảng tháng 4, 5 chính là mùa gieo, cấy. Một khi phải làm việc ứng tiếp, được việc này, hỏng việc kia, sợ không lấy gì mà sống trọn năm được. Xin hãy tạm đình, để tiểu dân được chuyên sức làm ruộng’.*

Vua xem tờ tâu, không hài lòng, bảo viện Cơ mật rằng: ‘Phan Thanh Giản đã nói ai nghe tin cũng đều vui mừng. Lại nói, Bận việc ứng tiếp thì hại việc làm ruộng. Đó là có ý muốn lấy lời Mạnh Kha thưa với Tề Tuyên Vương để ngấm chê ta. Nay, Thanh Giản nếu thấy việc không tốt thì nói thẳng để can ngăn, sao lại được đặt lời gian xảo, bẻ ngoài cho là phải, bẻ trong chê là trái, người làm bề tôi có nên như thế không? Và lại, việc

đi tuần du nguyên có hai ý nghĩa: nếu chỉ lấy việc đi chơi làm vui, mà chẳng quan tâm đến việc dân, thì thực không nên; nếu thời thường tuần du các nơi, nhân đó để xét địa phương, xem phong tục, thực là phép hay của đế vương xưa. Đời Nghiêu Thuấn năm năm đi tuần một lần, một năm đi khắp núi lớn ở bốn phương [Núi Thái Sơn ở phương Đông, núi Hoa Sơn ở phương Tây, núi Hành Sơn ở phương Nam, núi Hằng Sơn ở phương Bắc] mà cư dân không kêu vất vả. Người làm vua mỗi lần đi tuần du là một lần kẻ hạ dân được giúp đỡ, được nghỉ ngơi. Xét những điều đã chép trong các sử sách đều đáng soi gương. Từ trước đến nay, trẫm cũng bắt chước phép xưa mà làm. Huống chi Quảng Nam ở gần Kinh kỳ trong vòng vài trăm dặm, [Minh Mệnh] năm thứ 6 và năm thứ 8, hai lần đi tuần, đến đâu cũng làm ơn, ban phước, tha miễn thuế thân, kẻ có hàng vạn; dân đen ai không thấm nhuần ơn rộng? Những đồ vật cung ứng ở hành cung cả đến cỏ lá cho voi ngựa, cũng thuê, hoặc mua bằng giá hậu. Kẻ nghèo túng, cũng đều được nhờ. Đến như việc hầu hạ nơi cung quán, đồ đạc bày biện, mọi việc đều cẩn tĩnh giảm, sơ sài. Lại nghiêm sức cho những nhân viên quyền quý ở Kinh theo hầu giá, không được đòi hỏi yêu sách tí gì. Nhà trạm và đường trạm nhất nhất nghiêm túc. Các điều ấy, ai có tai mắt cũng đều nghe thấy cả. Từ Minh Mệnh năm thứ 8 đến nay, tính đốt đã mười năm rồi. Nay nhân nhàn rỗi, lại định đi tuần. Mọi việc cũng theo lệ thường mà làm. Những nơi ngựa giá đi qua, không bày đặt xa xỉ hoa lệ; xe loan đến đâu không đòi hỏi gì. Như vậy có làm hại dân chút nào mà người ta không vui? *Cứ như Thanh Giản nói như thế, thì ra trong đó còn có ẩn tình chưa lộ rõ được.*

Nay nếu tội trị tội ngay thì kẻ không biết sẽ nói là trẫm không dung lời can ngăn, lại bắt tội người. Duy đối với lý phải hay trái cũng nên xét kỹ. Nếu Thanh Giản đi sát dân đen, thấu suốt ẩn tình của dân, nên vì dân mà tâu trình, thì trẫm sao nỡ bắt tội! Nếu do lòng riêng nói ra rồi mượn lời để ngăn trở, thì không nên nhủ nhờ dung tha được. Và lại, Thanh Giản trước kia ở Kinh, cũng biết hằng hái cổ gắng. Từ khi bổ chức làm ở ngoài, thì sinh lười nhác. Thí dụ như năm ngoái, sửa chữa thuyền Thanh Loan ở địa phận hạt ấy, trễ hơn một tháng, vẫn không từng đoái đến! Suy đó đủ biết đại khái được các việc khác. Nay có lẽ vì kho tàng, thành trì nhiều nơi chưa sửa sang, chỉnh đốn, không khỏi sợ việc, ngại khó, nên mới mượn thể để nói, mong được yên rỗi, thì tội không còn chối được, nhưng tội này hãy còn nhỏ. Nếu có lẽ vì quan lại lớn nhỏ ở tỉnh phần nhiều tham ô, thường dân ở làng xóm nhiều người oan khuất, sợ trẫm đi tuần, phát giác tội lỗi, nên mượn cớ can ngăn, để toan che đậy bưng bít, thì tội ấy không gì to bằng!.

Liên sai Ngự sử Vũ Duy Tân, Nguyễn Bá Nghi đi dò xét. Còn việc đi tuần du hãy đình lại. Bọn Tân khi đến dò hỏi dân trong hạt, mọi người đều mong vua đến. Lại xét

được những sự như công việc trong tỉnh bỏ bê trễ, quan lại tham nhũng tối tệ, liền đem tâu lên. Vua sai đình thần duyệt kỹ lại, ai nấy đều nói là Thanh Giản lừa dối bụng bịt và xin trị tội. Rồi xin cứ theo dự trước, cử hành điển lễ long trọng để thoả nguyện vọng dân chúng.

Vua nói: 'Thế đủ biết: đã là quốc thị thì ai cũng lấy làm phải, đã là công luận thì không sao che giấu được. Phan Thanh Giản mượn lời để che đậy, đáng phải sai bắt trói đem về Kinh để trị tội, nhưng nghĩ: nay tuy xét thấy thành trì kho tàng phần nhiều chưa sửa chữa, cũng là tội về việc công và những quan lại thuộc hạ tham ô kém cỏi, không xứng với chức phận mà thôi, chứ bản thân không có tình tệ tham tang những loạn. Nếu tội trị tội nặng ngay thì lòng trăm hây còn không nở. Chuẩn cho cách chức hàm Bồ chính, giáng xuống làm thuộc viên lục phẩm Quảng Nam khổ sai, hiệu lực chuộc tội dưới quyền viên hộ lý Tuần phủ mới'.

(ĐNTL T4, sdd, tr.908-909)

Qua những điều mà *Đại Nam thực lục* đã ghi, ta thấy:

1. Sự việc trên xảy ra vào năm Bính Thân (1836), chức vụ của Phan Thanh Giản bấy giờ không phải Tổng đốc mà là Bồ chính Quảng Nam, Hộ lý ấn quan phòng Tuần phủ Nam Ngãi

2. Việc Phan Thanh Giản dâng sớ bàn can ngăn việc tuần thú của vua Minh Mạng là có thật. Qua đó nhà vua đã đình chỉ chuyến đi để điều tra tìm hiểu sự việc, chứ không có việc vua đã đến nơi mà lại còn đứng ra cản xe!

3. Nguyên nhân mà Phan Thanh Giản không muốn nhà vua đến các địa phương mình trấn nhậm là vì lúc đó, ông mới nhận chức chỉ thời gian ngắn, ở đó tình

trạng quan lại tham nhũng tràn lan, nên ông không muốn điều tiếng xấu đến tai vua. Ông đưa lý do làm việc công, bỏ việc tư đã làm nhà vua nghi ngờ và cho điều tra tìm hiểu.

4. Không có việc vua Minh Mạng điều tra và tha tội cho Phan Thanh Giản mà ngược lại, nhà vua đã giáng chức Bồ chính cùng với chức Hộ lý ấn quan phòng Tuần phủ Nam Ngãi của ông.

Năm 1953, khi biên soạn cuốn *Phan Thanh Giản (1796-1867)* do Tân Việt xuất bản, tác giả Nam Xuân Thọ đã ghi đúng như nội dung mà *Đại Nam thực lục* đã chép: "*Thanh Giản dâng sớ ngăn giá: 'Hạt đàn nghe ngự giá sắp vào đều có lòng vui. Nhưng lúc này đang độ cấy cày, nếu lo công mà bỏ tư thì dân lấy chi được no ấm'. Vua Minh Mạng đọc sớ, đình cuộc du lãm...*"

(Phan Thanh Giản, sdd, tr.21)

Năm 1927, khi viết *Phan Thanh Giản truyện*, có thể lúc đó tài liệu lịch sử do *Quốc sử quán* biên soạn chưa được phổ biến đầy đủ và công khai, nên tác giả Thái Hữu Võ đã căn cứ vào các tư liệu thiếu chính xác để viết nên câu chuyện này. Thế nhưng gần 90 năm sau (1927-2015), xuất bản tác phẩm có trích lại nội dung câu chuyện trên để phổ biến mà không kiểm chứng, đó là điều rất đáng tiếc! ■

Tài liệu tham khảo:

- *Nam Bộ với triều Nguyễn và Huế xưa*, Nguyễn Đắc Xuân, Nxb Hồng Đức, 2015.

- *Đại Nam thực lục* T4, QSQTN, Nxb Giáo Dục, 2007.

- *Phan Thanh Giản*, Nam Xuân Thọ, Nxb Tân Việt tái bản lần II, 1957.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2018

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2018, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ	BS Trần Ngọc Đĩnh	: 5 cuốn/kỳ	Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 43 cuốn/kỳ	Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ	Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 31 cuốn/kỳ	Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ	Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ	Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ	Cô Hoàng Thoại Châu	: 2 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ	Cô Diệu Định	: 5 cuốn/kỳ	Lâm Tố Hoan	: 2 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ	Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ	PT. Nguyễn Thuận	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ	Hoàng Mỹ - Thiên An	: 5 cuốn/kỳ		
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ	Phật tử Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ	Tổng số báo tặng kỳ này:	357 cuốn
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ	Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 4 cuốn/kỳ		
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ	Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ	Mọi thông tin về chương trình tặng báo	
Bà Lý Thu Linh	: 10 cuốn/kỳ	Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ	đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm	
Bà Phạm Thị Vinh	: 10 cuốn/kỳ	Hoàn Ái - Huệ Minh	: 3 cuốn/kỳ	xã hội..., xin liên lạc: <i>Tòa soạn</i> , 294 Nam Kỳ	
Mỹ thuật tượng Zen Art	: 10 cuốn/kỳ	Ô. Tạ Hữu Chung	: 3 cuốn/kỳ	Khởi Nghĩa, P.8, Q.3. TP.Hồ Chí Minh;	
Cô Huệ Hương	: 10 cuốn/kỳ	Chị Tuyên, Cty Cơ khí Mê Linh	: 2 cuốn/kỳ	Phòng Phát hành VHPG: (028) 3 8484 335	
Ô. Bùi Phong Lưu	: 8 cuốn/kỳ	Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ	Email: toasoanhpg@gmail.com	
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ	Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ	Ban Biên tập	

Vua Tự Đức

trước sự bế tắc của mô hình Khổng giáo trong việc quản lý xã hội

CAO VĂN THỨC

Năm 1848, hoàng tử Nguyễn Phúc Hồng Nhậm nối ngôi vua cha Thiệu Trị, lấy hiệu là Tự Đức. Vua Tự Đức tiếp tục cai quản vương quốc Đại Nam theo mô hình quản lý Khổng giáo mà các vua đời trước đã xây dựng, để lại.

Để quản lý xã hội, triều Nguyễn áp dụng mô hình Khổng giáo, dựa trên học thuyết chính trị của Khổng Tử sáng lập từ thời thượng cổ ở Trung Quốc; được thêm thắt ở các triều đại phong kiến về sau (Hán, Đường, Tống...). Học thuyết Khổng giáo - với các yếu tố nền tảng như thuyết chính danh định phận, tam cương ngũ thường - đã giúp cho các chế độ quân chủ chuyên chế trong lịch sử Trung Quốc ổn định được trật tự xã hội nông nghiệp. Ở nước ta, mô hình quản lý Khổng giáo đã mạnh nhen ở các triều đại Lý - Trần (thế kỷ XI - XIV) và được áp dụng triệt để ở triều Hậu Lê thế kỷ XV, kết quả khá thành công.

Bước vào thế kỷ XIX, với sự phát triển của nền văn minh loài người ở thời cận đại, mô hình quản lý xã hội kiểu Khổng giáo đã bộc lộ những hạn chế ở vài thế kỷ trước, đến đây càng hiện rõ. Việc tiếp xúc với văn minh phương Tây đòi hỏi phải có một mô hình quản lý xã hội mới thích hợp, nhưng chế độ phong kiến vẫn duy trì mô hình Khổng giáo cũ kỹ làm cho tình hình kinh tế - xã hội ngày càng lâm vào khủng hoảng, bế tắc.

Khi vua Tự Đức lên ngôi, tình hình sản xuất nông nghiệp trong nước vẫn tiếp tục lạc hậu do kỹ thuật canh tác yếu kém. Từ trước, người nông dân quanh năm đánh vật với mảnh đất bạc màu từ hàng nghìn năm nay với con trâu và cái cày chày với bé nhỏ; hệ thống thủy lợi ở tầm mức thủ công không thể hữu ích cho việc tưới tiêu, thoát nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thiên tai luôn luôn đe dọa mùa màng ở khắp nước, nhưng nặng nề nhất là vùng đồng bằng Bắc Bộ. Với trình độ kỹ thuật yếu kém nên chương trình hộ đê không kết quả, dẫn đến tình trạng đê sông Hồng vỡ nhiều năm liền, "... trong vòng 80 năm dưới triều Nguyễn (1802-1883) trên phạm vi cả nước đã xảy ra 172 lần thiên tai bão lụt. Riêng vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng đã phải chịu 23 trận bão, 50 trận lũ lụt trong đó có 38 năm do nguyên nhân vỡ đê. Tính bình quân cứ 2 năm lại có một năm vỡ đê". Vỡ đê gây tai ương, cơ hàn cho đời sống hàng vạn người dân vùng châu thổ Bắc Bộ, ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế xã hội.

Tiểu thủ công nghiệp thì manh mún vì thuế nặng, triều đình lại cho trưng dụng thợ giỏi ở các làng nghề làm việc trong các công xưởng của nhà nước, vì vậy hàng hoá ở các làng nghề sản xuất ít ỏi và chất lượng thấp do thiếu đội ngũ thợ có tay nghề cao.

Thương nghiệp trì trệ vì chính sách "trọng nông ức thương" của chế độ phong kiến. Buôn bán trong nước thì nhỏ bé, ngoại thương hầu như không có gì, như lời nhận xét của học giả Trần Trọng Kim: "... việc buôn bán của ta ngày xưa kém cỏi lắm. Người thiên hạ đi buôn nước này, bán nước nọ, xuất cảng, nhập cảng, kinh doanh những công cuộc to lớn kể hàng ức hàng triệu. Người mình cả đời không đi đến đâu, chỉ quanh quẩn ở trong nước, buôn bán những hàng hoá lật vật, thành ra bao nhiêu mối lợi lớn về tay người ngoài mất"².

Giữa lúc nền kinh tế tiểu nông mang tính chất tự túc, tự cấp đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc gia ngày càng trì trệ thì dân số ngày càng tăng cơ học, dẫn đến sự tỉ lệ nghịch giữa dân số và sản phẩm kinh tế cung ứng cho xã hội. Đa số dân chúng lao động sống triền miên trong sự đói nghèo. Trong hoàn cảnh như vậy, ở nhiều nơi, đặc biệt là vùng đồng bằng Bắc Bộ, nơi có tỉ lệ dân số cao nhất nước và thường xuyên bị thiên tai đe dọa hàng năm, đã làm bùng nổ ra một số cuộc bạo loạn của những người nông dân cùng khổ, làm cho xã hội thêm khủng hoảng. Triều đình phải đánh dẹp rất vất vả, hao tổn sức người, sức của.

Trong khi kinh tế xã hội Việt Nam đang trong đà suy thoái, khủng hoảng như vậy thì đất nước đứng trước hiểm hoạ xâm lược từ các cường quốc phương Tây. Thế kỷ XVIII về sau, phương Tây sau khi thực hiện thành công cuộc cách mạng công nghiệp đã trở thành những cường quốc, bị thôi thúc bởi nguồn nguyên liệu sản xuất và thị trường tiêu thụ hàng hoá nên đã đem quân xâm lược các nước phương Đông lạc hậu để làm thuộc địa. Việt Nam cũng nằm trong tầm ngắm của người Pháp. Năm 1858, quân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, rồi năm 1859 chúng kéo vào đánh Gia Định, sau đó lần lượt chiếm các tỉnh Đông Nam Kỳ (1861), Tây Nam Kỳ (1867)...

Trước thực trạng đất nước yếu kém và nạn ngoại xâm đe dọa, triều đình đã có những nỗ lực nhằm ổn định xã hội, tìm cách chấn hưng đất nước. Nhưng những biện pháp đề ra của triều đình, đứng đầu là vua Tự Đức,



cũng chỉ loay hoay trong mô hình quản lý đất nước kiểu Khổng - Mạnh cũ kỹ, trên nền tảng đề cao đạo đức, luân lý. Do điều kiện lương bổng quá thấp, nên nạn nhũng nhiễu của quan lại đối với dân chúng trở nên phổ biến. Điều đó đã làm cho vua Tự Đức trong nhiều năm liền đã ban hành nhiều chỉ dụ cho quan lại khuyên răn điều thiện, kêu gọi quan lại các cấp thanh liêm, tận tụy với chức trách, bổn phận của mình. Đơn cử như từ giữa năm 1881 đến 1882, chỉ trong vòng hơn một năm, mà vua Tự Đức đã phải liên tiếp 3 lần ban hành chỉ dụ để khuyên răn các quan thanh liêm³.

Để giảm bớt gánh nặng kinh phí và cho bộ máy hành chính bớt chồng chéo, năng động hơn, triều đình đã thực hiện công cuộc mà ngày nay thuật ngữ ta thường hay dùng là “giảm biên chế”, sa thải bớt một số quan chức được xem là yếu kém năng lực, đơn cử năm 1869, triều đình tiến hành cuộc tổng điều chỉnh số lượng quan lại từ cấp trung ương đến địa phương và đã tinh giảm 139 viên quan ở kinh đô, 142 quan ở cấp địa phương⁴. Đồng thời triều đình cố gắng tăng thêm đôi chút lương bổng vốn thấp kém của quan lại nhằm ngăn ngừa sự nhũng lạm, sách nhiễu nhân dân...

Triều đình cũng chú trọng tuyển lựa nhân tài để bổ sung vào bộ máy hành chính, nhằm củng cố và làm cho nó vận hành hiệu quả hơn. Bên cạnh các khoa thi Hương, thi Hội mở 3 năm một lần theo định kỳ, thì vua và triều đình còn cho tổ chức những khoa thi đột xuất ở cấp quốc gia, tương đương và có phần khó hơn thi

Hội, như các khoa thi Chế khoa cát sĩ (1851), Nhã sĩ (1865)... nhằm mục đích tuyển chọn những người tài giỏi ra gánh vác việc nước, trong giai đoạn nước nhà suy vi. Nhưng hầu hết các trí thức khoa bảng lúc bấy giờ đều được đúc nặn ra từ chương trình giáo dục Tứ thư, Ngũ kinh nên tri thức của họ cũng chỉ loanh quanh trong mớ kinh điển Nho gia, được đem áp dụng vào việc trị quốc một cách khiên cưỡng, bất cập trong xu thế lịch sử mới. Đơn cử khoa thi Nhã sĩ năm 1865, trước nhu cầu cấp thiết về nhân lực quản lý, nhà vua đã ban lệnh cho các địa phương tiến cử người tài giỏi về kinh đô sát hạch. Trong 16 người được chọn từ các địa phương trong cả nước, được xem là những người tài giỏi nhất, trải qua 5 vòng thi tuyển trong liên tiếp 15 ngày tại kinh đô Huế, chỉ được 5 người trúng tuyển. Năm người trúng tuyển được vua Tự Đức ban kim khánh với 4 chữ “kinh tế hiền dương” (Tò rõ tài kinh bang tế thế). Tuy vậy, nhà vua vẫn tỏ vẻ không hài lòng vì thực sự chưa có người nào xứng đáng được gọi là bậc đại trí. Điều ấy cũng đúng thôi, vì các vị khoa bảng này đều chỉ có những kiến thức sách vở, từ chương cũ kỹ hàng nghìn năm của Nho gia mà họ được nhào nặn, rèn luyện từ bé đến lớn, thì làm sao có thể có được tri thức hiện đại để đáp ứng yêu cầu mới của đất nước trong giai đoạn lịch sử cận đại thế giới có nhiều sự thay đổi, biến động.

Bên cạnh việc thi cử, tuyển cử nhân tài, vua Tự Đức cũng rất cầu thị tìm sự tham vấn ý kiến từ các tấu sớ của các cựu thần có uy tín hoặc trong văn bài của các nho sĩ khoa bảng cao cấp (Tiến sĩ, Hoàng giáp, Thám hoa...). Một trong những văn bài tiêu biểu của hạng đại khoa là bài văn sách kỳ thi Đình khoa Ất Sửu (1865) của Đình nguyên Hoàng giáp Trần Bích San. Nội dung bài văn sách điếm qua tình hình xã hội đương thời: sự tha hoá đạo đức, những nhiễu của quan lại các cấp, đời sống khốn khổ của nhân dân lao động. Qua đó, tác giả đã đưa ra các giải pháp khắc phục hiện trạng xã hội như: đề cao đức độ của vua, sự thanh liêm của quan lại, xem đó như là nền tảng ổn định xã hội, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho người dân. Bài văn sách được viết bằng lối văn chương điêu luyện của một tay đại bút có văn tài, nhưng những biện pháp đề ra, dù tâm huyết, vẫn chỉ là những khuôn phép đạo đức cũ đã có trong kinh sử thánh hiền từ trước mà tác giả được rèn đúc trong môi trường đó.

Bên cạnh những văn bài của những bậc thư sinh hăm hở xuất chính để trở tài “kinh bang tế thế” thì có những bản tấu trình cũng đầy ưu tư, trăn trở về hiện tình đất nước của các bậc lão thành. Tiêu biểu như bài tấu của Đại học sĩ hồi hưu Trương Đăng Quế; năm 1863, ông đã gửi lên vua Tự Đức về việc sử dụng người trong bộ máy hành chính: “... Về chính sách tự cường tự trị..., thì một khoản dùng người thực là việc khẩn yếu. Xin hoàng thượng cẩn thận kén chọn tùy tài giao việc. Quan đứng đầu ở các Bộ, Viện, các viên Tổng đốc, Tuần phủ cần được người trong sạch siêng năng xứng xuất cho kẻ dưới thực

lòng vì nước, làm việc công quên việc riêng; thống quản các doanh thì chọn người nào tài nghệ hơn người khéo võ về quân lính, và đã từng trải hàng trận, cất nhắc lên mà dùng. Không nên lạm dụng những bọn nói năng khéo léo, bôn xu lạnh lẽ. Đã dùng được người giỏi, thì phàm những việc nhỏ giao hết cho họ làm, mà bắt buộc phải có thành hiệu. Hoàng thượng chỉ giữ về đại cương, coi ai hay hoặc dở, công hay lỗi, mà thường phạt để cho người biết việc đáng khuyên, đáng răn, đều hết lòng với chức vụ, thì mọi việc lo gì mà chẳng xong. Mà công hiệu trị an, tất vượt qua nhà Tống, nhà Hán vậy...”⁵. Như vậy, qua bản tấu của vị lão thần trải 3 đời vua, chúng ta cũng thấy được những kiến nghị dù tâm huyết thì vẫn là những giải pháp cũ trên nền tảng công thức đạo đức truyền thống của hàng nghìn năm trước như: chọn người tài giỏi, xa lánh bọn xu nịnh, thưởng phạt công minh...

Qua thực tiễn nhiều năm ở cương vị lãnh đạo quốc gia, dù cố gắng thực hiện các biện pháp truyền thống để phục hưng đất nước nhưng vẫn không hiệu quả, vua Tự Đức dần nhận thức được mô hình quản lý xã hội kiểu Khổng giáo truyền thống đã trở nên bất cập, vì vậy nhà vua có ý định muốn chấp nhận, áp dụng mô hình quản lý mới kiểu phương Tây để chấn hưng đất nước. Nhà vua có ý định dùng mô hình mới thay thế mô hình Khổng giáo để quản lý xã hội vì sức ép ngày càng tăng từ cuộc xâm lược của thực dân Pháp trên lãnh thổ Việt Nam, sức mạnh vật chất kỹ thuật của phương Tây thể hiện tại các nước châu Á... Đồng thời, lúc này Trung Quốc đang diễn ra phong trào Dương vụ⁶, học tập phương Tây nhằm mục đích canh tân đất nước, đã ảnh hưởng đến vua Tự Đức; ngoài ra nhà vua cũng thường xuyên đọc *Hương Cảng nhật báo* bằng chữ Hán nên khá am tường tình hình thế giới. Và trong bối cảnh đó, nhà vua đã chấp nhận những kiến nghị canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ và đã đem vấn đề này ra bàn bạc cùng với một số đại thần quan trọng trong triều đình. Nhưng ý định thay đổi mô hình quản lý xã hội thông qua việc canh tân đất nước đã không thực hiện được vì gặp quá nhiều khó khăn, lực cản cả về mặt chủ quan lẫn khách quan.

Thứ nhất, để thực hiện công cuộc canh tân đất nước thì điều kiện tiên quyết là phải có nguồn tài lực dồi dào. Nhưng nhìn vào thực trạng kinh tế Việt Nam ở nửa cuối thế kỷ XIX, thì có thể nhận thấy tình hình vô cùng bi đát. Nông nghiệp đóng vai trò chủ lực nhưng vừa lúa quan trọng nhất của đất nước là Nam Kỳ đã bị rơi vào tay quân Pháp, thủ công nghiệp và thương nghiệp trì trệ, ngân sách quốc gia cạn kiệt: “Chi phí chiến tranh từ năm 1858 đến 1867 và những khoản “bồi thường chiến phí” cho giặc đã làm cạn ngân sách nhà nước phong kiến”.⁷ Nguồn tài lực quốc gia suy kiệt, bế tắc.

Thứ hai, trong triều đình Tự Đức không có đội ngũ đông đảo chuyên gia giỏi, có tri thức hiện đại giúp rập như Thiên hoàng Minh Trị của Nhật Bản. Chỉ duy nhất Nguyễn Trường Tộ là có được cơ hội qua phương Tây

học tập kiến thức khoa học, và một số ít quan chức có dịp đi công cán nước ngoài về nên tinh thần cởi mở, cấp tiến như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Bùi Viện, Lê Đĩnh, Nguyễn Hiệp...; còn lại đại đa số quan chức chỉ biết có học thuyết Khổng, Mạnh với những kinh nghiệm trị quốc cổ xưa nghìn năm bên nước Tàu.

Nhóm quan chức cấp tiến chiếm một tỉ lệ nhỏ bé trong triều đình nên tiếng nói canh tân của họ trở nên yếu ớt trước một đám đông bảo thủ, cố chấp. Trong đám đông quan chức bảo thủ đó có những vị là đại thần, đóng vai trò quan trọng trong triều đình; họ tìm cách phá hỏng những kiến nghị canh tân bằng cách đưa ra bàn bạc, xem xét những mặt tích cực và những mặt chưa thể thực hiện được rồi kết luận là chưa có khả năng thực hiện, và để những bản kiến nghị tâm huyết ấy dần dà rơi vào quên lãng. Vua Tự Đức tính cách vốn đã thiếu quyết đoán, lại thêm bị vây bủa giữa đám đông quan chức bảo thủ nên cũng đành xuôi tay bất lực.

Thứ ba, là cơ chế chính trị quân chủ phong kiến chuyên chế có chiều dài lịch sử hàng nghìn năm, đến giai đoạn cận đại đã ở vào tình trạng trì trệ, lỗi thời không thể đóng vai trò một cỗ máy cái để làm nền tảng cho công cuộc duy tân.

Tóm lại, mô hình quản lý xã hội Khổng giáo tồn tại hàng nghìn năm ở Trung Quốc được du nhập vào nước ta, đến thế kỷ XIX đã trở nên bất cập, lỗi thời. Chế độ quân chủ phong kiến nhà Nguyễn, đặc biệt là vua Tự Đức, tuy cố gắng nhưng đã không có đủ điều kiện cả khách quan lẫn chủ quan để chuyển đổi kịp thời phương thức quản lý xã hội mới. ■

Chú thích:

1. Đỗ Đức Hùng, “Phạm Thân Duật trong vai trò Khâm sai Hà đề sứ ở Bắc Kỳ (1876-1878)”, trong *Phạm Thân Duật - Sự nghiệp văn hoá, sứ mệnh Cần Vương*, Nxb Văn Hoá Thông Tin, 1995, tr.87.
2. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb Văn Học, Hà Nội, 2015, tr.533.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, tập 34, tr.342-345 và 373-374; tập 35, tr.55-57.
4. Cao Tự Thanh - Đoàn Lê Giang, *Nguyễn Thông tác phẩm*, Sở Văn hoá - Thông tin Long An, 1984, tr.309.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 30, Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1974, tr.27.
6. Dương vụ hay còn gọi là Tây Dương vụ, đây là một phong trào vận động duy tân đất nước theo văn minh phương Tây diễn ra ở Trung Quốc từ đầu thập niên 60 của thế kỷ XIX, do các quan đại thần và quý tộc cấp tiến của triều đình nhà Thanh thực hiện, được vua Hàm Phong ủng hộ. Phong trào bị thế lực bảo thủ trong triều đình ngăn cản, phá hoại nên chấm dứt vào đầu thập niên 90 thế kỷ XIX.
7. Hoàng Văn Lân, Ngô Thị Chính, *Lịch sử Việt Nam (1858 - cuối thế kỷ XIX)*, quyển 3, tập 1, phần 1, Nxb Giáo Dục, 1976, tr.107.

Nguyệt Xứng Nhập Trung Quán Luận

VŨ THẾ NGỌC

LTS: Văn Hoá Phật Giáo vừa nhận được tập giảng luận Nguyệt Xứng Nhập Trung Quán Luận vừa xuất bản do tác giả Vũ Thế Ngọc gửi tặng. Chúng tôi xin đăng Lời Nói Đầu được in ở đầu sách để giới thiệu cùng quý độc giả.

Trong những thập niên vừa qua học giả thế giới thường tập trung nghiên cứu giáo pháp của Long Thọ. Họ trở về kinh luận Long Thọ không chỉ vì sùng mộ vị đạo sư mà họ tôn xưng là vị triết gia vĩ đại của Phật giáo, mà còn là một nỗ lực tìm câu trả lời trước quá nhiều phong trào học Phật trên thế giới đã làm người ta hoang mang. Vì vậy, học giới nghiên cứu giáo thuyết Long Thọ không phải vì truyền thuyết ngài đã mang kinh điển Đại thừa từ Long cung trở về như La-thập hay Huyền Trang viết mà chỉ vì mục đích tìm hiểu chân thật nghĩa Phật pháp, giáo pháp lập cước cho các tông môn phát triển.

Nguyệt Xứng (Chandrakīrti/ Candrakīrti 600-650) là bậc long tượng của truyền thống Trung Quán cuối cùng ở Ấn Độ, được coi là người diễn giảng tư tưởng Long Thọ sâu sắc và thành công nhất. Danh tiếng Nguyệt Xứng càng vang dội từ thế kỷ XI khi luận của ngài được dịch ra Tạng ngữ và trở nên cơ sở cương lĩnh của toàn thể các tông môn Phật giáo nước này. Tuy nhiên trong gần hai ngàn năm học Phật ở Á Đông, nơi ngài Long Thọ được tôn xưng là tổ sư của cả Bát Đại Tông Môn khai đường cho Phật giáo phát triển thì người ta vẫn chưa được học các chính luận của Nguyệt Xứng giảng về Long Thọ và Trung Quán. Cả một đại lục Trung Hoa, một quốc gia văn minh tiến về lịch sử văn hoá phong phú và sâu sắc của họ, cho đến thời cận đại, đa số học giả đạo sư thật ra cũng chỉ lặp lại lời xưng tụng của các nhà truyền giáo và luận gia Ấn Độ về con người huyền thoại Nguyệt Xứng hơn là đã được học các luận của ngài. Cho đến đầu thế kỷ hai mươi, khi Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh 大正新修大藏經, do Nhật Bản ấn hành được phổ cập toàn thế giới thì trong kho tàng kinh luận Hán tạng khổng lồ này hầu như chưa có luận nào của Nguyệt Xứng được dịch giảng ra Hoa ngữ.

Thế giới Tây phương thì biết đến Nguyệt Xứng còn chậm hơn nữa. Tuy nhiên, từ khi bài giới thiệu “Nhập Trung Quán Luận” (*Madhyamakavatāra*) của Louis de la Vallée Poussin trong *Bibliotheca Buddhica* của Hàn Lâm Viện Khoa Học Nga in năm 1912 thì cho đến nay học giới Tây phương đã tiến những bước rất dài về nghiên cứu Long Thọ cũng như Nguyệt Xứng. Vì vậy sau bốn luận căn bản của Long Thọ đã xuất bản, hôm nay Tùng Thư Long Thọ và Tính Không mới giới thiệu đến độc giả hai luận căn yếu của Nguyệt Xứng là “Nhập Trung Quán Luận” (*Madhyamakavatāra*) và “Trung Quán - Minh Cú Luận” (*Madhyamakavṛtti Prasannapadā*). Đây là lần đầu tiên toàn văn hai luận này được dịch giảng ra Việt ngữ.

Luận thứ nhất của Nguyệt Xứng, *Nhập Trung Quán Luận*, được giới thiệu trước ở đây. Luận sở dĩ có tên là “Nhập Môn Trung Quán” vì nội dung là giới thiệu về căn bản tư tưởng Nguyệt Xứng về Trung Quán. Là tác phẩm căn bản nên so với *Minh Cú Luận* thì *Nhập Trung Quán Luận* cũng ngắn gọn hơn. *Minh Cú Luận* từ khi được Poussin giới thiệu hơn một thế kỷ trôi qua chúng ta dường như vẫn chưa có bản dịch chú toàn vẹn luận này trong tất cả các ngôn ngữ. Ngoài bản dịch Tạng ngữ, bản Việt ngữ *Minh Cú Luận* của Tùng Thư có lẽ cũng là bản luận và dịch trọn vẹn đầu tiên trên thế giới. Vì vậy Tùng Thư Long Thọ và Tính Không giới thiệu *Nhập Trung Quán Luận* trước như phần giới thiệu về *Minh Cú Luận*, một bộ luận dài gần hai ngàn trang sách Việt ngữ. Trong *Nhập Trung Quán Luận*, Nguyệt Xứng đã khéo léo giới thiệu giáo lý căn bản Trung Quán qua khuôn khổ giáo lý phổ thông là mười phạm trù tu chứng Bồ-tát đạo gọi là Thập địa (*daśabhūmi*) mà nhiều người học Phật Á Đông từng quen tên. Tuy nhiên, khác với lối tán tụng như trong truyền thống Phật giáo Trung Hoa, trong luận này Nguyệt Xứng chỉ dùng tiêu đề “Thập địa Bồ-tát” quen thuộc để giảng về đường hướng tu học theo giáo lý căn bản của Trung

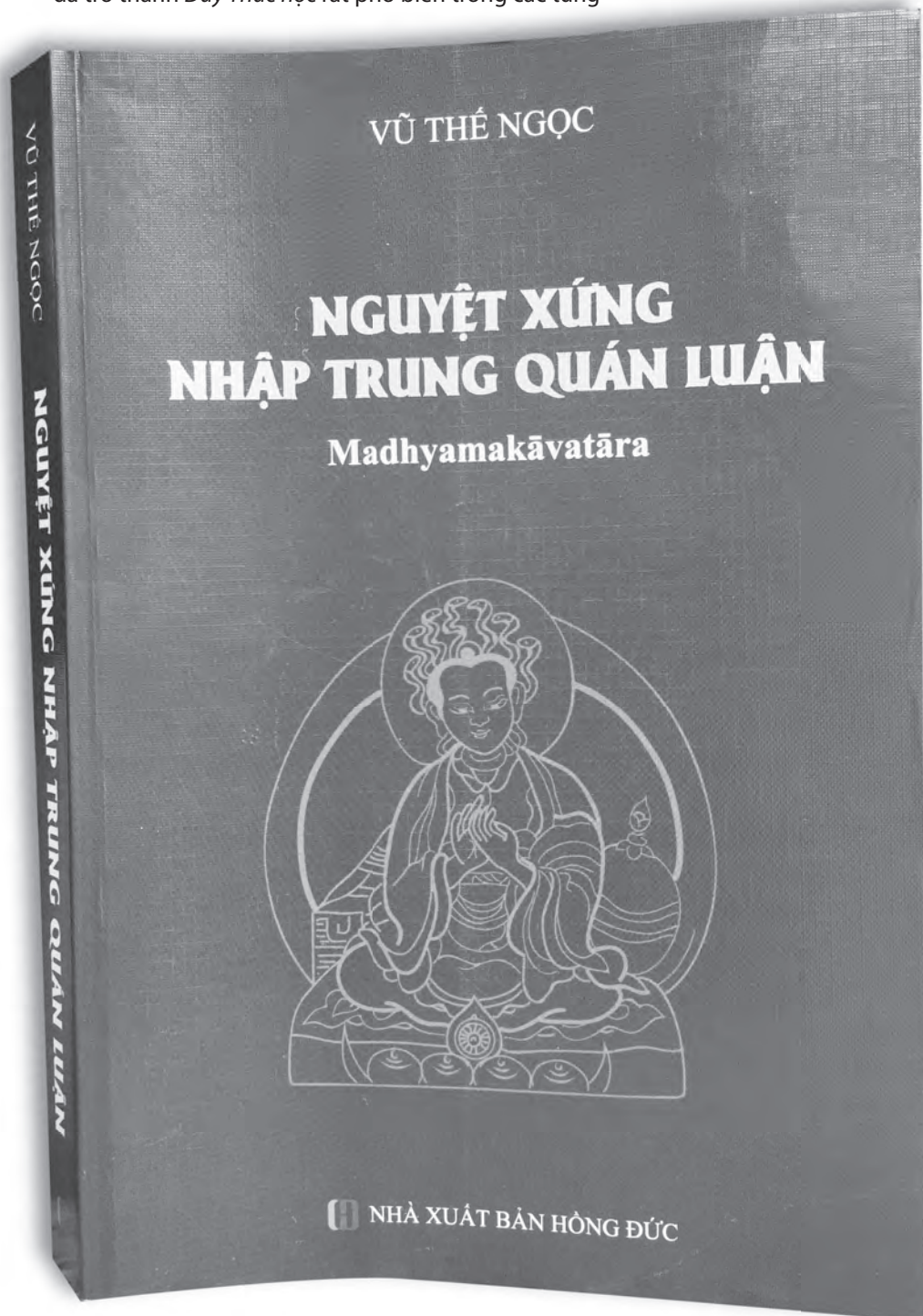
Quán bằng một ngôn ngữ dễ hiểu dễ nhớ. Vì vậy luận này vẫn được các giới tăng tục ở Tây Tạng tụng đọc hàng ngày như tụng *Tâm kinh Bát-nhã*. Cũng trong luận này Nguyệt Xứng cũng phê bình các học thuyết tư tưởng đương thời -đặc biệt là giáo lý Duy Thức tông (*Yogācāra*) mà ngài cho rằng học thuyết Duy Thức rất tinh vi nhưng vẫn chỉ là giáo lý “quyển thừa” chưa phải là chân trí giải thoát của Phật pháp. Đây cũng có thể là lần đầu tiên chúng ta hiểu thêm một lý do tại sao dù đã trở thành *Duy Thức học* rất phổ biến trong các tông

làm nhưng *Duy Thức tông* hay *Pháp Tướng tông* lại biến mất sau hơn một thế kỷ phát triển ở Trung Hoa như một tông môn.

Người nghiên cứu Phật học đều biết kinh *Lăng-già* từng tiên đoán sáu trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt sẽ có Bồ-tát Long Thọ ra đời trùng tuyên lại giáo pháp của Ngài và truyền ký của Cưu-ma-la-thập và Huyền Trang đều kể huyền thoại ngài Long Thọ xuống tận Long cung mang kinh điển Đại thừa về, nhưng riêng

Nguyệt Xứng cho rằng các thoại này chỉ có nghĩa là ngài Long Thọ đưa kinh *Bát-nhã* từ cõi thâm sâu bất động (*tamas*) ra chân trí ánh sáng (*pradīpa*). Vì vậy, chúng ta nên biết rằng cuộc đời của Nguyệt Xứng dù về sau được các luận sư Ấn Độ và Tây Tạng miêu tả như một nhà huyền bí với nhiều phép thuật siêu nhiên chỉ là lối tôn sùng bằng cách huyền thoại hoá nhân vật lịch sử. Trái với các huyền thoại huyền bí đó, các luận của Nguyệt Xứng cũng như các luận trước đó của Long Thọ, các ngài chưa hề luận giải hay che giấu điều gì bí mật. Truyền thống các luận Trung Quán luôn luôn khước từ những luận giải siêu hình mà chúng ta thường thấy trong luận của các đại sư đời sau.

Hai luận của Nguyệt Xứng được giới thiệu ở đây đều là các luận giảng trên cơ sở trí tuệ (*prajñā*) với phương pháp lý luận biện chứng cao độ, nên dễ được các giới học giả đạo sư tiếp nhận. Đó là một lý do tại sao học giới xưa nay đều tôn xưng Nguyệt Xứng là người





giảng luận của Long Thọ một cách sâu sắc và thành công nhất. Không những Nguyệt Xứng chỉ giảng tư tưởng Long Thọ trên bình diện ngôn ngữ triết lý, mà ngài còn luôn luôn nhấn mạnh về phương diện hành trì giáo pháp theo truyền thống Trung Quán. Như tất cả các pháp môn Phật pháp chân chính, giáo pháp Tính Không Trung Quán cũng không thể đi ra ngoài hai giới đức căn bản của Phật học là trí tuệ và thực chứng hành trì. Cho nên Nguyệt Xứng luôn luôn kết luận bằng khẳng định “giáo lý Tính Không là con đường duy nhất thể hiện chân lý Phật pháp”. Nhận định của Nguyệt Xứng còn là một mặc định chung của liệt đại chư tổ đức của tông môn bằng sự chứng ngộ tự thân từ giáo lý Tính Không.

Ngày nay bên cạnh những phát triển hình tướng nhưng cũng là thời đại mà kinh *Lăng Nghiêm* gọi là “các tà sư nhiều như cát sông Hằng” và kinh *Viên Giác* nhận định “thánh hiền thì ẩn dật, tà pháp lại thịnh hành”. Quả thật chúng ta đang sống trong thời đại phát triển của khoa học truyền thông, nên càng thấy có thêm nhiều nhân vật có đặc tài kỳ xảo hoa mỹ quần chúng. Nhưng chúng ta cũng đừng chỉ ta thán “thời mạt pháp” vì trước đó, ngay giữa thời hoàng kim của Thiền tông, nước Trung Hoa vẫn còn nhiều tôn túc thực tu thực chứng, mà Thiền sư Trung Phong (1263-1323) trong *Trung Phong Pháp Ngữ* cũng đã than về quá nhiều “thần làng nhàng, quý lang bang” trong hàng ngũ các tu sĩ đương thời. Ngày nay mặc dù chúng ta không còn các

bạc long tượng để nương tựa, nhưng cũng còn một may mắn là chúng ta vẫn còn đây, đầy đủ Tam Tạng Kinh Luận bằng nhiều ngôn ngữ rất dễ tiếp cận qua các phương tiện truyền thông hiện đại. Trong số này chúng ta còn tìm lại được các luận chính thống và chân thật của Long Thọ, vị tổ sư của tất cả các trường phái phát triển Phật học, gọi chung là Phật giáo Đại thừa. Vì vậy trước quá nhiều các phong trào học Phật như hiện nay có thể làm người ta hoang mang, việc quan trọng và cần thiết là chúng ta phải ý cứ vào kinh luận của Long Thọ, người đã thực sự “phá tà hiển chính” trong thời đại của ngài để mở đường cho các tông môn sau đó phát triển. Cho nên sau bốn luận căn bản của Long Thọ đã được giới thiệu, chúng ta cần đọc thêm các luận giảng quan trọng từ các đại sư danh tiếng nhất của tông môn như Thánh Thiên (*Āryadeva*) hay Nguyệt Xứng trước khi *Tùng Thư Long Thọ* và *Tính Không* giới thiệu các nghiên cứu của các học giả đương đại.

Dù chẳng nên tham dự vào “thị trường tôn giáo” bằng các giảng thoại tự ứng tự chế và cũng tránh tình trạng tranh luận vô ích chỉ gây thêm phiền phức. Điều cơ bản và quý báu hơn cho người học Phật chân chính là hãy cố gắng tự học, tự hành trì pháp môn của Đức Phật giao truyền mà ngài Long Thọ trùng tuyên. Một pháp môn chân chính đã đưa đến những kinh nghiệm thực chứng của chư liệt đại tôn túc trong hai ngàn năm qua. Con đường này cực kỳ gian nan khó khăn, nhưng không thể khác hơn vì như lời dạy sau cùng của Đức Phật “Hãy tự thấp xuống mà đi”. Người xưa phải gian khổ cả đời tầm đạo, nhiều năm tháng chỉ để tìm một biến kinh thất lạc, thì người nay há rằng chẳng có can đảm chiến thắng được thói quen ỷ lại của chính mình để quyết tâm nhập vào được những trang kinh luận thâm thâm không dễ hiểu này?

Các sách luận xuất bản của *Tùng Thư Long Thọ* và *Tính Không* có thể mới lạ với một số trí thức Việt Nam, nhưng thật ra chúng ta cũng đã đi sau so với sự nghiệp nghiên cứu Phật pháp của các cường quốc văn hiến với số lượng và phẩm chất cao của nhiều tác phẩm hàn lâm đã được xuất bản trong những năm vừa qua. Cho nên mặc dù đôi khi có chỗ bất đồng cần phải lên tiếng về một vài điểm trong một số tác phẩm này, chúng ta cần trân trọng và tri ân các học giả luận sư của tất cả các truyền thống đã giúp cho chúng ta những kiến thức cơ bản về Phật pháp nói chung, và về tư tưởng Long Thọ nói riêng. Trong thực tế bản thân, tôi luôn luôn nhận được nhiều ơn ích từ các nghiên cứu này. Và như đã thành thật thưa, làm việc một mình ở một nơi cô lập, các luận giảng còn nhiều thiếu sót của tôi chỉ là một cách cảm ân tốt nhất xin được tiếp tay các thiện tri thức tiền bối để tiếp tục phổ biến phần giáo pháp cao quý tinh ròng này và tâm nguyện làm những mảnh gỗ tạp, tạm đốt trong đêm lạnh tối làm duyên cho các nghiên cứu chỉnh chu hơn của các thế hệ sau. ■

Tranh Van Gogh mua để đốt

HỒ ANH THÁI

Lời tòa soạn: Về một tuyến nhân vật trong tiểu thuyết Tranh Van Gogh mua để đốt (Nxb Trẻ 2018), nhà nghiên cứu Phan Trọng Hoàng Linh có nhận xét: “Từ Dấu về gió xóa đến Tranh Van Gogh mua để đốt, hình ảnh kẻ sĩ đều hiện lên trong phạm trù cái bi. Được gửi đi du học trời Tây, những con người tài năng ấy mang theo biết bao hoài bão về một ngày được trở lại phụng sự quê hương, để rồi vỡ mộng và rơi vào bi kịch lạc loài. Những viên ngọc thanh khiết miễn nhiễm bụi trần, nhưng mãi mãi bị bụi trần che phủ, không được lộ dạng dưới ánh mặt trời. Có khác ở chỗ, người cha trong Dấu về gió xóa, dấu đã chọn cuộc đời ẩn dật, nhưng trong thâm tâm vẫn khôn nguôi giấc mơ được gặp mình chủ; còn người cha trong Tranh Van Gogh mua để đốt thì đã tự thổi tắt toàn bộ giấc mơ lớn nhất, cũng là sinh mệnh đời mình. Hồ Anh Thái có sức hút rất lớn trong cái khiếu dí dỏm, nhưng những trang viết đẹp nhất của ông lại dành cả cho việc miêu tả nỗi buồn”.

VHPG xin giới thiệu ba chương trong cuốn tiểu thuyết này.

Chàng kỹ sư sửa đầu máy hơi nước

Sếp nhận được bản kê khai tài sản. Trong đầu vụt hiện lại hình ảnh cái xe cuốc của cha. Rất tự nhiên thôi. Cái xe là tài sản hiếm hoi người cha mang từ Đông Âu về. Ngày ấy chàng kỹ sư tốt nghiệp từ Đông Âu về nước phải kê khai tài sản ở sân bay ven vịnh chỉ có thể này:

Một xe đạp đua Sputnik đã dùng.

Một bộ đĩa hát Robertino người Ý và các ca sĩ Đông Âu.
Năm bộ quần áo.

Hai thùng sách chuyên môn: động cơ diesel của đầu máy xe lửa.

Toàn bộ tài sản đấy. Không có máy ảnh, mặc dù khi là chàng sinh viên bên ấy cũng từng lang thang chụp ảnh, cũng hằng hải tham gia văn nghệ văn gừng của trường của khối. Tự nghĩ, sách chuyên môn là tất cả. Việc của mình sang đây sáu năm là để học, về nước thì mang sách về, có công cụ làm việc, làm việc là đóng góp xây dựng đất nước, nước mạnh dân giàu thì ai cũng có phần trong ấy. Đúng là cái nghĩ của sinh viên đang ngập trong bơ sữa, trong khi đất nước thì rau muống không đủ mà ăn. Nói không ngoa, sau này mẹ kể rằng những năm ấy ở trong nước, mẹ đi sơ tán, đi qua ruộng rau muống con con của nhà người ta, mẹ hỏi mua mà người ta không bán. Rau trồng chỉ đủ để nhà tôi ăn thôi, không bán đâu.

Chàng sinh viên của chúng ta của nả mang về đáng giá nhất là cái xe cuốc. Cuốc là tiếng Pháp bồi, chỉ một cuộc chạy, một cuộc đua xe. Xe cuốc là cái xe đạp đua. Cái xe cao hơn xe đạp thường, chỗ tay cầm lại cong ngược xuống, phải gò lưng xuống mà đạp. Mười ba tuổi sếp mới lần đầu trèo được lên cái xe của cha. Mỗi khi nhấn pê-đan xuống thì cái chân ngắn không với theo được, phải đạp thật mạnh cho pê-đan trôi đi, rồi đón lại nó ở phía trên.

Đạp mạnh. Pê-đan trôi xuống. Đón.

Lại đạp mạnh. Lại trôi. Lại đón. Cứ thế.

Vậy mà cũng có lần ngã một phát trời giáng. Ôm cái mặt giập về nhà. Người cha bảo, xe này con chưa đi được đâu, bao giờ cao lớn, chân dài bám chắc pê-đan thì mới được đi. Bao giờ. Khi cái chân mạnh mẽ đặt được trên bàn đạp thì năm ấy mười tám tuổi, anh chàng quyết chí ra đi cứu nước cứu nhà. Lại sang Đông Âu của cha ngày trước. Nuôi chí quyết tâm hẳn hoi, như một sự phục hận, cái hận người cha ngày trước về nước tay trắng.

Kể ra người như vậy cũng là người đời. Một trăm sinh viên du học Đông Âu chỉ có một. Kẻ vô tâm vô tính lơ ngơ nhất thì khi về nước cũng phải có vài cái xe đạp, vài cái tủ lạnh, dăm cái phích đá, chục cái bàn là, dăm đôi giày, vài chục bộ quần áo. Tất cả những thứ ấy sẽ

chuyển thành lương thực thực phẩm nuôi cha mẹ anh chị em. Đẳng này anh kỹ sư mới tốt nghiệp còn không bằng kẻ vô tâm nhất. Không biết tính toán, không biết buôn bán như bạn bè, cũng có khi là lừa dối cái đầu không chịu nghĩ, cũng có khi là thờ ơ hời hợt vô tâm vô tình. Về nước vài năm, cưới vợ, gọi là cưới cho oai chứ đám cưới thời bao cấp chỉ có chè nước bánh kẹo, đồ mừng cưới là nổi nhôm chậu nhôm mâm nhôm, có khi một gói bánh quy cũng là quà mừng có giá. Tài sản mang về góp chung với vợ vẫn chỉ là cái xe đua cũ, bộ đĩa hát muốn nghe thì phải mang sang hàng xóm nghe nhờ máy quay đĩa. Nhà hàng xóm có cái đài Rigonda, hộp đài như cái rương nhỏ. Robertino hát tiếng Ý, giọng trẻ con trong vắt, đúng kiểu giọng thiên thần, nếu như có thiên thần và nếu thiên thần biết hát. Đây là nguồn bình phẩm với nhau. Rồi bình phẩm chuyển

sang chuyện ông kỹ sư về nước chẳng mang theo gì. Người vợ lặp lại câu nói đã phải trả lời bao nhiêu người: Anh ấy sang đây chỉ tập trung học hành, chẳng mang được gì về cho gia đình. Câu nói như một niềm hãnh diện. Rằng anh ấy trong sạch chí thú học hành. Nào ngờ chủ cái máy hát Rigonda kêu lên: Thế là ông ấy ăn chơi hết à, không nghĩ gì đến gia đình à.

Trí tuệ bình dân chỉ có cách lý giải theo kiểu ấy. Không khuôn tiền khuôn đổ về thì chỉ có thể là ăn chơi. Đừng có thanh minh với chúng tôi rằng học bổng sinh viên chỉ vừa đủ ăn đủ mặc. Đừng có thanh minh rằng muốn có tiền có đồ kìn kìn khuôn về thì phải buôn bán mảnh mung khuôn vác này nọ. Đừng có thanh minh rằng muốn buôn bán được thì phải nay giả vờ sốt nghỉ học mai giả vờ ho nghỉ học, sốt thì đi buôn bán chỗ này, ho thì đi chạy mảnh chỗ khác, đầu óc phải ráo riết tính toán

những con số, còn nhiều hơn con số trên bảng trong giờ học. Chín mươi chín sinh viên đều thế cả, tại sao chỉ một mình ông là không. Người Việt bẩm sinh có tính nông dân và tiểu thương, trong cái khó ló cái tiểu thương, ngựa quen đường cũ. Đừng có thanh minh.

Người nhà thanh minh hộ chứ chàng kỹ sư chẳng thanh minh. Anh đã chọn cách sống như thế, cứ hồn nhiên thế mà sống. Cũng chẳng có tâm sức đâu mà trình bày qua lại. Ôm mộng về nước chế tạo đầu máy xe lửa kiểu mới, thay thế bằng hết những cái đầu máy hơi nước phì phò từ thời mỗ ma thực dân Pháp. Cái con quái vật bằng sắt thuở ban đầu giặc Pháp mang đến phả khói phả phật chạy tung tóe khắp cái xương sống đất nước đã làm nhức mắt bao nhiêu nhà nho phản đối máy móc bao nhiêu nhà cách mạng phản đối thực dân. Công cụ của kẻ xâm lược tiếp tay cho chúng để đàn áp xứ thuộc địa và mang đến một thứ văn minh suy đồi. Phá đường ray cho đoàn tàu lao xuống vực. Lột sắt đường tàu rèn thêm dao kiếm, đây là thơ cách mạng. Thế rồi cách mạng thành công, kháng chiến thành công, cái xe lửa trở thành phương tiện giao thông tiện dụng. Chủ lực trong chiến tranh chống ngoại xâm và xây dựng đất nước. Nhưng vài chục năm vẫn chỉ là đầu máy hơi nước xinh xịch cổ lỗ. Phì phà



phì phò. Giờ là lúc nghĩ đến chuyện chế tạo những đầu máy hiện đại hơn. Chạy bằng diesel chẳng hạn. Chạy bằng điện chẳng hạn.

Mới chỉ ở mức khiêm tốn thôi, chạy bằng diesel đã là một cuộc cách mạng. Nhưng lên đời làm sao được khi mà sau chiến tranh lại đang bị kẻ thù cũ bao vây cấm vận, bạn bè giúp đỡ kháng chiến thì nay đều đã mệt mỏi. Vẫn là cái đường ray hẹp. Vẫn là cái đầu máy hơi nước cũ kỹ. Không có chỗ cho anh chàng chế tạo đầu máy xe lửa kiểu mới. Thế là tổ chức tổng anh vào một đoàn đầu máy tình lẻ, kỹ sư lặn lội vào làm công nhân. Kỹ sư đầu máy hiện đại giờ làm anh thợ sửa chữa đầu máy hơi nước. Vả vúi tháo lắp tận dụng phụ tùng chi tiết máy. Đổ dầu bôi mỡ kiểm tra lò than bãi than. Việc đến tay thì làm, chẳng than thân ai oán, cũng chẳng so bì lưu luyến cái thời sinh viên sung sướng ở xứ Đông Âu. Xa quá rồi.

Dăm năm lặn lội dầu mỡ tro than ở một đoàn đầu máy. Xa nhà xa vợ con. Mỗi lần về là một cái mốc trong đời đứa con, ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi, hai năm tự biết xúc lấy cơm mà ăn, rồi thô thể như trẻ lên ba. Mỗi lần về nhìn con là một lần ngạc nhiên, phép lạ nào mà mình làm ra được một sinh vật như thế này. Một sinh vật một sinh mạng một đời sống một kiệt tác một kỳ quan. Phép lạ nào.

Sau đoàn đầu máy, tổ chức tự dung thấy nên chuyển anh về một trường cao đẳng dạy nghề. Ban ngành là một cơ thể thì tổ chức là cơ quan thất thường nhất trên cơ thể ấy. Không thể biết được khi nào nó viêm họng thấy thảng hay táo bón sưng khớp. Tổ chức viêm họng thì đưa anh về đoàn đầu máy, khi táo bón thì chuyển anh sang thành giáo viên trường dạy nghề. Sau này nó sưng khớp thì gọi anh đi làm chuyên gia bên châu Phi nhưng lúc ấy anh chẳng thiết gì nữa. Chuyện này sẽ kể sau.

Chốn sương mù

Người đọc có lẽ bắt đầu sốt ruột. Người ta đang chờ câu chuyện về sếp mà tác giả lại cứ kể chuyện cha của sếp. Thực ra thì núi có ngọn sông có nguồn. Sếp đang ngồi diễn vào bản kê khai tài sản hôm nay thì cũng nên rộng lượng để cho sếp được rà soát lại nguồn cơn gia cảnh từ hôm qua. Trước cả hôm qua nữa, đi ngược trở lại quá khứ xa xôi. Khi ấy anh kỹ sư đầu máy xe lửa đến nhận công tác ở trường dạy nghề.

Trường ở trên cao nguyên, cách Hà Nội chỉ vài trăm cây số, nhưng vừa qua chiến tranh, đường hẹp bên vách núi, toàn ổ gà ổ trâu ổ voi, vài trăm cây số ô tô khách đi mất một ngày. Giao thông như vậy, cho nên trường như ở một nơi cách ly biệt giam cầm cố. Giáo viên trường cao đẳng hơi giống giáo viên tiểu học cấm bản. Cái thị trấn cao nguyên cũng lạ. Một chiếc cầu sắt từ thời Pháp xây trên một con suối cắt đôi thị trấn, đồng thời cắt đôi vùng khí hậu. Bên này cầu trời quang mây tạnh nắng vàng rực

rỡ. Bên kia cầu sương mù phơ phất ẩm ướt lạnh lùng. Bên nắng dân địa phương thích đón sang cư ngụ, khô ráo phơi phóng thích hợp nuôi trồng. Bên lạnh khách phương xa thích tìm đến du lịch thăm thú nghỉ mát. Bên này bên ấy chỉ cách nhau một chiếc cầu vài trăm mét.

Trường ở bên có sương mù. Trong trường thường xuyên diễn ra những cuộc đấu đá ghi biên bản. Hễ có thời gian rỗi, chàng kỹ sư nay là giảng viên lại tìm sang thư viện bên chốn trời quang. Bên sương mù và bên trời quang. Viết thế này có người đọc sẽ nhắc nhở khéo lại sa vào cái bẫy ẩn dụ. Tác giả xin lấy chủ nghĩa hiện thực ra mà cam kết rằng đây là chuyện có thật và xin phép không sửa sang thay đổi một chi tiết hiện thực. Vậy, xin nói tiếp chuyện chàng giảng viên từ bên sương mù sang bên trời quang. Thư viện thị trấn có cô thủ thư bỗng dung tươi tắn hẳn khi biết anh cũng thích nghe Robertino. Có hôm cô đóng cửa về sớm một tiếng đồng hồ, hai người tìm đến nhà bạn cô nghe nhờ mấy đĩa hát của anh bằng cái máy quay đĩa của người bạn. Người đàn bà hát Alla Pugacheva của Nga, Sofia Rotaru của Moldova và Ukraine, Mihaela Mihael của Romania, Stefan Danailov của Bulgaria vừa là ca sĩ vừa là chàng đẹp trai Dejanov trong phim *Trên từng cây số*. Những chiếc đĩa hát đưa họ rời xa chốn lạt phai cái cao nguyên xa khuất mà nhập vào một đời sống khác. Cô thư viện thích những đĩa hát của anh. Anh được cô giữ riêng cho những cuốn sách mới. Anh được đọc trước, rồi nó mới được phân phát đến tay những người đọc khác.

Anh chỉ có mỗi thư viện là nơi để đến. Giờ làm việc anh ở bên chốn sương mù. Lên lớp giảng bài, có khi vừa viết mấy dòng lên bảng, vừa treo hình vẽ chi tiết máy lên tường thì sương mù bay vào, sinh viên ngồi yên tại chỗ năm mười phút, chờ sương tan. Có khi vừa bắt đầu cuộc họp kiểm điểm một giáo viên thì sương mù bay vào. Hiệu trưởng cao giọng, các đồng chí đóng cửa sổ lại, rồi ai ở đầu ngồi yên đấy. Thì đóng cửa, đứng ra phải đóng trước khi sương mù tràn vào đậm đặc, đằng này mất bò mới lo làm chuồng. Cửa kính có ô bị vỡ, đã dán vào đấy một tấm bìa các-tông, một miếng giấy dầu, một mảnh cốt ép. Hiệu trưởng nghiệm hợp, nghiệm tổ chức kiểm điểm, nghiệm lập biên bản. Phòng họp thành ra chỗ được sử dụng hết công suất. Cửa kính bị vỡ lập tức được gia cố kịp thời để tránh sương mù.

Đã nói, hiệu trưởng nghiệm hợp và phê lập biên bản. Vụ việc nào ông cũng bắt họp và ghi biên bản. Vụ nhỏ vụ to gì cũng biên bản. Thấy giáo lấy mấy con ốc mấy cái bù-loong trong xưởng cơ khí, lập biên bản. Họp kiểm điểm thầy giáo, ghi biên bản. Cô A và thầy B ngồi nói chuyện trong phòng của cô A mà lại đóng cửa, bảo vệ đến gọi cửa một lúc mới mở, không bắt được trai trên gáy dưới nhưng mà cũng lập biên bản. Họp kiểm điểm hai thầy cô cũng ghi biên bản. Ông hiệu phó đi công tác, về Hà Nội làm việc với bộ, khai tăng số ngày để lấy thêm công tác phí, ông hiệu trưởng dùng dùng

nổi giận triệu tập họp cơ quan và chi bộ. Tất nhiên là ghi biên bản. Vào cuộc họp, hiệu trưởng gọi đến anh bắt ghi biên bản, đúng lúc anh chuẩn bị đưa sinh viên xuống núi thực tập. Hiệu trưởng thét, gọi cậu ấy quay về ghi biên bản, thực tập không hôm nay thì để ngày mai, không ngày mai thì để tuần sau.

Biên bản là trên hết. Mà hiệu trưởng chỉ tin nhiệm anh ghi biên bản. Anh lại thuộc diện việc gì cấp trên giao là không từ chối, anh đồng nhất cấp trên với tổ chức với đất nước nhân dân. Ghi được dăm bảy bản, anh gãi đầu gãi tai để nghị hiệu trưởng hôm nay bảo người khác ghi biên bản. Không có người nào khác, cậu phải làm thôi. Sao lại cứ phải là em, bao nhiêu người văn hay chữ tốt. Văn hay chữ tốt không bằng chuyên nghiệp, không bằng trung thực, không bằng được tin nhiệm. Cứ thế mà đề bẹp mọi từ chối phản kháng.

Có anh bạn đồng nghiệp nói vào tai anh, cha hiệu trưởng thế mà ác, hẳn làm ra về không sát sinh nhưng đưa dao cho cậu giết gà. Hẳn tỏ ra nhân nghĩa với cậu nhưng lại muốn tay cậu dính bùn, có chuyện gì sau này hẳn sẽ phủi tay sạch sẽ quay đi cho mà xem.

Thời gian này, anh đang đọc một cuốn sách về các tôn giáo của nhân loại. Tự nhiên bùng ra nhiều điều. Tự nhiên như có được một liều thuốc giảm đau. Thản nhiên anh nói với anh bạn kia rằng đừng có trách hiệu trưởng cứ bắt anh ghi biên bản là ác là âm mưu này nọ. Hiệu trưởng trước sau là người tốt, chẳng qua là kiếp trước anh vụng đường tu, bây giờ nếu bị người đời cư xử nghiệt ngã chỉ là vì anh đang phải chịu luật nhân quả, chịu cái nghiệp chướng của chính mình mà thôi.

Biên bản cứ thế dầy lên thành chồng. Hầu như không còn ai trong số giáo viên và nhân viên nhà trường không bị kiểm điểm. Tham lam bớt xén của công. Khai gian ngày đi phép ngày nghỉ ốm. Sống trong tập thể trường, đối xử với cha mẹ không tốt, để con cái hỗn láo đánh nhau với con nhà đồng nghiệp hàng xóm. Lôi hết ra kiểm điểm. Hiệu trưởng không chỉ là nhà quản lý hành chính mà trở thành giáo chủ duy trì đạo đức. Không chỉ là người cai quản nhân sự mà là nhà lãnh đạo tinh thần. Không chỉ là người đứng đầu cơ quan mà còn là chánh án là cảnh sát là đội trưởng quy tắc nhắc nhở nội quy. Họp họp họp. Biên bản biên bản biên bản. Vừa bắt đầu họp mà sương mù tràn vào thì đóng cửa, ngồi chờ một lúc cho sương tan.

Sương tan thì đã tan xương. Từng giáo viên nhân viên rụng như bị bắn tia. Không người nào không có lần phạm lỗi. Không người nào chưa bị ghi biên bản. Chỉ còn lại mỗi hiệu trưởng trong sạch. Chỉ còn lại mỗi anh chàng chuyên ghi biên bản là chưa bị hiệu trưởng động đến. Rất tự nhiên mà hình thành hai phe. Phe quyền lực là hiệu trưởng, kèm anh vào đấy bị coi là thứ tay chân, tôm tép nhãi nhép thì cũng là tay chân. Phe bên kia gồm toàn bộ những người còn lại, bị áp chế khống chế, bị phóng đại cường điệu lỗi lầm. Cái phe ấy

đang tìm cơ hội phục hận. Giận cá chém thớt. Cá giẫy cá quẫy cá trơn tuột đi, thì còn cái thớt đấy.

Lại anh bạn kia cảnh báo. Rồi họ sẽ xử lý cậu, họ đã bàn mưu tính kế rồi, họ cũng tàn độc lắm. Không lâu sau, lời cảnh báo của anh ta chứng nghiệm. Lại một cơn viêm họng đột ngột của tổ chức. Hiệu trưởng được rút về thành phố làm phó giám đốc sở công nghiệp. Theo một cái lý ân tình đồng nghiệp đồng minh, đáng lẽ hiệu trưởng phải đưa anh đi theo về sở. Không gì anh cũng đã cung phụng ông ta bằng ấy thời gian, ít ra là về mặt ghi biên bản. Nếu ông ta là người nhân nghĩa, ông đã cảm thương mà đưa anh đi tránh khỏi cái nơi ông đẩy anh dính vào nhiều ân oán. Không, ông ta là kiểu người quản lý rất cần một nội bộ lúc nào cũng lực độc để nhân viên không còn tâm sức mà chống lãnh đạo, nhân viên chỉ đối phó tiêu diệt nhau đã đủ kiệt lực. Ông là kiểu coi mọi nhân viên chỉ là công cụ, công cụ làm xong chức năng thì vứt. Không vứt thì ông cũng lạnh lẽo cao ngạo trích thượng, không gia ơn không ban ơn không phong thưởng quyền lợi.

Với anh thì ông vứt hẳn hoi. Vứt lại con thỏ trần trụi giữa bầy sói. Hiệu trưởng mới được điều từ nơi khác về không hiểu làm sao mà một giảng viên trẻ bị cả cơ quan ghét đến thế. Cả cơ quan xúm vào đánh đập tơi bời. Ngày trước mấy chục cuộc họp mấy chục cái biên bản. Bây giờ chỉ một cuộc họp một cái biên bản. Họp từ sáng đến tối mới xong. Biên bản dài mười chín trang giấy. Đánh hội đồng mười chín trang giấy còn là ít. Hình thức kỷ luật nặng nhất là khai trừ thông báo toàn sở. Chưa đủ cơ sở để đuổi việc, đủ thì người ta đã không để yên. Người ta đã gọi đến hai em sinh viên làm nhân chứng, cả hai đều khai đã nhìn thấy anh ôm cô thư viện ở chỗ giá sách kỹ thuật chăn nuôi. Lời khai của hai em này được đưa đến cho chống cô thư viện. Sự kích động có hiệu quả ngay lập tức, chống cô thư viện gửi đơn kiện đến trường và lên sở, ghen tuông khuấy động huyên náo cả lên. Nhưng rồi ông tổ chức thất thường cũng không có tang chứng vật chứng làm cơ sở, thành ra ông tổ chức không quyết định kỷ luật hành chính được. Hai sinh viên nhân chứng lại khai lúc ấy trong thư viện vốn đầy ánh nắng bỗng bất thường tràn đến một đợt sương mù. Họ thấy hai người ôm nhau giống như thầy giáo và cô thư viện. Giống như thôi.

Rốt cuộc thêm hai năm nữa trong cái địa ngục trần gian ấy, anh được ông tổ chức thả ra, cho xuống núi trở về tỉnh nhà. Vợ anh than vãn nguyên rửa lão hiệu trưởng và cái tập thể rở rại, anh chỉ nhẹ nhàng nói lại. Không, họ không xấu đâu, chẳng qua là nghiệp chướng của mình, kiếp trước mình vụng đường tu nên kiếp này họ tìm mình để thi hành luật nhân quả.

Thối tất nết

Trời ơi, đến thế thì em xin vái anh, nghiệp nào luật nhân quả nào, anh như thế làm sao sống nổi giữa cái đời này. Vợ anh kêu lên, như một lời tiên báo.

Làm sao sống nổi. Hình như những lời của chị dần dần ngấm. Đau thương như một thứ chất độc xâm nhập vào cơ thể anh từ khi còn ở trên cao nguyên, giờ xuống núi bắt đầu phát tác. Ở trên trường sống giữa bầy sói cắn xé, anh âm thầm cắn răng coi là đang chịu nghiệp, thầm cảm ơn những người đang thực hiện nghiệp mà giúp mình trả giá. Triết lý nghiệp là một thứ thuốc tê thuốc giảm đau. Giờ xuống núi về gần nhà, thuốc tê đã nhạt, anh bắt đầu cảm thấy đau đốn âm ỉ. Hay chỉ là vợ con nhìn anh mà đoán thế.

Cuộc sống của hai vợ chồng và hai đứa con cứ thế trôi, lặng lẽ được một thời gian. Rồi có tin vui đến. Lại là ông tổ chức tự nhiên cao hứng trong một ngày đẹp trời. Tổ chức gọi anh ra làm hồ sơ đăng ký đi làm chuyên gia giáo dục dạy nghề ở Angola. Nước bạn cần nhất chuyên gia y tế, nông nghiệp, giáo dục. Lần này thì rút kinh nghiệm nhé, lần này có lương chuyên gia châu Phi chứ không phải là học bổng sinh viên Đông Âu. Lần này không chỉ gửi về một xe đạp đưa cũ mà triển vọng cải thiện đời sống gia đình ở trong tầm tay. Sau bao nhiêu lận lộn tới tở, đã có kinh nghiệm, đã thôi mơ mộng viễn vông.

Nhưng.

Tổ chức động viên khích lệ thế nào cũng không làm thủ tục. Vợ con giục giã thúc ép thế nào cũng không chịu đi. Không. Tác giả xin nhắc lại câu ca dao bình dân đã một lần nói. Không đi. Ung dung bác vuốt râu cười, món này bác biết từ hồi bên Tây. Ý nghĩa chỗ này nên hiểu theo cách khác. Biết quá đi rồi, hiểu nhau rõ quá đi rồi, cái cuộc đời ấy mà, cái nhân loại ấy mà, Tây hay ta chỗ nào chẳng thế. Dịch chuyển là chẳng cần thiết nữa. Đổi chỗ là chẳng cần thiết nữa. Còn kể sinh nhai nuôi sống tấm thân? Ăn lắm bệnh nhiều ăn lắm j nhiều. Các nhà bệnh học còn cho rằng khi có bệnh, ung thư chẳng hạn, đưa nhiều dinh dưỡng vào người có khi lại nuôi bệnh, tiếp tay cho nó phát triển nhanh hơn.

Thôi xin vái anh và cái triết lý của anh. Nhưng vái xong rồi thì chịu, lấy chồng như vậy thì phải chấp nhận. Số phận. Có cha như vậy thì vẫn phải lấy làm vui. Định mệnh.

Tai họa đến bất ngờ. Như một niềm kinh dị. Nếu nói luật nhân quả thì tai họa là thêm một quả nữa. Cứ đơn giản bình thường như mọi sự kiện đều đặn hàng ngày. Ông thầy giáo đưa sinh viên đi thực tập. Ngồi ô tô khách đường dài, đang đi, xe hẫng một cái xuống một cái ổ trâu. Gọi là ổ trâu vì nó to hơn cái ổ gà chứ không phải trâu nào đầm xuống đấy. Cả cái xe bốn chục chỗ ngồi lèn chặt gần sáu chục, không ai làm sao. Chỉ có ông đang ngồi thì nghe rắc một cái chỗ xương sống. Như có ai cầm gậy quật một cái ngang lưng cho nó gãy làm đôi. Con đau từ xương sống đánh thẳng lên thần kinh trung ương. Ông ngất đi trong chớp mắt.

Liệt luôn. Nằm luôn tại chỗ hơn một năm trời. Chạy thầy chạy thuốc. Nằm bệnh viện hơn một tháng rồi đưa về nhà nằm hơn một năm nữa. Vợ con bón từ thìa cơm thìa cháo, từ đổ túi nước tiểu thay bọc phân, từ

mua cái giường xếp đến cái tiến cái giường để có thể nâng lên thế đứng cho ông có lúc được nhìn qua cửa sổ. Ngoài kia có vườn cây. Ngoài kia có chim hót. Có mấy con ong bay vù vù bên cửa sổ. Ngoài kia có mùi gió thổi qua cành ổi chín. Vợ con cứ muốn cho ông cảm nhận những điều ấy, để thấy cảnh vật bên ngoài mỗi lúc một khác.

Sếp nhớ thời gian ấy sao mà hay bị mất điện. Anh chàng mười sáu tuổi đi học thì thôi, về nhà là đổi ca cho đứa em gái mười bốn. Ca cho bố ăn, kiểm tra túi vệ sinh, mở đĩa hát cũ cho bố nghe, dựng cái giường cao lên cho bố nhìn qua cửa sổ. Mất điện thì thấp một ngọn nến để cạnh đầu giường. Nến cháy được một lúc thì bố đã khó nhọc nghiêng sang thổi tắt. Thấp lên. Bố lại thổi tắt. Mẹ đi làm về thấy phòng tối om, kêu sao để cho bố nằm trong bóng tối như thế này, con người ta sống dầu đèn chết kèn trống. Bố bảo, anh chết thì không phải kèn trống đầu em, đừng kèn trống để cho anh ngủ yên. Mẹ kêu phỉ thui, rồi thấp lại ngọn nến.

Một lát sau, vào, lại thấy bố đã thổi tắt nến rồi.

Đến thế thì mẹ khóc. Anh có biết rằng anh đang nằm đấy mà lại để cho phòng tối, mỗi lần em bước vào là một lần nhói cả tim hay không. Phòng tối như thế không có ai nằm đấy. Phòng tối như thế anh không còn ở đấy nữa. Anh hãy để cho em và các con luôn ý thức rằng cả nhà vẫn đầy đủ, chúng ta vẫn đang ở ngay bên cạnh nhau. Em xin anh.

Một người ốm chỉ có triển vọng khỏi bệnh nếu như anh ta muốn được chữa bệnh. Bệnh nhân muốn khỏi bệnh là sự hợp tác cần thiết với thầy thuốc. Chỉ khi ấy thầy thuốc mới có thể tin là mình cứu được người bệnh. Đây là lời dạy của một giáo chủ mà người cha đã đọc, về sau này sếp mới tìm ra và đọc được đúng đoạn ấy. Còn lúc bấy giờ, người cha chỉ âm thầm không nói gì. Ông để cho ngọn nến yên được ít ngày, rồi lần mất điện sau, ông lại ghé sang thổi tắt nến.

Ngọn nến không muốn cháy nữa.

Sau khi người cha mất, chàng trai mười tám quyết chí tìm đường đi cứu nước cứu nhà. Nói thì to tát, chỉ còn một con đường là học, thi được điểm cao là có học bổng sang Đông Âu. Lại là Đông Âu. Đúng cái nơi ngày trước cha mình từ nơi ấy trở về với hai bàn tay trắng mơ mộng. Về tay không để chế tạo hân hoi một cái đầu máy xe lửa, đấy phải là một con người cực kỳ mơ mộng lãng mạn. Cái xe đạp cuốc lăn lóc trong nhà hai chục năm qua, mẹ bàn đem bán, chẳng được bao nhiêu nhưng cũng vỗ béo cho con mấy ngày cuối cùng trước khi con lên đường. Không. Chàng trai không cho mẹ bán. Mẹ giữ lấy cái xe cho đến ngày con về.

Nhờ thế mà cái xe vẫn còn. Bây giờ cái xe được dựng ở lối ra vào sảnh chính của nhà sếp. Khách đến chơi nhà thấy nó là một hiện vật của bộ sưu tập vật dụng thời bao cấp. Người trong gia đình thì biết đấy là một kỷ vật thiêng. ■

Đà Lạt mộng mơ

Nguồn: yeudulich.vn

HOÀNG KHÁNH DUY

Đến phố núi vào một chiều hoàng hôn giăng mắc trên đồi, tôi được dịp thưởng thức cái lạnh se sắt của Đà Lạt - mảnh đất mà trong một ngày đã có những bốn mùa xuân hạ thu đông với từng sắc màu riêng biệt. Đà Lạt, người tình mộng mơ, người sơn nữ có mái tóc dài được năm tháng điểm tô bằng màu vàng rực rỡ của mimosa, màu tím của lavender, màu lam mây trời của cẩm tú cầu theo từng thời điểm.

Đà Lạt, thành phố của những mùa hoa. Tôi thường nói đùa với bạn: *"Ở Đà Lạt, ăn cùng hoa, ngủ cùng hoa, vừa mở cửa bước ra đường đã nhìn thấy hoa"*. Đường như hoa cỏ bốn phương chọn đất lành Đà Lạt làm nơi hội tụ để phô bày vẻ đẹp trời cho. Hoa ven đường, hoa mọc thành cánh đồng trên đồi đất đỏ, hoa mọc thành khóm ven hồ Xuân Hương, hoa kiêu sa trong cửa hiệu cuối con đường dốc đá cheo leo. Tôi vốn dĩ có niềm đam mê dành cho hoa cỏ, đặc biệt là loài hoa thạch thảo tím ngát thường nở rộ mỗi đợt thu về. Hôm đi chợ Đà Lạt, trong khi bạn chọn mua bó hồng tươi rói và một giỏ lan để khi về treo trên bậu cửa cạnh bàn làm việc ngắm nghía mỗi sáng mỗi chiều thì tôi lại loay hoay đi tìm thạch thảo. Bạn bảo: *"Lạ thật! Cái màu tím ấy buồn đến nao lòng, vậy mà lại yêu?!"*. Tôi cười. Hóa ra có những điều trong cuộc đời vốn dĩ không có đáp án, dẫu cho người ta có nỗ lực đi tìm thì kết quả cuối cùng vẫn là nỗi hồ nghi. Như cuộc ra đi không nói một lời của người muôn năm cũ. Như tôi chọn sắc tím và loài hoa nghe tên cũng đã thấy buồn làm sắc hoa của đời mình. Đà Lạt, thiên đường của những loài hoa. Tôi tự hỏi lòng có gì tạo hóa lại ưu ái ban cho Đà Lạt những mùa hoa rực rỡ để rồi mặc định nơi này là thành phố ngàn hoa, vừa kiêu sa vừa hoang dại.

Từ khách sạn nhỏ nằm trên đường Lê Thị Hồng Gấm, tôi với bạn tản bộ một vòng quanh hồ Xuân Hương đến quảng trường Lâm Viên kế bên nhà Thủy Tạ, cạnh khách sạn Palace, nơi có hai khối kiến trúc: hoa dã quỳ và búp hoa a-ti-sô cách điệu trở thành biểu tượng riêng biệt của thành phố Đà Lạt không hề trộn lẫn với bất cứ một thành

phố nào trên dải đất hình chữ S. Đêm Đà Lạt, đêm lất phất mưa, gió núi lành lạnh lướt ngang qua nội ô thành phố. Tôi với bạn đứng tần ngần dưới màn mưa trước quảng trường Lâm Viên, vừa nhâm nhi cốc a-ti-sô pha đường, vừa thưởng thức vị ngọt mật của củ khoai lang nóng hổi. Hồ Xuân Hương, trái tim thành phố, nơi mặt hồ lặng lẽ như có đôi bàn tay nào đó âm thầm bỏ buồn vào nước, thả cả những năm tháng thanh xuân buồn, vui, hạnh phúc và đau khổ rồi viễn vãng quay lưng không trở về với phố núi thêm một lần nào nữa trong cuộc đời. Đà Lạt, mảnh đất của những con dốc cheo leo, chốn hẹn hò, yêu đương và cũng là nơi ly biệt...

Những ngày ở phố núi, tôi không tìm đến đỉnh Langbiang, "nóc nhà" của Đà Lạt. Tôi cũng chẳng đặt chân đến Thung lũng tình yêu, Đồi thông hai mộ, hồ Than thở,... nơi mà nhắc đến tên cũng đã thấy buồn. Một mình tôi lặng lẽ bắt taxi vượt cung đường đèo cách thành phố khoảng 25km về hướng Đông nam, nơi có cánh đồng chè xanh trải dài trên những ngọn núi nối tiếp nhau nằm ở Cầu Đất, thôn Xuân Trường, TP.Đà Lạt. Ở nơi đây, tôi cảm nhận thời gian trôi qua thật khẽ, thật chậm phủ lên những ngọn đồi đất đỏ màu xanh non của chè, của cỏ dại, màu mây trời và màu của cội nhân sinh gồng mình qua bao mùa mưa nắng. Ngắm nhìn những đôi bàn tay thoăn thoắt hái chè, những khuôn mặt rám nắng mồ hôi rỉ ra ướt cả cuộc đời trong gian lao vất vả, tôi bỗng thấy lòng mình se lại. Đồi chè Cầu Đất, nơi có màu xanh trải dài hun hút phía chân trời, nơi vẫn còn vắng bóng khách du lịch, vắng cả những lời mời chào bãi buổi để mua lòng người khác, chỉ có thiên nhiên giao hòa cùng nhau trong sắc xanh vô tận, vĩnh hằng. Đứng một mình giữa núi đồi lộng gió, tôi bỗng thấy lòng mình thanh yên. Thật thiếu sót biết bao khi đến với Đà Lạt mà chỉ chọn những nơi đông người qua lại, khách du lịch dập diu mà không chu du đến đồi chè Cầu Đất để tận hưởng yên bình giữa xứ sở ngàn hoa. Phố tri kỷ, phố mộng mơ, phố như cô gái xuân thì đang lộng lẫy phô bày những gì tươi đẹp nhất sợ rằng một

mai thời gian sẽ xóa nhòa tất cả. Ai biết được đâu đó giữa Đà Lạt mộng mơ có một xứ sở diệu kỳ, bình yên như ca dao cổ tích?...

Bạn buông lời mời mọc: “Chủ nhật này đến đồng cỏ tím cầu một chuyến, đẹp vô cùng”. “Đẹp thì đi!”, tôi trả lời thật gọn. Tuổi trẻ mà, muốn đi đâu thì đi cho thỏa thích. Sợ rằng một lúc nào đó mọi thứ cuốn ta vào nhịp điệu hối hả, vô vấp của cuộc sống, khi đó ngay cả việc ngồi đồng đưa bên cửa sổ ngắm hoa, nghe nhạc cũng không có hướng chi là thực hiện một chuyến đi dài chỉ để khám phá đó đây. Từ trung tâm thành phố Đà Lạt chạy về hướng đường Trần Hưng Đạo một đôi rĩ rĩ vào Trại Mát, ở đó có con đường dẫn đến cánh đồng cỏ tím cầu rục rờ nằm bên rừng thông xinh đẹp. Phút giây ngắm nhìn cánh đồng trải dài trong nắng chiều mong manh, tôi bỗng thốt lên: “Đẹp quá!”, dường như đó là khoảnh khắc của cái đẹp lên ngôi, mà đã gọi là đẹp, là thẩm mỹ thì người ta chỉ còn cách đứng lại để chiêm ngưỡng, trầm trồ chứ không phải vô đến mà chiêm đoạt làm của riêng cho mình. Cái đẹp là để ngắm nhìn. Cả cánh đồng tràn ngập màu xanh của lá, màu lam mơ màng của hoa cỏ tím cầu nghiêng nghiêng trong chiều. Những bông hoa nhỏ hợp lại thành chùm hoa to, vẻ đẹp của cỏ tím cầu là vẻ đẹp yêu kiều, diễm lệ và thanh thoát, loài hoa biểu tượng cho sự chân thành và lòng biết ơn - những giá trị đạo đức cao đẹp trong cuộc đời. Bạn chen chúc giữa đồng hoa, bạn say mê chụp những tấm ảnh nhờ facebook giữ hộ để những năm sau có cái nhớ về. Đà Lạt lắm những màu hoa. Màu lam huyền bí của cỏ tím cầu, của hoa forget me not, màu vàng của mimosa, sắc trắng tinh khôi của hoa salem hay màu tím thủy chung của lavender, thạch thảo... Vậy mà người Đà Lạt lại ưu ái phong loài hoa dã quỳ làm loài hoa đặc trưng cho thành phố Đà Lạt. Khi mùa hè trôi qua là lúc thành phố Đà Lạt khoác lên mình màu vàng óng ánh, khoảnh khắc đứng giữa ngọn đồi dã quỳ khiến người ta vừa ngỡ ngàng, vừa xúc động để rồi động lại những ấn tượng không thể nào phai trong lòng người. Dã quỳ vốn dĩ là loài hoa dại, không kiêu sa như hoa hồng cũng không lộng lẫy như hoa phong lan, dã quỳ âm thầm mọc ven đường, trên đồi, vươn lên từ đá núi. Có lẽ sức sống mãnh liệt của dã quỳ tượng trưng cho sự mạnh mẽ, đức tính cần cù, chịu thương chịu khó của con người Đà Lạt, vì thế nó trở thành biểu tượng của thành phố mộng mơ.

Ở Đà Lạt, bên cạnh việc thưởng ngoạn cảnh đẹp của thành phố ngàn hoa, tôi còn dành thời gian để khám phá những cung đường thoang thoáng hơi thở của tiêu sơ, cổ kính. Thành phố nhỏ nằm êm đềm trên ngọn đồi, dốc đá và bờ rêu, cỏ hoa và gió trời làm thành một sắc màu riêng biệt. Tôi cứ nhớ hoài món bánh tráng nướng ở quán số 61 đường Nguyễn Văn Trỗi, TP.Đà Lạt, hình ảnh người đàn bà tóc ngắn khuôn mặt ngắn ngủi vừa nướng bánh tráng vừa lẩm bầm những câu chuyện cuộc đời, những câu chuyện có từ thuở nào không ai biết rõ. Bánh bà nướng được xem

ngon nhất phố núi, một tối mưa phùn ngồi túm tụm trên chiếc ghế cóc cạnh bếp lửa, mắt nhắm nhìn đôi bàn tay khéo léo với những động tác quen thuộc trên chiếc bánh, tai lắng nghe tiếng lẩm bầm của bà, tiếng mưa rơi, gió rít, âm thanh êm ả của đôi tình nhân lặng lẽ che ô đi về phía cuối đường; bất giác tôi thấy lòng ấm lên trong gió lạnh. Tôi lại nhớ một lần đi dạo quanh hồ Xuân Hương, trông thấy những đứa trẻ dân tộc áo quần rách rưới ngồi đưa tay xin đồng lẻ của khách qua đường; một bà cụ già nua áo vải phong phanh đầu vấn khăn ngồi tựa lưng vào gốc liễu ven hồ bán những túi bắp rang mưu sinh trong đêm Đà Lạt lạnh giá. Lòng tôi chênh vênh, mơ hồ như tôi đang rơi xuống từ đỉnh đồi cao vút. Hóa ra, đằng sau khung cảnh đẹp đến nao lòng là những cảnh đời mưu sinh vất vả khiến người ta không khỏi chạnh lòng. Đâu đó giữa phố núi vẫn còn lắm những phận đời chông chênh, những kiếp nhân sinh mòn mỏi, sống lay lắt cho qua ngày đoạn tháng. Tôi thấy tim mình lạnh giá. Không phải vì cái lạnh cắt da của Đà Lạt, mà vì cái lạnh của cuộc đời...

Những chuyến đi cho tôi biết thêm về đất nước mình. Nhà thơ Tố Hữu viết rất đúng; quả thật: “Nước non mình đâu cũng đẹp như tranh”, từ thủ đô xa xôi cho đến tận mũi Cà Mau “Mấy trăm đời lần luôn ra biển”, từ Đà Nẵng biển mặn hữu tình đến Đà Lạt cao nguyên mơ mộng. Thiên di bao giờ cũng là khát vọng muôn đời. Rời Đà Lạt, thứ mà tôi nhớ nhất không phải là sắc hoa hay màu xanh như ngọc của mặt hồ Xuân Hương lặng sóng. Mà có lẽ là những gương mặt tảo tần, những giọt mồ hôi lam lũ của người nghèo phố núi. Thương lắm cụ già ăn xin góc đường, thương con ngựa ngẩn ngơ đứng trầm ngâm bên bờ hồ suốt đời kéo xe cho lũ khách, thương cả những đêm đông giá lạnh, trắng ngà soi bóng đồi thông. Đến Đà Lạt, ngắm hoa, hiểu về cuộc đời đầy phong ba chìm nổi... ■



Ảnh: Nguyễn Đình Niêm

Ký ức nhuộm màu ngôi cũ...

TRẦN VĂN THIÊN

Mỗi lần bắt gặp màu ngói nung cũ kỹ mốc rêu, tôi lại nghĩ về cuộc đời của mẹ tôi, của chị tôi, của những người đàn bà đã âm thầm hy sinh, âm thầm chịu đựng bao đắng cay, tủi cực. Sắc màu đó hiện diện như một sợi dây nối tôi của bây giờ với tôi của những ngày thơ bé còn chân đất đầu trần, hay leo lên mái nhà ngồi hát vu vơ. Không rực rỡ như màu vàng của nắng, cũng chẳng mộng mơ như sắc tím cỏ hoa, màu ngói cũ mang vẻ trầm mặc nguyên sơ, ủ dột sương gió, như một nẻo khuất riêng biệt không lẫn vào đâu được. Cái màu bàng bạc in dấu vết thời gian, như màu bùn đất rơm rạ quê mùa, đã khắc sâu vào tiềm thức của tôi cùng ký ức những tháng ngày bình yên dưới khoảng trời thơ ấu. Những giấc mơ nhuộm màu ngói cũ vẫn hiện về, thấp thoáng dáng mẹ dài đầu nắng mưa...

Lòng tôi lại bồi ngùi nhớ cái mái gạch nung mốc meo, màu nâu xỉn bám đầy bụi bặm của căn nhà cũ bên giàn hoa thiên lý. Ngôi nhà đã có từ rất lâu, là của ông bà ngoại để lại cho mẹ tôi, rồi tôi sinh ra và lớn lên cũng ở nơi này, nhưng nghe mẹ nói nhà chưa lợp lại mái lần nào. Từng tấm ngói cũ in li ti những vết rêu sẫm màu, len lỏi những vết rạn nứt đan xen nhau như chứng tích của thời gian. Qua bao mùa nắng mưa, có những mảnh ngói nằm ở mép rìa bị bung trật ra khỏi hàng, nhiều mảnh mục vỡ không còn nguyên vẹn. Mẹ tôi phải bắc thang lên gỡ những tấm ngói bị vỡ và thay bằng từng tấm kính đã ố vàng, nhét vào kẽ hở những mảnh ni lông vụn, để nhà không bị dột ướt mỗi khi trời mưa xuống. Vương vãi lá tre, lá sấu đông vàng xuộm, khô giòn vun thành từng đám lổ chỗ trên mái nhà, khẽ lao xao khi trời nổi gió. Ngày nhỏ, tôi hay trèo lên cành cây sấu đông cạnh nhà, khéo léo đu người qua mái ngói rồi ngồi vắt vẻo trên đó ngắm mây trời.

Ngồi trên mái ngói, tôi khẽ nhắm mắt hít hà mùi khói của lá dương liễu khô phảng phất trong gió, tỏa ra từ căn bếp liêu xiêu che tấm bạt mỏng của mẹ. Mùa gió hoang vu thổi bay bay những sợi tóc loe hoe cháy nắng, tôi lắng tai nghe tiếng chim chích chòe lao xao trên tán bạch đàn rũ bóng phất phơ, tiếng rúc rích của đàn sẻ nâu đang thi nhau chuyển từ mái nhà xuống nền sân gạch rụng đầy quả sấu đông khô khốc. Từ trên cao nhìn về phía xa xa, màu nắng đã nhạt dần trên ngọn đồi ở sau làng; hoa sim, hoa mua tím đến nao lòng một vùng trời cổ tích. Những buổi chiều bình yên của tuổi thơ nhẹ nhàng trôi qua như thế, để lại một vệt dài ký ức lưu giữ nơi mái nhà bàng bạc màu ngói cũ rong rêu...

Dòng đời cứ âm thầm trôi, bước chân tôi dần xa khoảng trời tuổi thơ loang lổ màu ngói cũ bình dị, để rồi những sắc màu rực rỡ, hoa lệ của cuộc sống xô bồ nơi phố thị đã làm nhạt nhòa sắc màu của ký ức chân phương. Mùi khói của lá dương liễu ngai ngái hòa với mùi chuối mốc phơi khô, mùi cơm cháy giòn rụm bụi bùi, cũng từ đó phai phôi dọc đường đời rong ruổi, để chiều nay sao tôi lại quay quắt nhớ thương đến sắt se cõi lòng. Gặp lại màu ngói cũ, hình dáng mẹ tảo tần lom khom kê chiếc ghế gỗ, nhón gót chân trần nứt nẻ phơi nia chuối khô, mâm cơm cháy lên mái nhà lại hiện về nghèn nghẹn trong tôi. Tấm lưng mẹ ướt đầm mồ hôi, màu áo cũ như màu ngói bàng bạc sương gió, khoe mắt in dấu chân chim neho lại dưới nắng, trên vầng trán chẳng chừa vết nhăn còn lấm bụi tro tàn. Gặp lại màu ngói cũ, sao khoe mắt tôi lại rung rung xót xa khi nhớ những buổi chiều mẹ ngồi chải tóc, những sợi tóc rụng được mẹ vo tròn rồi vắt lên mái nhà trước hàng hiên để dành cho chị em tôi đổi tóc lấy kẹo. Tóc mẹ dần thưa theo tuổi tôi khôn lớn, để đôi khi lòng lại đau đáu tìm lại vị kẹo ngọt của ngày xưa...

Cuộc đời của người đàn bà lam lũ, nhọc nhằn hiện lên thật sống động qua sự đổi thay của màu ngói theo dòng thời gian lặng lẽ trôi. Bắt đầu là màu ngói mới tinh tươm như thanh xuân má hồng môi thắm, rồi trải qua bao thăng trầm năm tháng, tuổi đời dần vun đầy lên theo sự phai mờ nét duyên dáng, thanh tân. Mùa nổi mùa mãi miết trôi đi, màu ngói dần bạc phếch, cũ mòn, ấy vậy mà mái ngói liêu xiêu vẫn lặng thầm che nắng mưa, giữ lại hơi ấm cho ngôi nhà qua bao ngày rét mướt.

Và có lẽ, màu ngói cũ chính là hiện thân của cuộc đời lặng lẽ chịu đựng bao nắng mưa vất vả, đầu tắt mặt tối lo cho chồng con của mẹ, giờ đã trở thành màu của nỗi nhớ khôn nguôi... ■





ĐẶNG ĐỨC

Tôi sinh ra và lớn lên trên một dải đất bồi ven sông ở miền Trung đầy nắng gió, vì vậy mà hình ảnh những con nước khi đầy khi vơi của dòng sông luôn níu đọng lại trong tâm trí tôi như một dấu ấn không bao giờ mờ phai.

Mười tám tuổi, chia tay quê hương, tạm biệt dòng sông êm đềm đã bao năm miệt mài tải nặng phù sa tạo nên bãi bồi cho củ khoai, cây bắp tốt tươi nuôi sống bao con người, tôi đến với Sài Gòn - TP.Hồ Chí Minh hoa lệ để bắt đầu cuộc sống sinh viên đại học. Tôi yêu dòng sông, và có rất nhiều kỷ niệm gắn liền với dòng sông, vì vậy mà mỗi khi nhớ quê nhà, lúc rảnh rỗi tôi lại chạy xe tìm đến với dòng sông Sài Gòn để ngắm sông, hóng gió mát, bất kể bấy giờ là ngày hay đêm. Giai đoạn đầu tôi thuê trọ ở cách khá xa dòng sông, để đến gần chục cây số, do mỗi lần đến với dòng sông khá vất vả nên về sau tôi quyết định chuyển chỗ đến thuê trọ trên địa bàn quận 2, trong một khu dân cư chỉ cách bờ sông có vài trăm mét. Và thế là cứ mỗi trưa tôi lại rời căn phòng chật chội oi bức để tìm đến bên lùm cây ven sông ngồi đọc sách, hóng gió và ngắm nhìn tàu ghe xuôi ngược. Những buổi tối, sau khi cơm nước, học bài xong là bao giờ tôi cũng rủ người bạn cùng phòng ra ven sông đi dạo cho khuây khỏa trước khi về ngủ. Hình ảnh dòng sông về ban đêm đẹp đến nao lòng, khi mà từ bên này sông phóng tầm mắt qua khoảng nước mênh mang nhấp nhô sóng bạc lấp loáng là tôi bắt gặp ở bờ bên kia sự nhộn nhịp phồn hoa của một đô thị hiện đại văn minh. Nhiều khi tôi và bạn cứ tần ngần ngắm đèn màu ẩn hiện trên hàng trăm, hàng ngàn ngôi nhà cao tầng ở phía bên kia sông mà không thấy chán...

Hình ảnh dòng sông Sài Gòn uốn lượn như một dải lụa mềm mại ôm lấy thành phố cũng vì thế mà trở nên dần thân thuộc mà mỗi ngày không đến với dòng sông, không đứng hóng gió mát, ngắm sông vài khoảnh khắc là tôi lại thấy nôn nao nỗi nhớ. Tôi là một người khá lãng mạn, nên những lúc được tản bộ thả mình bên bờ của dòng sông là tôi cảm thấy tâm hồn mình nhẹ nhàng, thư thái đến lạ thường... Dòng sông không chỉ mang tới cho tôi, cho cư dân đô thị, khoảng không gian thoáng đãng,

mà dòng sông còn luôn chất chứa và khơi nguồn của ngàn vạn cơn gió. Vâng, gió hầu như suốt đêm ngày đều lồng lộng thổi, và đây chẳng khác gì một chiếc quạt thiên nhiên, chiếc máy điều hòa khổng lồ làm dịu mát nền nhiệt độ nhiều khi oi bức ngột ngạt. Đúng là gió từ dòng sông là sự ưu đãi tuyệt vời, khi mà ở trong căn phòng chật chội có nóng bức đến đâu, ngột ngạt thế nào, nhưng hễ tôi cứ bước chân ra tới bờ sông là gió mát thổi làm khoan khoái dễ chịu vô cùng. Do thấy tôi hay ra bờ ngắm sông và hóng gió, có một bà cụ già nhà ở ngay kế bờ sông, chỉ cách một con đường nhỏ là ra tới mép nước, đã bảo với tôi: *"Bà thấy con ngày nào cũng ra đây vài ba bận để ngắm sông, chắc là con yêu dòng sông lắm phải không..."*

Khi tôi nói là đúng như vậy, thì bà cụ hiền từ lại tiếp: *"Không phải riêng con đâu, mà bà đây cũng yêu dòng sông lắm, chẳng vậy mà từ mấy chục năm nay bà vẫn gắn bó với ngôi nhà bên bờ sông này. Các con của bà nhiều lần kêu bà bán nhà vào thành phố ở với chúng cho tiện nhưng bà đâu có chịu. Sống ở đây thoáng đãng, gió sông lồng lộng chẳng khác nào quạt hầu như vậy chẳng sướng hơn sao...!"*

Và thế là, từ bữa đó tôi có thêm một người "bạn" yêu sông, thích ngắm sông, đó là bà cụ già ấy. Thay vì mỗi lần ra bờ sông phải ngồi vạ vật trên cỏ, những lần sau tôi đều vào nhà cụ, kê ghế ngồi trước một khung cửa sổ trông thẳng ra mặt nước sông để hai bà cháu cùng ngắm sông. Bà cụ còn kể rằng hầu như chẳng mấy khi bà phải dùng tới quạt điện hay điều hòa gì cả, cứ mở khung cửa sổ là trong căn phòng tràn ngập gió mát. Nhiều đêm gió lộng quá ngủ mà không đắp mền còn lạnh nữa...

Những năm tháng của cuộc sống sinh viên chưa qua đi, nhưng nhiều lúc tôi thầm nghĩ rằng: sẽ có một ngày nào đó mình ra trường, rồi đi làm việc ở một nơi chốn nào đó, và sẽ khó tránh khỏi việc phải chia xa dòng sông Sài Gòn mến yêu, lúc đó nỗi nhớ dòng sông và những lúc ngồi ngắm sông để đón nhận những làn gió lộng mát mẻ... sẽ là điều khó tránh khỏi! Nghĩ vậy, nhưng nhiều khi tôi cũng ao ước sẽ được ở lại thành phố phương Nam đầy nắng gió và vô cùng sôi động này để không phải chia xa dòng sông, và để mỗi ngày được đón nhận những cơn gió mát lành từ dòng sông ban tặng... ■



Hồn chuông gió

MIÊN ĐỨC THẮNG

Hồn chuông gió vang vang lay động
 Vạn kiếp còn ngã ngã lung linh
 Vô thường danh sắc thẳng trầm cơn sóng
 Một cõi thực hư nghiêng ngả hữu tình
 Nói cười thương ghét tỏa òa vạn trạng
 Bao trùm cuộc sống tạo một bùa mê
 Lấy nước mắt người từng đêm thức trắng
 Nhặt nhòa số phận mở mịt sơn khê
 Mấy tiếng chuông ngân lung linh trong gió
 Gọi hồn ai là duyên nợ cuộc đời.

Cảm tác hè

NGUYỄN CÔNG KHANH

Hè lại đến - Lòng chợt buồn man mác!
 Nhớ thầy cô, bè bạn lẫn mái trường...
 Bao kỷ niệm của một thời áo trắng
 Rất đậm sâu và quá đổi thân thương!

... Mãi xa rồi đọng lại đây nỗi nhớ
 Thuở thiếu thời chân sáo bước tung tăng
 Hiện chúng ta mỗi con người mỗi ngã
 Phút vào đời ai chẳng khỏi băn khoăn?!

Xin hãy lấy kiến thức mình có được
 Xây dựng đời thêm tươi sáng tương lai
 Biến ký ức thành niềm tin, hành động...
 Vượt khó khăn thêm lớn mạnh tháng ngày!

Với muôn vạn ngành nghề trong xã hội
 Tự trung rồi chỉ một điểm chung thôi!
 Sống chân thật, trọng nghĩa tình, đạo lý
 Mới nên danh, công toại, thành người...

Có những đêm buồn

NGUYỄN TỪ

Có những đêm buồn ngủ chẳng yên
 Nằm nghe mưa đổ giọt bên hiên
 Nghe đồng hồ điểm từng hồi một
 Nghe tiếng lòng tuôn nỗi muộn phiền

Có những đêm dài lạnh tái tê
 Nằm nghe hơi gió lộng tư bề
 Thương người tay trắng đành dang dở
 Lỡ ván cờ thôi chẳng hẹn về!...

Có những đêm buồn ngắm trăng thanh
 Đường khuya xa vắng, gió lay cành
 Âm thầm thương cánh chim rong ruổi
 Lạc lõng về đâu lúc trở canh?!

Giọt nước mùa xuân

ĐOÀN VĂN SÁNG

Khi bầu trời gom lại trong tôi
 Một dấu chấm lừng lờ như giọt nước
 Đó là xuân không mùa trong suốt
 Cha mẹ cho từ thuở nằm nôi

Khi bầu trời gom lại trong tôi
 Những nắng mưa gió sương sấm chớp
 Đó là xuân làm ăn tích góp
 Đời dập dềnh "bèo dạt mây trôi"

Khi bầu trời gom lại trong tôi
 Đóm lửa thấp nghìn sao lấp lánh
 Đó là xuân đêm dài trắng quạnh
 Đốt giấc mơ hoang tưởng chôn vùi

Khi bầu trời gom lại trong tôi
 Áo ánh mây cầu vồng ngũ sắc
 Đó là xuân bến bờ huyền hoặc
 Đò biết đâu sông lở hay bồi?

Khi bầu trời gom lại trong tôi
 Một dấu chấm - thời gian... trở giấc
 Đó là xuân: cỏ cây vạn vật
 Chuyển mình trong giọt nước luân hồi.

Ca dao

PHẠM ÁNH

Đôi khi vẽ rắn thêm chun
Đèo cày giữa chợ gian truân ở đời
Trước quen sau lạ lẽ loi
Xin nghe đá núi em ơi nói gì !

Một mình hết đợi rồi đi
Xin nghe cô biếc xanh rì lối xưa
Giần sàng rõ rá nong nia
Cối xay cối giã mai kia đâu còn.

Bòn hòn cam chịu ngọt ngon
Em ơi dưa mồng môm son dấm nào
Đong đưa gió lộng rì rào
Xón xang nổi nhớ làm sao hết buồn!

Chiều quê

HÀ NGỌC HOÀNG

Quốc kêu ngoài bãi sậy
Chim sẽ đi tìm mồi
Sắp đến ngày giáp hạt
Thóc trong bồ lại vơi

Bầy trẻ ra sông bơi
Giữa chiều hè nhat nắng
Nhìn thấy đàn cò trắng
Ấn mình sau bụi tre

Trâu gặm cỏ triền đê
Nghé con còn khát sữa
Bà đợi cháu ngoài cửa
Cả buổi chiều đi đâu

Chim trong vườn bắt sâu
Khói lam chiều vẽ vệt
Mùa đi như tiếc nuối
Ếch ngoài đồng lại kêu

Bố nuôi cá ngoài lều
Cá chim đùa cá chép
Quả ổi nào chín ép
Mùi hương như toả lan.

An nhiên

TÁNH THIÊN

An nhiên tâm không níu kéo
Trú xứ thường lạc phút giây
Từng bước thành thơ vui sống
Dây oan chẳng vướng bủa vây

Phút chốc vô thường chợt đến
Ta không hối tiếc điều chi
Cuộc đời thoáng qua như gió
Đừng gâ thêm cảnh sầu bi

Hãy luôn thường hằng nhớ nghĩ
Duyên sanh vạn pháp đều không
Sống chẳng tham cầu cố chấp
Chết không vương bận cõi lòng.

Chiều xuân bông hoa nhỏ

TỊNH BÌNH

Ai đánh rơi trên cỏ
Những hạt giống mặt trời
Chiều xuân bông hoa nhỏ
Thức dậy bên hiên đời

Mắt nhìn vào bao la
Tươi non màu xuân biếc
Hoa lặng lẽ tỏa hương
Tên gì... không ai biết...

Bâng khuâng màu hoa đại
Hồn nhiên giọt sương trong
Tiếng chim trên cành nỡ
Thánh thót sớm mai hồng

Hình như trong lá cỏ
Ai vừa rơi nụ cười
Chiều xuân bông hoa nhỏ
Dưới nắng vàng đùa chơi...

Cuộc phiêu lưu của đôi vợ chồng

ITALO CALVINO

TRƯƠNG VĂN DÂN dịch và giới thiệu

Italo Calvino (1923-1985) là một trong những nhà văn Ý có ảnh hưởng đến chính trường, văn học và văn hóa Ý vào những năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai; là tác giả của nhiều tiểu thuyết, tập tiểu luận và chủ biên nhiều công trình văn học quan trọng. Ngoài việc sáng tác, Calvino còn là một nhà phê bình tên tuổi; ông cũng là một trong những nhà văn Ý thuộc thế kỷ XX có nhiều độc giả ở Anh và Bắc Mỹ.

Câu chuyện sau đây nói về một gia đình Ý vào những năm sau Đệ nhị thế chiến. Sự bùng nổ công nghiệp đã giúp nước Ý thoát khỏi những tàn phá của chiến tranh và mau chóng trở thành một trong những nước phát triển ở Âu châu nhưng cũng làm biến đổi xã hội và có khả năng phá vỡ tinh thần đoàn kết, gắn bó truyền thống của gia đình Ý. Xuất hiện vào năm 1958, truyện ngắn mang tính cảnh báo này của Calvino đã đặt các nhà nghiên cứu trước vấn đề lương tâm khiến những năm tiếp đó nhiều trí thức Ý đã tham gia thảo luận về đề tài "Văn học và Công nghiệp".



Công nhân Arturo Massolari làm ca đêm, công việc của anh chấm dứt vào sáu giờ sáng. Để về nhà, anh phải đi một quãng đường dài. Những khi trời tốt anh đi bằng xe đạp; còn lúc có mưa hay những tháng mùa đông anh phải dùng xe điện. Anh về đến nhà trong khoảng sáu giờ bốn mươi lăm đến bảy giờ, nghĩa là trước hoặc sau hồi chuông báo thức mà vợ mình, cô Elide, đã cài đặt.

Có hai thứ tiếng động vang lên cùng lúc: tiếng chuông báo thức và tiếng chân của chồng bước vào nhà. Hai thứ tiếng động đó chồng chất trong đầu Elide, cùng đến trong giấc ngủ say mà cô còn muốn kéo dài thêm bằng cách áp sát mặt vào chiếc gối. Sau đó cô bước xuống giường, mắt nhắm mắt mở cho hai tay vào chiếc áo choàng, và những sợi tóc phủ lòa xòa xuống mắt. Cô đi xuống nhà bếp và thấy Arturo đang lấy từ túi xách các thứ mà anh mang đến hăng: chiếc cà-mèn đựng thức ăn, bình thermos... và những chiếc hộp không rồi đặt chúng trong chậu rửa bát. Lúc đó anh cũng vừa đốt bếp để pha cà-phê. Biết chồng đang nhìn, Elide cảm thấy bối rối. Cô mở to mắt và muốn đưa hai tay lên che đầu, cứ như mỗi lần cô đều xấu hổ cho cái hình ảnh đầu tiên mà chồng nhìn thấy mỗi khi bước vào nhà, đầu tóc cô luôn rối bù trên khuôn mặt ngái ngủ. Khi hai người ân ái hay ngủ chung thì là chuyện khác, buổi sáng khi thức dậy, cả hai cùng phờ phạc và có chung cảm giác thiếu ngủ như nhau.

Có đôi khi Arturo bước vào phòng ngủ để lay thức vợ, anh còn mang cho cô tách cà-phê nóng trước khi chuông báo thức reo; nhưng lúc đó mọi sự đều rất tự nhiên, về nhân nhó lúc cô thức giấc trông giống như một sự lười biếng ngọt ngào, cô ưỡn người, hai cánh tay trần duỗi ra và cuối cùng cô quàng vào cổ chồng một cách âu yếm. Họ ôm nhau. Arturo còn mặc trên người chiếc áo khoác và lúc anh đến gần là cô hiểu ngay thời tiết hôm đó: trời mưa, có sương mù hay tuyết, tùy theo hơi lạnh giá hay sự ẩm ướt trên người anh. Tuy vậy cô vẫn hỏi: "Thời tiết thế nào, anh?" và lúc ấy anh bắt đầu than thở, kể lể về những khó khăn đã gặp. Anh thường bắt đầu từ đoạn cuối: hành trình trên xe đạp, thời tiết khi vừa bước ra khỏi giường, nó khác với chiều hôm trước ra sao rồi những bức bối trong công việc và những chuyện ngổ lề đôi mách trong hăng xưởng...

Vào giờ đó căn nhà chỉ vừa được sưởi ấm, nhưng Elide cũng phải khóa thân, rùng mình bước vào phòng tắm. Sau đó anh chồng cũng vào theo, bình tĩnh cõi

đồ, chậm rãi kỳ cọ, và chăm chú xóa những vết dầu mang về từ xưởng máy. Cứ thế, cả hai trần trụi và lạnh lẽo, đứng quanh cái bồn rửa nhỏ xíu, thỉnh thoảng họ đụng, đẩy nhau hay giạt lấy cục xà-phòng, ống kem đánh răng và tiếp tục nói với nhau những điều cần nói; cũng có lúc họ biểu lộ vài cử chỉ thân mật, giúp nhau kỳ lưng, khe khẽ vuốt ve và cuối cùng ôm lấy nhau một cách vội vã. Nhưng bất thành linh Elide kêu lên: “Chúa ơi! Mấy giờ rồi vậy?” rồi vội vã chạy đi mang vớ, mặc váy, vừa đứng soi mặt trước tấm kính trên bàn phấn vừa đưa bàn chải chạy lên chạy xuống trên mái tóc bù, hai hàm răng còn cắn chặt cái kẹp tóc. Arturo bước đến sau lưng vợ, đốt một điếu thuốc và nhìn vợ đang đứng bên mình, mỗi lần rít thuốc anh đều cảm thấy bối rối vì đứng đấy mà không biết phải làm gì. Cuối cùng Elide đã sẵn sàng, cô vội tròng lên người chiếc áo khoác, hôn vội chồng rồi mở cửa, chạy nhanh xuống cầu thang.

Còn lại một mình Arturo theo dõi tiếng chân của Elide bước trên các bậc thang cho đến khi không còn nghe thấy và anh vẫn tiếp tục theo dõi bằng suy tưởng tiếng nhún nhảy vội vã trong sân, tiếng mở cửa chính của tòa nhà, tiếng chân bước trên vỉa hè cho đến tận trạm dừng xe điện. Riêng tiếng bánh sắt trên đường ray thì anh nghe rất rõ khi nó rít lên để dừng lại, và tiếng động khô khốc của bàn đạp khi có người leo lên. “May quá, cô ấy đã bắt kịp”, anh nghĩ và thấy vợ mình đứng chen chúc giữa đám công nhân đông đảo, nam và nữ, trên xe số 11 đang chờ họ đến nhà máy như mọi ngày. Anh dụi tắt điếu thuốc, đứng lên khép hai cánh cửa sổ, căn hộ tối sầm lại và anh đi ngủ.

Chiếc giường ngủ vẫn như lúc Elide đứng dậy, nhưng về phần giường của mình, Arturo thấy nó vẫn còn nguyên, như vừa mới trải giường. Leo lên giường, anh nằm ngay ngắn ở phần mình, nhưng lát sau lại thò một chân qua phía bên kia, nơi có hơi ấm của vợ, sau đó anh còn thò thêm chiếc chân kia nữa... và cứ thế dần dần anh lẫn người di chuyển toàn thân sang phần giường của vợ, trong cái hơi ấm được giữ lại ở cái chỗ lõm có hình dạng của thân hình Elide. Anh áp má vào chiếc gối của vợ để cảm nhận mùi thơm của cô và thiếp dần vào giấc ngủ.

Buổi chiều khi Elide trở về nhà cô thường thấy Arturo đang quanh quẩn trong nhà: Anh đang đốt lò sưởi hay nấu nướng cái gì đó. Anh thường làm một vài việc trước bữa cơm chiều, như trải lại giường nằm, quét dọn chút đỉnh hay ngâm quần áo để chờ vợ về giặt. Nhưng Elide thấy mọi việc chồng làm đều rất qua loa. Cô quá biết chồng mình cầu thả và ít quan tâm đến những việc này: những gì anh làm thực ra chỉ để đánh lừa thời gian trong lúc chờ vợ về, như để giúp vợ chút ít khi anh vẫn còn ở nhà, trong lúc bên ngoài đèn đường đã bật sáng và vợ đang hối hả đi từ cửa tiệm này sang

cửa tiệm khác trong sự nhộn nhịp khác thường vì đó là thời điểm các bà nội trợ đang vất vả mua sắm những thứ cần thiết cho bữa cơm chiều.

Cuối cùng Arturo nghe tiếng chân vợ bước lên cầu thang, tiếng vang hoàn toàn khác tiếng động vào ban sáng, lúc này nặng nề hơn bởi cô bước từng bước mệt mỏi sau một ngày làm việc và còn phải mang những túi thức ăn vừa mua được. Anh mở cửa bước ra hành lang, đỡ lấy các thứ cho vợ, rồi cả hai cùng bước vào nhà và trò chuyện. Chưa kịp cởi áo khoác, cô vợ đã ngồi phịch xuống chiếc ghế trong nhà bếp trong khi chồng lấy thức ăn từ túi xách ra. Ngồi nghỉ một lát rồi Elide kêu khẽ “Thôi, làm cái gì đi!” vừa nói cô vừa đứng lên, cởi áo khoác và thay quần áo mặc trong nhà. Cô bắt đầu nấu bữa ăn tối cho hai người, sau đó chuẩn bị bữa ăn nhẹ để chồng mang vào nhà máy cho giờ nghỉ giải lao vào một giờ khuya và bữa điểm tâm cho mình để mang theo vào sáng hôm sau; ngoài ra cô còn phải sửa soạn sẵn sàng bữa cơm cho chồng vào ngày mai lúc anh thức giấc.

Elide vừa làm, thỉnh thoảng cô ngồi nghỉ vài giây trên chiếc ghế mây trong nhà bếp và nhờ chồng làm giúp vài điều gì đó. Nhưng anh chồng vẫn còn đang nghỉ nên chỉ đi quanh quẩn, có lẽ anh cũng muốn làm tất cả mọi việc ấy, nhưng lơ đãng, đầu óc bỏ tạt đâu đâu. Trong những lúc như vậy, giữa hai vợ chồng có khi xảy ra va chạm, nói với nhau những lời bức tức bởi vì cô vợ muốn chồng chú ý hơn về những gì đang làm, tập trung hơn hay gần gũi với mình hơn, đến gần bên mình, an ủi mình nhiều hơn. Nhưng anh chồng, sau lúc phấn khởi vì vợ đã về nhà, đầu óc anh thả rộng ra ngoài, anh muốn mọi việc được làm sớm vì anh cũng sắp phải đi làm.

Khi dọn thức ăn lên bàn, tất cả đều nằm trong tầm tay để cả hai khỏi phải đứng lên nữa, thì cũng chính là lúc hai người cảm thấy thấm thía vì có quá ít thời gian để sống gần nhau, buồn đến nỗi không ai đưa nổi muỗng thức ăn lên miệng. Họ chỉ muốn ngồi đó mà nắm tay nhau.

Dường như tách cà-phê chưa kịp uống cạn thì anh chồng đã đứng sau chiếc xe đạp, kiểm tra xem có còn thiếu thứ gì không. Họ ôm nhau. Hình như chỉ lúc đó Arturo mới cảm nhận thân hình mềm mại và nóng ấm của vợ mình. Anh vác lên vai chiếc xe đạp và cẩn thận bước xuống cầu thang.

Elide đứng rửa chồng chén bát. Cô nhìn từ đầu đến cuối những việc nhà mà chồng làm khi cô vắng mặt rồi khe khẽ lắc đầu. Bây giờ thì anh ấy đang đạp xe trên một con đường tối tăm, có những cột đèn thưa thớt. Có thể anh đã đi qua khỏi trạm ga.

Elide tắt đèn, đi ngủ. Từ phần giường của mình, cô đưa một chân về phía chồng để tìm hơi ấm, nhưng mỗi lần như thế cô đều nhận thấy nơi mình nằm là ấm nhất, dấu hiệu là Arturo cũng đã ngủ ở chỗ này và lòng cô dấy lên một niềm thương cảm. ■

Xin lỗi thầy!

DẠNG TRUNG THÀNH

Tường mình là một trường nghèo, học sinh đa phần là dân nhập cư từ các tỉnh lên thành phố trọ học. Thầy nói với chúng con về điều đó một cách hết sức tự hào, rằng tất cả mọi người có giá trị ngang nhau, và tiền bạc là thứ có thể đếm, nhưng sự sâu sắc tâm hồn của một con người thì không; và nếu chúng con dùng tiền bạc để định giá trị đẳng cấp của một ai đó thì còn gì tầm thường hơn thế. Thầy nói với chúng con rất nhiều về cuộc sống, gọi chúng con là những đứa con gái con trai đáng yêu của thầy, và yêu thương chúng con đúng như là tên gọi đó. Thầy trích từ đồng lương giáo viên ít ỏi của mình để đóng tiền trường cho một bạn nghèo khi quá hạn đóng học phí mà ba mẹ bạn ấy không cách gì để xoay sở. Thầy ở cạnh một bạn khác suốt đêm trong bệnh viện khi bạn này được mổ ruột thừa mà gia đình bạn ấy không kịp đón chuyển xe cuối ngày để lên thành phố! Thầy giải tán một cuộc tụ tập gây hấn giữa các băng nhóm trước cổng trường, kéo tay tên... “đại ca” về hết sức dịu dàng “Mình là đàn ông, phải sống cao thượng trong thiên hạ, con trai à!” và chấp nhận đứng ra bảo lãnh cho bạn nam ấy trước hội đồng kỷ luật trường. Và thầy tự hào về con là một học sinh giỏi môn Lý của thầy, kỳ vọng vào con với niềm tin từ một người cha, gửi cho con rất nhiều sách nâng cao cùng tất cả những kiến thức mà thầy có, tận tụy như con tằm rút ruột nhả tơ...

Nhưng có một sai lầm mà đến giờ con mãi không quên. Giờ kiểm tra một tiết môn Lý hôm đó con loay hoay mãi với đám lý thuyết không học do sinh nhật một

người bạn vào hôm qua. Gần hết giờ, mà những bài tập này đúng hết cũng chỉ cứu con tới điểm sáu, trong khi điểm môn Lý con luôn suýt soát mười; trong khi thầy luôn kỳ vọng rất lớn vào đứa học trò bé nhỏ và con luôn kiêu hãnh với bạn bè về môn chuyên của mình... Vậy là giữa những bộn bề suy nghĩ chọn lựa, con quyết định gian lận khi thầy quay mặt đi. Được một câu, sang câu thứ hai thì thầy trông thấy, giá như lúc đó thầy cứ đánh dấu bài, mắng con, hay tệ hơn là tịch thu bài cho không điểm vẫn còn hơn là ánh mắt thầy sừng sốt thất vọng nhìn con. Con thẳng thốt, vì có lẽ điều làm con buồn nhất không phải là những niềm đau hay thất bại, mà là phụ lại lòng tin, gạt đi niềm kỳ vọng và nhìn thấy nỗi thất vọng dâng lên trong mắt người mà mình yêu thương và kính trọng. Thưa thầy, đối với con đó là bài học lớn nhất, và buồn nhất về lòng trung thực. Điều mà thầy đã nói, rằng lòng trung thực, chính là danh dự của con người, và thầy tin con sẽ mãi là một người trung thực... Con lặng lẽ gác bút và nộp bài, nhưng có lẽ điều đó hoàn toàn vô nghĩa, khi ánh mắt của thầy mãi là một hình phạt trong tâm trí con chưa bao giờ có thể quên lãng.

Con ra trường đã mấy năm nhưng mặc cảm tội lỗi cứ day dứt khiến con chưa một lần dám về lại trường để nhìn thầy. Nhưng sẽ là sai lầm nếu như con cứ mãi im lặng về một chuyện đã qua trong quá khứ. Con tin rằng trong những ngày sắp tới, con sẽ là một người đủ bản lĩnh để đến tạ lỗi với thầy. Thầy ơi, thầy tha lỗi cho con được không? ■



Đất phương Nam ngày cũ

Nguồn: dulichgo.blogspot.com

Mắt khóm trong lòng khóm

TRẦN BẢO ĐỊNH

1 Xóm quê tôi, dân mần rẫy thường hay nói: “Mùa màng mong thời tiết thuận hòa!”. Nghĩa là thời hợp tiết; thuận phải hòa... thì dù đất khô cằn, nước phèn chua tới đâu đi chăng nữa, cây khóm vẫn tươi tắn đơm bông kết trái. Ngày đó, tôi bước những bước chun tuổi thơ trên từng rẫy khóm Lương Hòa, hít thở hương đồng cỏ nội quện mùi vị bông khóm, và tôi say say giấc mộng ban đầu tình đất!

Lương Hòa¹ là một làng nhỏ ven sông Bến Lức, con sông nối sông Vàm Cỏ Đông với sông Sài Gòn qua kinh Đò. Hồi nhỏ, tôi nhớ có lần má dạy chị Hai: “Làng mình chỉ có người lương thiện mới chan hòa nhau sống”. Nghe vậy, tôi thầm nghĩ: “Có lẽ tên làng xuất phát từ ‘lương thiện’, ‘hòa hợp’ chăng?”. Vào mùa trăng, những đêm se sắt lạnh, trăng tắm sương ngoài đồng khóm thì trong căn chòi rơm vách đất, mấy má con ngồi chum nhum bên bếp lửa, hong khô cái ướt át nhọc nhằn của sự nghèo khó. Chị Hai hay thắc mắc về gốc tích của miền đất mà cả nhà đang sanh sống. Chẳng những không

la rầy, má còn cố ý khuyến khích; bởi với má, không có thắc mắc thì không có tìm hiểu, và không có tìm thì biết đâu mà hiểu!

Má dẫn giải: “Vùng đất này được xác lập chủ quyền nhà Nguyễn từ năm 1698². Bến Lức tự thân nó có gốc tích, và gốc tích đó còn lưu truyền qua chuyện kể dân gian”.

Trong trí tưởng học trò lớp đệ ngũ (tương đương lớp 8 bây giờ), tôi há hức lắng nghe lời má chậm rãi kể đều đều: “Bến sông có nhiều cây lút nên người xưa gọi là bến lút (lúc), tiếng Khmer gọi Roluk³. Cây lút (hay cây lúc) lá nhỏ, mọc hoang bờ nước; thầy thuốc Nam thường gọi cục tẩn vì nó thuộc họ cúc, hoặc cây từ bì vì nó...”.

Má chưa kịp nói dứt câu, chị Hai nóng ruột vượt miệng: “Vi sao gọi cây từ bì, má?”.

Trời khuya, hình như có tiếng sương rơi lộp độp mái nhà.

“Có lẽ vì cây lút hiến thân cứu lưu dân khỏi những cơn đau bệnh thông thường khi đặt chun tới ‘xứ sở lạ lùng, rừng thiêng nước độc’ này”.

Má nói tiếp: *"Hồi ba đi trực ruộng muốn bị trực trâu gây chấn thương, bầm mình giập cẳng; má bứt lá cây lứt già nhuyển đắp chỗ chấn thương; và chỉ có vậy ba giảm đau, mấy hôm sau lành vết thương"*.

Má nhắc, có lần dì Sáu An Thạnh qua thăm má, dì nói: *"Cây lứt coi quê mùa vậy, nhưng chữa nhức xương mỗi lưng đại tài"*. Rồi dì chỉ về má cách lấy lá, bẻ cành non đâm giã nát, trộn ít rượu nếp hâm nóng, đắp chỗ đau hai bên hông thắt lưng. Đó là, chưa nói tới công dụng của lá lứt trị cảm sốt, nhức đầu hoa mắt... không có thuốc gia truyền nào bì kịp!

Miệng ngáp lên ngáp xuống mấy lần, nhưng tôi cố dần cơn buồn ngủ, ngồi hóng chuyện má dạy biểu chị Hai về cái sự đời quanh quẩn nơi mình đang sống.

"Đục! Buồn ngủ thì ngủ đi con!"

Lời má rơi tùm trong tiếng vạc lưng trời, kêu tiếng kêu đêm về sáng.

Anh Tư con dì Sáu An Thạnh để ý thương chị Hai, nên việc nặng nhọc ở rẫy thầy đều có bàn tay anh chung sức. Ngặt nỗi anh có một đời vợ dù đã chia tay. Chị Hai giẫy nẩy khi có ai đề cập chuyện anh Tư, chị nói: *"Tình cũ không rủ cũng tới"*. Và lại, chị chê anh tánh ngạo mạn. Má nói tánh ngạo mạn từ vọng mà ra. Tôi ý được cả nhà cùng chịu, thường giận hờn với chị Hai mỗi lần có dịp, bèn nói giọng giận hờn: *"Vọng tự nó có chi là xấu, động cơ của vọng nói lên tánh chất tốt xấu. Cụ Nguyễn An Ninh đã từng hô hào 'Thanh niên cao vọng', bộ chị không biết sao?"*

Má la tôi cái thằng được nước nói leo, còn chị thì cười, nụ cười hiền hậu thương em thương người.

Những khi rảnh tay ngưng việc trồng khóm, chị ngồi đờn mê bàng làm nớp cho em ấm lúc ngủ trời sương. Tôi lân la bên chị như lân la bên má, bởi chị tôi có đôi mắt giống hệt đôi mắt của má. Đôi mắt đó có cái nhìn thăm thẳm mỗi chiều xa. Chị khuyên tôi ráng học, mai này... Không biết chị lượm được ở đâu câu nói: *"Hôm nay học tập, ngày mai giúp đời"*, chị dặn dò tôi bằng tất cả tấm chơn tình gửi gắm sự kỳ vọng nơi thằng em.

Chị ghét cay ghét đắng câu hò quê:

Lập vườn thì phải khai mương

Làm trai hai vợ phải thương cho đồng.

Cắc có tôi hỏi: *"Sao chị Hai ghét chi ghét dữ vậy?"*. Sắc mặt nghiêm, chị ngó ra đồng khóm: *"Chị không thích cảnh chồng chung!"*. Tôi cười hì hì: *"Chị coi chừng, ghét của nào trời trao của đó!"*. Thương chị, đôi lúc tôi nhắc: *"Má nói, có việc không mong đợi, chưa phải là muốn, nhưng rồi cũng đành..."*. Như việc trồng khóm thì phải khai mương hai bên liếp khóm; nếu không, tới mùa xoắn khóm chín bán thì lấy đường nào xuống lò khóm từ rẫy ra ngoài ghe thương lái?"

Chị tắt nụ cười xuân thì trên môi thôn nữ!

Song, nói gì thì nói, liếp khóm phải có mặt có chơn.

Mương hai bên liếp khóm có ngang có sâu⁵ thì người không thể không có đôi có bạn! Khóm không kén đất, người kén người chi?

2 Anh Tư rất cẩn thận và tỉ mỉ trong việc chọn khóm giống. Anh chịu thương chịu khó chèo ghe rảo vô các rẫy khóm lão quanh vùng. và có lúc anh lặn lội xuống tới miệt khóm cầu Đức nổi tiếng ở Rạch Giá⁶ tìm mua khóm con mần giống.

Thấy anh cực nhọc không nề hà, đôi no không than thở; lúc nào cũng cười lạc quan, lúc nào cũng một mực chí thú mần ăn; dần dà, chị Hai tôi đối xử với anh bớt ngăn dẫu còn giữ cách. Nhiều đó đủ anh Tư vui, đủ anh Tư mơ điều mơ ước thầm kín riêng mình.

"Anh Tư! Đầu vẫn hơn con. Sao anh không lấy đầu khóm làm giống, coi có phải tốt hơn con?"

Má dợm trả lời thay anh Tư, nhưng nghĩ sao đó, má thôi. Tôi đứng xớ rớ ở hàng ba lu nước, đoán ý má chắc muốn thử sự hiểu biết của anh Tư.

"Cô Hai không biết, chớ đầu khóm sao bằng khóm con".

Rồi anh cắt nghĩa: *"Đầu khóm coi bộ vó ngon lành vậy nhưng chặm ra rế, và nếu trồng nhiều như vườn khóm nhà mình hoặc trồng khóm đại trà, thì đầu khóm lấy đầu cung ứng cho xuể"*.

Anh ngưng nói, vẫn thuốc rê Đức Hòa hút phì phèo. Dường như sợ chị Hai bỏ đi, anh nói hấp tấp: *"Bụi khóm sanh nách cuống, nách cuống đẻ nhiều khóm con. Mình lấy khóm con làm giống vì nó mau bén rễ, mau phát!"*

Nghe anh nói, chị có cảm giác như nghe thầy giảng bài thời còn đi học.

Má tùm tùm cười!

Những ngày nghỉ học, tôi phụ chị công việc trồng khóm. Và thiệt ra, ở quê tôi, công việc trồng khóm đơn giản, nhẹ nhàng hơn bất cứ công việc đồng áng nào khác. Chỉ cần một cái xuống nhỏ, hoặc cái chét xới đất bung lên, vừa hút thuốc vừa đặt con khóm, dĩa đất liếp gốc... Vậy là xong; xong trong tiếng cười đùa, tiếng chuyện vãn râm ran dưới bầu trời chợt mưa chợt nắng.

Anh Tư lom khom lấy kích thước, chị Hai thẳng người căng dây lạt chuối lấy hàng trồng khóm. Hình ảnh đó tuy đơn sơ mộc mạc nhưng đã ngấm vào lòng tôi sự êm đềm khôn tả.

Má thì thầm một mình: *"Hạt mưa rơi ở đây, không có 'Hạt mưa rơi ướt bao hoài vọng' và cũng không có 'Chiều cũ còn vương hơi ấm xưa', mà chỉ có hạt mưa nhắc nhở người trồng khóm xuống con giống. Hạt mưa cho khóm tốt, khóm ngon, khóm ngọt..."*

Và hơn thế nữa, hạt mưa tạo điều kiện thuận lợi cho anh Tư, chị Hai có dịp cận kề nhau qua những ngày lao động cật lực trên từng liếp khóm.

Sau mưa trời nắng! Miền Nam là vậy, và là vậy ở xứ sở Lương Hòa của tôi. Nắng ráo đất, cỏ hoa xanh ngát đường làng. Những liếp khóm thẳng tắp, chạy hun hút và trên vai công vạn vạn lá gai mọc thành cụm, tua tủa như

muôn trùng ngọn giáo, gương vẽ hình hoa thị. Ở đó, trong nắng chiều phôi pha ngày hấp hối, từ trung tâm cụm lá khóm trở bóng và mỗi bóng có đài riêng của bông hoàn toàn độc lập, không dựa dẫm hoặc vay mượn.

Đã bao chiều như vậy, tôi về muộn, má rầy; nhưng tôi không thể về sớm hơn, bởi sự kỳ diệu của thiên nhiên tạo rằng cửa với hăng hà sa số gai nhọn sắc bén ở mép lá khóm. Không hiểu do đất hay nước, từng mặt trên mỗi lá khóm mang màu xanh da trời hy vọng, màu xanh đậm chí tình. Và mặt dưới mỗi lá khóm ôm ấp muôn trùng bụi phấn trắng, viền từng sợi chỉ nhỏ như những sợi dây tơ hồng buộc ràng nhơn ngãi.

Tôi nhớ hoài câu nói của má: *"Thiên nhiên tác động và cảm hóa phần đời quan trọng làm thay đổi tâm tánh con người!"*

* * *

"Út Đực! Đâu rồi?"

"Dạ! Em đây nè chị!"

Chị Hai sai tôi cầm thùng thiếc ra mấy bờ mương liếp khóm bắt ốc lác, để lát nữa má đi chợ Bến Lức về làm món "ốc lác xào khóm" cho cả nhà ăn cơm chiều.

Tôi cười vui trong bụng, vì tôi biết món "ốc lác xào khóm" là món khoái khẩu của anh Tư; chị sai tôi đi bắt ốc lác cũng có nghĩa là...

"Sao còn đứng tần ngần đó, Út Đực!"

Tiếng chị giục cắt cụt dòng suy nghĩ đầy hứng khởi trong tôi.

Khi những hạt nước tụ thành mưa và mưa đổ trắng cánh đồng, nước ngập mương liếp khóm, thì ốc lác vỏ cứng màu đen sau bao ngày giấu mình dưới đất nắng mùa khô hạn vội vã và mừng rỡ kết bầy bò lên mặt đất để trứng. Vào thời khắc đó, kẻ đi bắt ốc lác bắt đã tay!

Mùi khóm chín đầu mùa quyến rũ tôi ngất trong ngây dại hương quê. Người làng tôi gọi đó là mùi nhớ và tình làng nghĩa xóm cũng từ đó mà ra. Má nói: "Có thương mới có nhớ. Nhớ là kết quả của thương". Mùi khóm chín đầu mùa là kết quả sự trưởng thành của cây khóm. Tôi ngồi nghỉ mệt trên bờ mương, hồi tưởng: *"Trục của bông và các lá bắc mọc nước tụ lại thoát trông như trái khóm, nhưng trái thật lại là các mắt khóm"*. Rồi tôi sực nhớ có lần má hỏi: *"Bông sanh trái. Có bao giờ bông buộc trái nghĩ tới bông?"*. Hồi đó tôi ngây thơ quá nên chưa kịp hiểu điều má hỏi.

Vừa xách lưng thùng thiếc ốc lác đến cổng rào, tôi đã nghe văng vẳng tiếng má rầy chị Hai: *"Sao con biểu nó đi bắt ốc lác giờ này? Muốn ăn ốc lác, không thể vừa bắt xong là ăn liền được"*.

Khựng lại, tôi không vội vào nhà.

Hình như, má giải thích với chị Hai: *"Ốc lác là loài ăn đất, ăn rong. Người ăn nó phải rọng đôi ba ngày để nó có thời giờ nhả chất dơ. Nếu, ăn kiểu 'mì ăn liền', ăn kiểu 'bốc lột' thì tất bụng sẽ sinh! Đã vậy, muốn ăn món ốc xào khóm thì trước lúc chế biến, con cần lấy nước vo gạo pha với ít giấm giã nát rọng ốc một lần nữa"*.

Tôi nghe tiếng đặng tiếng được của chị Hai: *"Vậy, hả má!"*

Má nói tiếp: *"Cay ốc lác khô vỏ, ngâm nước phèn chua chà sạch; sau đó rửa lại ốc bằng nước lạnh và để ráo nước"*.

Giả lả với má, coi như tôi không nghe gì cả.

Ngó chị Hai, tôi mỉm cười, và bỗng dưng tôi thêm mùi vị ốc lác xào khóm do chị từng đãi anh Tư. Chị gọt khóm sạch, bỏ cùi, cắt khóm thành miếng vừa vận đũa gấp. Tôi phi vàng, chảo bén lửa nóng xào ốc lác trước, tới lúc ốc săn thịt thì cho khóm vào chảo sau khi đã nêm gia vị thấm, và khóm vừa chín tới là xong. Chị rải tiêu, rắc ngò lên "ốc lác xào khóm", anh Tư đưa cay phảng phất hương lòng!

Thiệt tình chị Hai không phải không biết những điều má nói. Chẳng qua chị nhớ anh Tư, lấy món ăn làm cái cớ rủ anh sang, dẫu rằng ăn ốc gấp gáp là nghịch với thường khi.

Lúc ra bến sông tắm, chị đứng trên cầu nước nói vọng xuống:

- Này, cậu "quý" lắm đó nha!

Tôi cười tinh nghịch. Tiếng cười tinh nghịch đồng cảm với chị tôi!

3

Anh Tư bỏ rẫy lên thành.

Những chiều muộn, sương đồng bằng giăng giăng liếp khóm, chị Hai thơ thẩn vào ra. Tôi vô tình hỏi chị: *"Chị Hai! Sao chị buồn dầu dầu... vậy?"*. Nghe tôi hỏi, chị lặng lẽ quay lưng đi. Nhiều đêm, má an ủi chị qua những câu chuyện kể khúc quanh đời cây khóm.

"Khóm, thơm, dứa... chỉ là tên gọi của một nòi cây. Có thể, cùng một nòi nhưng giống khác nhau, và giống khác nhau cũng có thể do phong thủy vùng miền nơi nó sanh sống. Nòi quan trọng hơn giống!"

Nằm hóng chuyện, tôi liên tưởng: Lá khóm nhiều gai và cứng, lá thơm không gai nhưng có răng cửa dọc viền, lá dứa trơn và không gai. Màu vỏ trái khóm vàng sậm hơn thơm, màu vỏ trái thơm vàng nhạt, màu vỏ trái dứa xanh vàng. Và kích thước mỗi giống trái khác nhau, thì mắt mỗi giống trái không thể nào giống nhau. Mắt khóm nhỏ, dày, nhọn, nhô ra đặc thân; mắt thơm lớn, thưa, phẳng không nhô ra nhiều; mắt dứa lớn... Mặt người không giống nhau, thì lòng người sao giống nhau được? Vì vậy, 'nào ai lấy thước mà đo lòng người!'

Chị Hai nói chị thương anh Tư từ lúc nào chị cũng không biết, chỉ biết rằng mỗi lần vắng anh, chị thấy lòng mình nhớ nhớ thương thương... Mấy chị em bạn của chị hay nói xa nói gần: *"Tại mày không biết tưới khi đã lên đợt khóm nên khóm chậm trở bông"*.

Nghe vậy, tôi hỏi má; mần thỉnh hồi lâu má mới nói: *"Muốn khóm trở bông rộ cùng lúc, nhà vườn dùng khi đã pha nước tưới lên đợt khóm khi cây khóm độ mười tháng"*



Nguồn: dulichsinhthai.net

tuổi. Việc đó, thì chị Hai của con dư sức biết và có khi còn biết rành hơn cả chị em bạn trong xóm”.

“Má! Sao chị Hai không mần?”.

Má đứng dậy đi lấy nồi vo gạo nấu cơm chiều.

Ài đó nói rằng “thời gian là liều thuốc quý xoa dịu vết thương lòng!”. Với chị Hai, không hẳn là như vậy, vì vết thương tấy lên mỗi nhịp thời gian trôi qua và chị kiên nhẫn chờ đợi người chị thương theo năm tháng. Chị tâm sự với má: “Chờ đợi là chỉ dấu hy vọng, con nuôi hy vọng để giữ chờ đợi”.

Mãi về sau tôi mới hiểu vì sao chị từ chối tưới khí đá lên đọt khóm. Bởi tình yêu của chị dành riêng cho anh Tư không là thứ hàng hóa. Người trồng khóm muốn thu ngắn thời gian khóm trở bông từ mười tám tháng xuống còn mười tháng hoặc một năm, hay muốn khóm ra trái cùng lượt để dễ bán cho thương lái thì chẳng gì bằng việc cứ tưới khí đá lên đọt khóm. Chị ưng khóm của chị ra trái tự nhiên dù khóm ra trái lọt chọt, lẻ tẻ không đều. Chị không thích thu ngắn thời gian yêu thương bằng sự xúc tác không từ thương yêu.

Rồi những hạt mưa buồn thấm ướt những mùa khóm đi qua. Món ốc lác xào khóm ngày cũ dường như mùi vị đã nhạt lâu rồi. Và nếp nhẫn đợi chờ hẳn lên trán chị tôi... Nhưng trong thâm tâm, chị vẫn nhút mực tin anh Tư sẽ quay về!

Chị nói: “Mùa khóm chín, việc xắt trái khóm chẳng dễ dàng gì. Cái ‘chẳng dễ dàng gì’ chính là giá trị đích thực của một quá trình lao động và sự chờ đợi thu hoạch của người trồng khóm”.

Tôi biết chị muốn tôi bớt ái ngại, lo lắng mỗi khi bắt chọt bắt gặp chị buồn bã... nhớ người nên chị khêu gợi lại trong tôi hình ảnh má đi xắt khóm chín: “Giữ đôi chun khỏi bị lá khóm đâm bằng cách mang gài cao su ống cao, đôi tay mang bao may bằng vải dầy, dao yếm

bén ngọt tra cán cây dài áng chừng hai ba thước để má có thể đi giữa liếp xắt trái khóm ở hai bên”.

Thì ra, chị “gìn vàng giữ ngọc” với anh Tư, mặc cho “tuồng đông ong bướm đi về mặc ai”⁸. Chị giữ cái cần giữ như má giữ chun, chị gìn cái cần gìn như má gìn đôi tay... Má thông dong xắt trái khóm thuộc về mình.

4 Ba năm sau, anh Tư quay về!

Đêm trùng phùng dưới ánh đèn dầu không đủ sáng thời thiếu dầu thấp, chị Hai không trách người mình thương mà chỉ nói: “Nếu người Bến Lức ly hương không thể nào quên bến cũ, không thể nào không nhớ dòng sông Vàm Cỏ Đông và chẳng nhớ phụ rầy cây lứt, thì người Lương Hòa xa xứ làm sao bỏ cây khóm quê nhà!”.

Hình như có tiếng khê khàng của anh Tư: “Giờ thì mất khóm trong lòng khóm rồi đó, mình!”.

Chú thích:

1. Xã Lương Hòa thuộc huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
2. Nguyễn Hữu Cảnh (1698) vào kinh lược miền Nam, vùng đất Bến Lức thuộc huyện Tân Bình, dinh Phiên Trấn, phủ Gia Định. Đến thời Minh Mạng, vùng đất này tách đôi, phần lớn diện tích thuộc huyện Tân Long, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định; và phần còn lại thuộc huyện Cửu An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.
3. Cuối thế kỷ VI, Chân Lạp chiếm miền Bắc nước Phù Nam. Thế kỷ VII (khoảng 612-628), Chân Lạp thôn tính toàn bộ nước Phù Nam (trong đó có vùng đất gọi là Bến Lức tức Roluk).
4. Hội kín Nguyễn An Ninh hoạt động ở Nam Kỳ 1923-1929, chống chánh quyền thực dân Pháp
5. Thông thường chun liếp 3m, mặt liếp 2,50m; mương bề ngang khoảng 5m, bề sâu độ 5 tấc.
6. Sau này thuộc tỉnh Chương Thiện, bây giờ là tỉnh Hậu Giang.
7. Acetylen còn gọi là khí đá.
8. Truyện Kiều, Nguyễn Du.

TỌA ĐÀM KHOA HỌC

Chủ đề: **BƯỚC ĐẦU TIẾP CẬN DI SẢN PHẬT GIÁO QUẢNG TRỊ**

Chủ trì: **Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Trị**

Đơn vị phối hợp: **Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán - Huế**

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN ĐỊA ĐIỂM

- Thời gian: Chủ nhật, ngày 01-4-2018 (nhằm ngày 16 tháng 2 năm Mậu Tuất)
- Thời lượng: 180 phút (từ 14giờ00 đến 17giờ00)
- Địa điểm: Văn phòng Ban Trị sự - Tổ đình Sắc tứ Tịnh Quang, Quảng Trị

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ

- Chư tôn đức Thường trực BTS, chư tôn đức các tự viện, chư tôn đức đồng hương Quảng Trị
- Chư tôn đức Ban điều hành Trung tâm VHPG Liễu Quán - Huế
- Lãnh đạo Chính quyền và đại diện các Ban, Ngành chức năng tỉnh Quảng Trị
- Quý vị nhân sĩ trí thức, các nhà nghiên cứu văn hóa tại Quảng Trị và Huế
- Chư thiện hữu tri thức, quý đạo hữu phật tử

III. CÔNG TÁC TỔ CHỨC

- Tổ chức thực hiện: Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Trị
- Thư mời đại biểu tham dự: Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Trị
- Phụ trách nội dung: Trung tâm VHPG Liễu Quán và Văn phòng BTS GHPGVN tỉnh Quảng Trị
- Nội dung tọa đàm: Giới thiệu các tư liệu, thư tịch cổ, bi ký và các di chỉ Phật giáo Quảng Trị (có chương trình riêng).
- Tiệc chay thân mật sau giờ tọa đàm: Ban Tổ chức.

IV. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

- **Ngày 07-3-2018:** Lãnh đạo BTS GHPGVN tỉnh Quảng Trị và lãnh đạo Trung tâm VHPG Liễu Quán gặp mặt hội ý và thống nhất về chủ trương.
- **Ngày 10-3-2018:** Trình dự thảo đề án Tọa đàm khoa học tại phiên họp thường kỳ của Thường trực Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Trị.
- **Thượng tuần tháng 2 năm Mậu Tuất:** Cần có phiên họp liên ngành để rà soát công tác tổ chức.
- **Ngày 01-4-2018** (Chủ nhật, 16 tháng 2 năm Mậu Tuất): Chính thức tổ chức Tọa đàm.

Kính thưa chư Tăng Ni, Phật tử và chư thiện hữu tri thức xa gần,

Với mong muốn từ Tọa đàm này hy vọng sẽ thu thập được các nguồn tư liệu, thư tịch cổ, bi ký cũng như gia truyền, gia phả và các di chỉ Phật giáo Quảng Trị... mà những người con Quảng Trị đi xa quê (trong nước và hải ngoại), hiện đang lưu giữ. Chúng tôi kính mong chư liệt vị hoan hỷ cung cấp, xin gửi về cho Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Trị (TT. Thích Quảng Thiện, ĐT: 0903 781 064) đăng tập hợp, đúc kết nhằm tạo nền tảng và giếng nước vũng chắc cho Phật giáo Quảng Trị để phổ biến cho đại chúng và lưu truyền hậu thế mai sau.

Ngoài ra, Tọa đàm này còn giúp cho Phật giáo Quảng Trị tiếp cận với một phương thức hoạt động mới chủ đạo trong vấn đề văn hóa, giáo dục và phát triển tâm linh; tạo đà tiếp bước cho Phật giáo Quảng Trị chuyển mình.

Ước mong qua Tọa đàm này, sẽ được các bậc thiện tri thức Phật giáo nói chung và chư Tăng Ni Phật tử Quảng Trị nói riêng cùng nhau kết nối để giúp cho Phật giáo Quảng Trị lan tỏa. Đó là ước mong chung của Ban Tổ chức chúng tôi, xin chư liệt vị quan tâm.

Nam mô Hoan hỷ tạng Bồ-tát ma ha tát.



DU LỊCH HOA SEN

nơi tin cậy cho khách du lịch và hành hương tâm linh quốc tế

Đời người ngắn ngủi, chỉ một hơi thở ra mà không hít vào là mạng vong; thần thức lìa xác ra đi sẽ tùy theo nghiệp duyên để thọ sanh trong lục đạo; nhà cửa, của cải... có mang theo được đâu! Cho nên trong cuộc sống, chư thiện hữu cần chuẩn bị hành trang cho mình qua việc tu phước huệ và cố gắng nhất là những ai yêu mến đạo Phật nên tham gia hành trình du lịch tâm linh về miền đất Phật để chiêm bái, tu tập và tìm hiểu lịch sử thông qua những Thánh tích Phật giáo ở Ấn Độ để tăng thêm tín tâm làm hành trang trong việc tu học.

Tuy nhiên, muốn tìm tour hành hương tâm linh về đất Phật như ý nguyện; quý vị nên cẩn trọng chọn lựa tiêu chí cho phù hợp như: Công ty tổ chức tour quốc tế có chuyên nghiệp không? Hướng dẫn viên (HDV) du lịch có am hiểu Thánh tích, có thông thạo nơi đến (hoặc có kết hợp chặt chẽ với HDV nước sở tại không)? Việc ăn nghỉ, phương tiện di chuyển có tiện ích và hợp với mình chăng? Điều cần nhất là công ty tổ chức tour đó có giấy phép hành hương quốc tế hay không? Ngoài ra, quý vị cũng có thể tìm hiểu từ những người đã đi tour của công ty... Vì hiện nay, trên thị trường du lịch tâm linh có rất nhiều tour của các đơn vị, nhưng chính thống (có giấy phép hành hương quốc tế), còn rất ít, đa phần các đơn vị chỉ có phép du lịch trong nước hoặc tự phát, nhưng họ cũng tổ chức thành tour với sự cạnh tranh về giá làm cho du khách không biết đâu mà phân biệt; chỉ đến khi tham gia tour về mới hiểu ra thì đã muộn.

Chúng tôi đến dự tất niên Đinh Dậu ở chùa Hòa Quang, được nghe Ni trưởng Thích nữ Như Trí, trụ trì và quý Phật tử đã đi tour du lịch ở Đài Loan (8/2017) và mới đây (1/2018) tour du lịch hành hương tâm linh về miền đất Phật do **Công ty TNHH hành hương quốc tế Hoa Sen** tổ chức được tiếng là chu đáo và phục vụ tốt (công ty đã có hơn 10 năm hoạt động) đã làm đẹp lòng các thành viên trong đoàn, quý bác Phật tử (đã 80 tuổi) phấn khởi kể với chúng tôi:

“Công ty Quốc tế Hoa Sen chăm lo tốt việc ăn uống, nghỉ ngơi của đoàn; vì sau một ngày chiêm bái, tham quan ai cũng có phần thấm mệt, nên công ty bố trí cho chúng tôi nghỉ ngơi ở khách sạn 4 sao. Tuy nhiên, gặp địa phương không có khách sạn, công ty sẽ bố trí nghỉ ngơi ở chùa (dành cho khách vắng lai) cũng đầy đủ tiện nghi và sự thoải mái. Do bữa

ăn của xứ Ấn không hợp khẩu vị với đoàn, nên công ty ưu tiên tổ chức nấu ăn chay do đầu bếp người Việt đi theo để phục vụ chư tôn đức, Phật tử dự tour trong suốt thời gian hành hương tâm linh ở Ấn Độ. Quá trình di chuyển, chúng tôi được đi xe máy lạnh cao cấp. Ngoài ra, công ty còn có chế độ bảo hiểm tai nạn theo quy tắc bảo hiểm Việt Nam với mức tối đa 200 triệu đồng. Đặc biệt, đoàn chúng tôi đi đông và đa phần người lớn tuổi nên công ty có bố trí một vị bác sĩ theo đoàn, nên ai nấy rất an tâm... Trong lộ trình, đoàn đến chiêm bái Tứ động tâm, Khổ hạnh lâm cùng nhiều thánh tích và thắng tích; công ty đã tạo duyên lành cho khách trong đoàn bố thí cư dân nghèo, thăm và cúng dường ở hai chùa Việt Nam; đến

trú xứ của ngài Đạt-lai Lạt-ma được vào viếng bái, cúng dường. Riêng với tour Đài Loan, đoàn chúng tôi được hưởng theo tiêu chuẩn ăn nghỉ cao cấp của khách sạn, riêng chư tôn đức được công ty đặt món chay theo khẩu vị của chư vị để nấu cho phù hợp; Ni trưởng Như Trí, chư Ni vô cùng hoan hỷ về sự quan tâm này”.

Riêng chúng tôi sắp đi du lịch nước ngoài, nên cũng muốn tìm hiểu về các tour như: Bắc Kinh, Myanmar, Bhutan, Singapore,

Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, v.v... Theo anh Thiện An (Phó GD) cho biết: Trong việc ngủ nghỉ được công ty bố trí ở khách sạn quốc tế, ăn uống theo thực phẩm của nước sở tại theo dạng cao cấp và công ty vẫn quan tâm đặt món chay theo khẩu vị của chư tôn đức để họ nấu cho phù hợp... Với các nước tiên tiến, mô hình tour sẽ rất uyển chuyển. Chẳng hạn như đến Nhật Bản, đoàn được tham quan về nền công nghệ tiên tiến, cuộc sống và sinh hoạt cư dân ở những thành phố nổi tiếng. Kế đó, HDV sẽ kết hợp cho đoàn đến viếng bái ở các ngôi chùa linh thiêng và danh tiếng. Ở Nhật, chùa chiến thường được xây dựng trên núi với lối kiến trúc độc đáo, nếp tu và sinh hoạt của các thiền sư có nhiều điều cho đoàn học tập và những điều tốt lành tiếp nhận...

Được biết, Công ty còn có chính sách giảm giá cho chư tôn đức Tăng Ni. Ưu tiên những vị dẫn đoàn sẽ được giảm giá 30%. Ví dụ: giá tour 1.300 USD thì chư Tăng Ni chỉ đóng 1.000 USD... Trường hợp những chư vị không đủ khả năng, nhưng tha thiết mong muốn được tham gia tour hành hương tâm linh, công ty sẽ áp dụng chế độ ưu đãi như miễn phí các loại phí visa, ăn ở và phương tiện đi lại (tại nơi tham quan), riêng



DU LỊCH HOA SEN

Với những hình ảnh dưới đây của Đoàn
tại các thánh tích ở miền đất Phật



tiền vé máy bay khứ hồi chư vị phải tự lo (thỉnh thoảng cũng có trường hợp đặc biệt mới được miễn phí hoàn toàn)...

Được tiếp xúc với anh Thiện An (Phó GD), tạo cho chúng tôi niềm an vui và tin tưởng cho chuyến đi du lịch sắp tới của mình. Chúng tôi kính chúc cho quý công ty ngày càng phát triển để phục vụ cho chư Tăng Ni, Phật tử và du khách cả nước.

ĐAN TÂM - HỒ THỦY

Quý vị muốn đặt tour xin liên hệ:

Công ty TNHH hành hương quốc tế Hoa Sen

103 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, TP.HCM

ĐT: 0904 999571 – 01239 017018 - (028) 66 845099

Gặp Pháp Tâm hoặc thầy Thiện Đức

để được tư vấn cụ thể.

Những điều cần biết:

Bệnh lý mạch máu não nguy hiểm nhất!

Đột quy - Tai biến mạch máu não xảy ra đột ngột là bệnh lý mạch máu não nguy hiểm nhất, gây tử vong cao và để lại di chứng nặng nề. Các chuyên gia y tế cảnh báo, việc can thiệp khi bệnh đã xảy ra bằng các thuốc trị đột quy hoặc các phương pháp phẫu thuật rất tốn kém và khó khăn, chưa kể người bệnh khó hồi phục hoàn toàn. Do đó, điều quan trọng là có hướng dự phòng sớm.

Hiện nay đặc trưng bởi hiện tượng máu lên não bị gián đoạn đột ngột:

Nhồi máu não (chiếm 85%): Xảy ra khi một vùng não không được cấp máu, thường là do hẹp hoặc tắc một động mạch não. Tình trạng bít tắc kéo dài cản trở máu lưu thông lên não, khiến các tế bào não thiếu hụt oxy quá mức và chết đi, ảnh hưởng đến các chức năng cơ thể mà vùng não bị chết chi phối.

Xuất huyết não (chiếm 15%): Bệnh xảy ra do một mạch máu não bị vỡ, kết quả là máu thấm vào mô não, gây tổn thương cho các tế bào não, phổ biến nhất của dạng này là kết hợp giữa huyết áp cao với chứng phình động mạch não hay dị dạng mạch máu não bẩm sinh...

Gốc tự do -

"thủ phạm" thâm nhập gây đột quy

Những căng thẳng áp lực trong cuộc sống hiện đại, mất ngủ, lạm dụng bia rượu, thuốc lá, thức ăn nhanh... Đây là thủ phạm gây ra lão hóa và bệnh tật cho cơ thể. Gốc tự do tấn công làm tổn thương nội mạc mạch máu khiến thành mạch không còn trơn tru, tạo điều kiện thuận lợi xuất hiện các mảng xơ vữa khiến lòng mạch bị thu hẹp, dòng máu lưu thông khó khăn, gây ra hiện tượng thiếu máu não. Đồng thời, khi mảng xơ vữa bong ra khỏi thành mạch gắn kết với các tế bào máu và yếu tố khác hình thành các cục máu đông có thể kẹt lại tại nhiều vị trí trong mạch máu não, gây tắc nghẽn mạch máu, dẫn đến đột quy.

Dấu hiệu nhận biết đột quy - tai biến mạch máu não

♦ **Khuôn mặt:** Dấu hiệu dễ nhận thấy là mặt bệnh nhân bị méo, có cảm giác tê, cứng nửa bên mặt hoặc 1/4 mặt dưới.

♦ **Tay:** Diễn tiến từ từ như tê mỗi một bên tay; vùng vế trong những thao tác, công việc quen thuộc; cũng có thể ở chân như đi dễ bị vấp té; bước đi khó khăn hoặc nặng nề hơn bình thường; nhắc chân không lên hoặc dễ bị rơi dép...

♦ **Lời nói:** Một số người đột quy nói khó, nói đớ hoặc môi, lưỡi bị cứng, tê. Có thể yêu cầu bệnh nhân nói chuyện với một vài câu đơn giản một cách mạch lạc. Từ đó, có thể nhận ra việc bệnh nhân nói không rõ, nói chậm hơn bình thường hoặc phải gắng sức khi nói.

♦ **Thời gian:** Đột quy là bệnh cần tuân thủ nghiêm ngặt "**thời gian vàng**" **cấp cứu trong 3 tiếng đầu sau tai biến mạch máu não**. Chỉ trong thời gian này thì việc dùng thuốc trị đột quy hay các biện pháp phẫu thuật



mới có thể giúp bệnh nhân tránh nguy cơ tử vong và những di chứng khác. Do đó, khi phát hiện những dấu hiệu trên cần nhanh chóng chuyển bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

Phương pháp dự phòng ngăn đột quy - tai biến mạch máu não

Nên phòng ngừa đột quy từ sớm, đây chính là cách hữu hiệu để bảo vệ cơ thể trước sự tấn công của bệnh.

Kiểm soát các yếu tố nguy cơ: Mỗi người cần kiểm tra sức khỏe định kỳ và điều trị các yếu tố nguy cơ như tiểu đường, tăng huyết áp, bệnh lý tim mạch, thừa cân, béo phì...

Chủ động thay đổi lối sống: Xây dựng kế hoạch làm việc khoa học, tránh mất ngủ, căng thẳng, stress; duy trì chế độ dinh dưỡng hợp lý (hạn chế chất béo, ngọt, đường, bột, thức ăn nhiều muối; ăn nhiều rau, củ, trái cây), vận động thường xuyên (đi bộ, chạy bộ, đạp xe... 30 - 60 phút mỗi ngày, 4 - 5 lần/tuần); hạn chế bia rượu, không hút thuốc lá...

Chống gốc tự do, bảo vệ mạch máu: Việc chống gốc tự do, bảo vệ thành mạch không hình thành xơ vữa mạch máu được xem là giải pháp bền vững dự phòng đột quy. Các nhà khoa học Mỹ mới đây đã tìm ra tinh chất thiên nhiên từ Blueberry (có trong OTiV) hoạt chất sinh học thiên nhiên Anthocyanin và Pterostilbene (xuất xứ Bắc Mỹ) có khả năng vượt qua hàng rào máu não, trung hòa các gốc tự do làm giảm hiện tượng xơ vữa và ngăn ngừa huyết khối hiệu quả, giúp phòng ngừa hữu hiệu cơn đột quy não.

(Nguồn: online OTiV)



Trung tâm Tư vấn Y khoa
028 - 38112 777



Restaurant

Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Cơm có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (028) 384 82612 - 0909 025469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

○ **Website:** nhahangchayvietan.com

○ **Email:** nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

QUANG NGHỆ

QUANG NGHỆ CO., LTD.

NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



DU LỊCH HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)
- ✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr900 (6N)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 10tr500 (5N)
- ✓ Myanmar - Bago - Thuylin - Yan Gon: 10tr900 (4N)
- ✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland: 13tr990 (4N)
- ✓ Nhật Bản - Juji - Tokyo: 27tr500 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành: 11tr590 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Trương Gia Giới: 17tr390 (6N)

Đặc biệt

CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

TƯ VẤN THIẾT KẾ

KHÔNG GIAN THỜ CÚNG - THIỀN TRÀ NGHỆ THUẬT



HOTLINE: 0902 848 363
0938 959 503
0906 955 663



ĐIỀU TƯỚNG AM HỒ CHÍ MINH:
- 382B D-E-F-G, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
- 668 Nguyễn Chí Thanh, P.4, Q.11, TP.HCM
- 212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, TP. HCM

ĐIỀU TƯỚNG AM HÀ NỘI:
- 54 LÝ THƯỜNG KIỆT, Q. HOÀN KIẾM, HN
- 112 PHỐ HUẾ, P. NGŨ THỊ NHẠM, Q. HAI BÀ TRUNG, HN



CÔNG TY TNHH ĐIỀU KHẮC ĐÁ

MỸ HẢO

Giao hàng tận nơi - Uy tín - Chất lượng là trên hết
Kinh nghiệm hơn 20 năm trong nghề.

Chuyên thiết kế & Thi công

- ◆ Tượng đài
- ◆ Tượng nghệ thuật
- ◆ Cổng tam quan, lan can
- ◆ Tượng tôn giáo
- ◆ Lăng mộ
- ◆ Tranh phù điêu, các linh vật

Nhà xưởng: 225B, Tổ 5, Thiên Bình, Tam Phước, TP. Biên Hòa - Đồng Nai

Văn phòng công ty: 363B đường Ông nước Thô, khu phố Tân An, phường Tân Đông, thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Website: tuongdamyhao.com - Email: dieukhacdamyhao@gmail.com

Nghệ nhân NGUYỄN ĐỨC THÌN
Giám đốc. ĐT: 0989 212189 - 0122 868 7979



CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp sỉ và lẻ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (028) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com

Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Cùng nhau hùn phước xây chùa

PHÁP TUỆ - TÂM CAO

Nhân duyên, trước đây chúng tôi được diện kiến Hòa thượng Thích Giác Văn, trụ trì chùa Phước Huệ, TP. Biên Hòa, lúc đó Ngài đảm trách **Đệ ngũ Tôn chứng trong Thập sư Tăng Đại Giới Đàn Pháp Loa – 2017.**

Gặp lại chúng tôi, Hòa thượng rất vui, sau khi dùng trà và hàn huyên, Ngài ngâm bài thơ để tỏ rõ chí nguyện của mình: *"Biển Đông bao cạn, mặt nhật há mòn/Chí đã quyết, lòng son khăng khẳng/Một lời thể nặng vạn thuở không ngoa/Trí đại hải xông pha, phá bức màn huệ kiếp/Kia sống mái muôn trùng điệp điệp/Nợ hang hùm hổ thắm sau lưng/Đuốc tuệ tỏa bừng đường Tây phương dũng tiến/Đạp sóng gió ngai chi nguy biển/Đường sơn xuyên muôn đoạn gian lao/Tự lực đại hùng, gươm thần sát biển/Thân này ta điều khiển phục quân ma, phỉ chí anh hào/Quyết một lời vàng, lòng chẳng vấn vương/Đạp tiêu sóng gió dữ kiên cường/Cương thể lập nguyên, lòng khăng khẳng/Trường kỳ dặm thẳng tiến Tây phương"...*

Hòa thượng là bậc tôn túc của Giáo hội. Ngài xuất gia từ năm 1968, tham gia Giảng sư đoàn Phật giáo của TP. Biên Hòa và tỉnh Đồng Nai, từng đảm nhận các trọng trách trong Ban Trị sự GHPGVN TP. Biên Hòa; nay tuổi cao chỉ còn tham gia Ban Chứng minh và được Phật tử và nhân dân tín nhiệm bầu Ngài vào HĐND của địa phương. Suốt cuộc đời Ngài lúc nào cũng vì đạo pháp và dân tộc; nay tuổi Hạ đã cao mới có thời gian nghĩ đến việc trùng

tu, tôn tạo ngôi Tam bảo để làm duyên tu học cho Tăng chúng, Phật tử và lợi lạc cho chúng sanh.

Được biết, chùa Phước Huệ vừa được động thổ ngày 19 tháng Giêng năm Mậu Tuất để trùng tu, tôn tạo trên khuôn viên của ngôi chùa cũ, do vì chùa xưa đã lâu năm (hơn 50 năm qua), xuống cấp nghiêm trọng, những khi trời trở gió, trái gió không an toàn cho chư Tăng (5 vị) an trú hay khi Phật tử cúng dường trai Tăng hoặc ngày Rằm hội chúng nghe pháp cũng như buổi chiều tối Phật tử bái Phật, tụng kinh (thường nhật được trên 40 người), vào các ngày lễ lớn Phật đản, Vu lan, số lượng Phật tử và bà con trong địa phương đến chùa lên số trăm...

Theo bản vẽ được duyệt và dự toán công trình, kinh phí xây dựng. Hiện nay, khả năng tài chánh của nhà chùa chưa hội đủ.

Chư Tổ Thầy khuyên dạy:

*"Xây chùa, tạo tượng, đúc chuông
Cả ba việc ấy, chúng sanh nên làm"*

Chúng tôi thiết nghĩ, đây là dịp để quý Phật tử và đàn na tín chủ gần xa hữu duyên, tăng tạo phước điền cho mình và gia quyến cũng như hồi hướng công đức phước báu cho người thân quá vãng, bằng cách phát tâm cúng dường tịnh tài, tịnh vật để hộ cho chùa Phước Huệ tái thiết. Kính mong được đại chúng quan tâm.



PHỐI CẢNH CÔNG TRÌNH

CHÙA PHƯỚC HUỆ

ĐỊA ĐIỂM: P. THỐNG NHẤT - TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

CHỦ TRƯỞNG CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN SỐ 10745/UBND-VX

NGÀY 19 THÁNG 11 NĂM 2016 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG

BÌNH QUANG

ĐƠN VỊ: 60/60 và 60/60 - 1/200/1/200 - 1/200/1/200

ĐƠN VỊ: 60/60 và 60/60 - 1/200/1/200 - 1/200/1/200

ĐƠN VỊ: 60/60 và 60/60 - 1/200/1/200 - 1/200/1/200

Mọi phát tâm cúng dường hoan hỷ gửi về:

Hòa thượng Thích Giác Văn, trụ trì chùa Phước Huệ (thê danh: Lê Văn Hành) ĐT: 0918174047. Đường Nguyễn Văn Hoa, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa.





ỐNG NHỰA HOA SEN

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



MUA HÀNG ONLINE
NHẬN NGAY

THẺ
CÀO

www.hoasengroup.vn

(Áp dụng trên toàn quốc từ 25/02/2018 đến 31/5/2018)



CÔNG NGHỆ

CHÂU ÂU



MUA HÀNG
TRỰC TUYẾN



TỔNG ĐÀI TƯ VẤN
1800 1515